



LÊ THANH HOA

QUẢN LÝ CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

THS. LÊ THANH HOA



QUẢN LÝ CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

Dùng cho ngành đào tạo: Quản lý văn hóa



Quảng Ninh, 2021

THS. LÊ THANH HOA



TÀI LIỆU DẠY HỌC
QUẢN LÝ CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

Dùng cho ngành đào tạo:

Quản lý văn hóa

Quảng Ninh, năm 2021

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
LỜI NÓI ĐẦU	5
DANH MỤC HÌNH.....	6
DANH MỤC CÁC CHỮ CÁI VIẾT TẮT	7
CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ QUẢN LÝ CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA	1
1.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM.....	1
1.1.1. Khái niệm quản lý	1
1.1.2. Khái niệm Thiết chế.....	6
1.1.3. Khái niệm về thiết chế văn hóa	6
1.1.4. Khái niệm về quản lý các thiết chế văn hóa	8
1.2. VAI TRÒ CỦA CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA.....	8
1.3. CHỨC NĂNG CỦA CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA.....	10
1.3.1. Chức năng thông tin và giáo dục	10
1.3.2. Chức năng sáng tạo không chuyên	12
1.3.3. Chức năng giao tiếp.....	13
1.3.4. Chức năng nghỉ ngơi vui chơi giải trí	14
1.3.5. Chức năng tổ chức hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa	14
1.4. CÁC LOẠI HÌNH THIẾT CHẾ VĂN HÓA - XÃ HỘI.....	16
CÂU HỎI ÔN TẬP.....	22
CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN.....	22
TÀI LIỆU THAM KHẢO CHƯƠNG 1	22
Chương 2. CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA Ở VIỆT NAM	23
2.1. THIẾT CHẾ THƯ VIỆN.....	23
2.1.1. Lược sử hình thành và phát triển của hệ thống thư viện Việt Nam.....	23
2.1.2. Định nghĩa về thiết chế Thư viện	24



2.1.3. Chức năng, nhiệm vụ của thiết chế Thư viện	26
2.1.4. Tổ chức hoạt động của thiết chế thư viện	26
2.1.5. Quy trình hoạt động nghiệp vụ kĩ thuật thư viện.....	27
2.1.7. Phân loại thư viện Việt Nam.....	36
2.1.8. Những nét mới của hoạt động thư viện.....	48
2.2. THIẾT CHẾ BẢO TÀNG.....	52
2.2.1. Lược sử hình thành và phát triển các thiết chế Bảo tàng ở Việt Nam.....	52
2.2.2. Định nghĩa về thiết chế Bảo tàng	54
2.2.3. Chức năng, nhiệm vụ của thiết chế Bảo tàng	56
2.2.4. Hoạt động nghiệp vụ của thiết chế Bảo tàng	59
2.2.5. Phân loại Bảo tàng.....	63
2.3. THIẾT CHẾ NHÀ VĂN HÓA – TRUNG TÂM VĂN HÓA	71
2.3.1. Lược sử hình thành và phát triển của hệ thống Nhà văn hóa – Trung tâm văn hóa	71
2.3.2. Định nghĩa Nhà văn hóa - Trung tâm văn hóa.....	73
2.3.3. Chức năng, nhiệm vụ của thiết chế Nhà văn hóa – Trung tâm văn hóa	73
2.3.4. Hoạt động của Nhà văn hóa – Trung tâm văn hóa	79
2.4. CÁC THIẾT CHẾ KHÁC.....	84
2.4.1. Bưu điện văn hóa xã.....	84
2.4.2. Rạp chiếu phim	86
2.4.3. Nhà hát.....	90
2.4.4. Công viên văn hóa.....	92
2.4.5. Quảng trường.....	93
CÂU HỎI ÔN TẬP	96
CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN.....	97
TÀI LIỆU THAM KHẢO CHƯƠNG 2	98



CHƯƠNG 3. CÔNG TÁC QUẢN LÝ CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA	99
3.1. CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA	99
3.1.1. Chức năng dự báo.....	99
3.1.2. Chức năng kế hoạch hóa.....	100
3.1.3. Chức năng tổ chức	100
3.1.4. Chức năng điều hòa (điều chỉnh)	101
3.1.5. Chức năng kiểm tra	102
3.1.6. Chức năng hạch toán.....	102
3.2. NHỮNG NGUYÊN TẮC CƠ BẢN QUẢN LÝ CÁC THIẾT CHẾ - VĂN HÓA	103
3.2.1. Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất lãnh đạo giữa chính trị tư tưởng và văn hóa.....	103
3.2.2. Nguyên tắc đảm bảo quyền tập trung dân chủ.....	104
3.2.3. Nguyên tắc kết hợp các lợi ích kinh tế.....	105
3.2.4. Nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả kinh tế	107
3.3. MỘT SỐ MÔ HÌNH CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA	108
3.4. PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA	113
3.4.1. Phương pháp hành chính	113
3.4.2. Phương pháp giáo dục	115
3.4.3. Phương pháp kinh tế.....	116
3.4.4. Phương pháp tâm lý	118
3.5. CÁC HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ THIẾT CHẾ VĂN HÓA TẠI CƠ SỞ	119
3.5.1. Quy trình quản lý thiết chế văn hóa	119
3.5.2. Các hoạt động cụ thể.....	121
3.6. CÁC ĐƠN VỊ CHỨC NĂNG VÀ TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ TRONG TỪNG THIẾT CHẾ VĂN HÓA	133
3.6.1. Các phòng ban, bộ phận	133



3.6.2. Tổ chức Đảng trong các thiết chế văn hóa	133
3.6.3. Các tổ chức quần chúng trong từng thiết chế văn hóa	134
3.6.4. Cán bộ nhân viên trong từng thiết chế văn hóa.....	134
CÂU HỎI ÔN TẬP	135
CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN	135
TÀI LIỆU THAM KHẢO CHƯƠNG 3	136
TÀI LIỆU THAM KHẢO	137
PHỤ LỤC.....	140

LỜI NÓI ĐẦU

Tài liệu Quản lý các thiết chế văn hóa bao gồm những nội dung phục vụ cho hoạt động dạy và học của giảng viên, sinh viên khi chưa có giáo trình chính thức. Bên cạnh đó, tài liệu cũng giúp cung cấp hệ thống lý thuyết về các thiết chế văn hóa và công tác quản lý thiết chế văn hóa ở Việt Nam; khái quát và đánh giá được quá trình vận hành, vận dụng những phương pháp quản lý trong hoạt động tổ chức, điều hành để phối hợp giải quyết thực trạng của các thiết chế văn hóa tại cơ sở.

Hiện nay, trường Đại học Hạ Long là một cơ sở giáo dục với sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và cả nước. Để đáp ứng được nhu cầu dạy và học hiệu quả, tác giả đã tiến hành biên soạn tài liệu Quản lý thiết chế văn hóa thuộc chương trình đào tạo ngành Quản lý văn hóa.

Tài liệu được biên soạn thành 3 chương. Nội dung từng chương được tóm tắt như sau:

Chương 1. Khái quát về quản lý các thiết chế văn hóa

Chương 2. Các thiết chế văn hóa ở Việt Nam

Chương 3. Công tác quản lý các thiết chế văn hóa

Để đảm bảo hiệu quả trong quá trình học tập, nghiên cứu, người học cần chủ động chuẩn bị và tích cực nghiên cứu tài liệu tham khảo; tham dự và tham gia đầy đủ các buổi học, thảo luận nhóm, đi khảo sát thực tế tại các thiết chế văn hóa. Sau mỗi bài học người học cần ghi chép, tóm tắt lại nội dung và làm bài tập về nhà.

Trong quá trình biên soạn, tác giả đã nhận được nhiều quan tâm, động viên của Ban chủ nhiệm khoa Văn hóa, Hội đồng khoa học nhà trường cùng với nhiều bạn bè, đồng nghiệp. Mặc dù đã có nhiều cố gắng, tuy nhiên không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định, tác giả rất mong sẽ nhận được thêm những ý kiến đóng góp khác của các đồng nghiệp và độc giả sử dụng để có thể chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện cuốn tài liệu dạy học được tốt hơn.

Tác giả xin trân trọng cảm ơn!

Chủ biên

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Nhà thờ lớn Hà Nội	16
Hình 1.2. Chùa Hoa Yên tại Khu Di tích danh thắng Yên Tử	18
Hình 1.3. Đình Đình Bảng - Bắc Ninh	19
Hình 1.4. Đền Cửa Ông - Quảng Ninh.....	20
Hình 2.1. Sơ đồ quy trình kỹ thuật nghiệp vụ thư viện	29
Hình 2.2. Thư viện Quốc gia.....	38
Hình 2.3. Thư viện Quảng Ninh	39
Hình 2.4. Thư viện quân đội.....	42
Hình 2.5. Không gian của Thư viện Đại học Tôn Đức Thắng	44
Hình 2.6. Thư viện trường Tiểu học Thăng Long, Thái Bình	45
Hình 2.7. Thư viện Tư nhân Nguyễn Văn Hưởng	46
Hình 2.8. Bảo tàng Hồ Chí Minh.....	65
Hình 2.9. Bảo tàng Phụ nữ	66
Hình 2.10. Bảo tàng Hải dương học.....	68
Hình 2.11. Bảo tàng Quảng Ninh.....	69
Hình 2.12. Bảo tàng Áo dài	70
Hình 2.13. Bưu điện văn hóa xã Phú Hưng, tỉnh Bến Tre.....	85
Hình 2.14. Trung tâm chiếu phim Quốc gia.....	90
Hình 2.15. Nhà hát lớn Hà Nội.....	91
Hình 2.16. Công viên Vinpearl Land Nha Trang	93
Hình 2.17. Quảng trường Ba Đình Hà Nội.....	94
Hình 3.1. Cơ cấu bộ máy quản lý trực tuyến	109
Hình 3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý trực tuyến – tham mưu.....	110
Hình 3.3. Cơ cấu bộ máy quản lý theo chức năng.....	111
Hình 3.4. Cơ cấu bộ máy quản lý trực tuyến - chức năng.....	112

DANH MỤC CÁC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết Đầy đủ
QĐ	Quyết định
BVHTTDL	Bộ Văn hóa Thể thao Du lịch
TT	Thông tư
VTTT	Văn hóa - Thông tin
SL	Sắc lệnh

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ QUẢN LÝ CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA

NỘI DUNG CHÍNH:

- * Nội dung 1: Một số khái niệm
- * Nội dung 2: Vai trò của các thiết chế văn hóa trong đời sống văn hóa-xã hội
- * Nội dung 3: Chức năng của các thiết chế văn hóa
- * Nội dung 4: Các loại hình thiết chế văn hóa – xã hội

1.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM

1.1.1. Khái niệm quản lý

1.1.1.1. Khái niệm

Nguồn gốc phát triển loài người là lao động của cá nhân và lao động chung. C. Mác đã khẳng định: “Tất cả mọi lao động xã hội trực tiếp hay lao động chung nào tiến hành trên quy mô tương đối lớn, thì ít nhiều cũng cần đến một sự chỉ đạo để điều hòa những hoạt động cá nhân và thực hiện những chức năng chung phát sinh từ sự vận động của toàn bộ cơ chế sản xuất... Một người độc tấu vĩ cầm tự mình điều khiển lấy mình, còn một dàn nhạc thì cần phải có nhạc trưởng”. Lao động chung cần có tổ chức và thống nhất nhằm tạo ra sức mạnh để đạt được mục đích chung. Trong lịch sử phát triển loài người xuất hiện một dạng lao động mang tính đặc thù là tổ chức - điều khiển con người với các hoạt động theo những yêu cầu nhất định; dạng lao động đó được gọi là quản lý. Từ đó, Các Mác cho rằng: Quản lý là một chức năng đặc biệt nảy sinh từ bản chất xã hội của quá trình lao động. Tuy nhiên, F.Ăngghen lại cho rằng: Quản lý là một trạng thái tất yếu phải có khi nhiều người cùng hoạt động chung với nhau; khi có sự hợp tác của một số đông người; khi có sự phối hợp của nhiều người.

Hiện nay có rất nhiều cách hiểu khác nhau về thuật ngữ “Quản lý”. Theo cách diễn giải ngắn gọn trong Từ điển trực tuyến, quản lý có nghĩa là: Tổ chức, điều khiển các hoạt động theo những yêu cầu nhất định; trông coi, giữ gìn và theo dõi việc gì [1].

Những quan điểm trên cho thấy, bản chất của quản lý và hoạt động quản lý bắt nguồn từ sự phân công, hợp tác lao động, do đó quản lý là một hoạt động khách quan để đảm bảo mục tiêu chung.

Tóm lại, quản lý là một khái niệm có nội hàm rất rộng. Từ những góc độ nghiên cứu khác nhau, ở mỗi lĩnh vực hoạt động con người có thể đưa ra quan điểm khác nhau về quản lý.

Tuy nhiên, dù có sự khác nhau nhất định trong quan niệm thì hoạt động quản lý đều có sự thống nhất về các yếu tố cấu thành, những yếu tố cơ bản đó là: Chủ thể quản lý, khách thể quản lý, đối tượng quản lý, mục đích quản lý.

- Chủ thể quản lý: Là tác nhân tạo ra các tác động và đối tượng bị quản lý tiếp nhận trực tiếp các tác động của chủ thể quản lý và các khách thể khác chịu các tác động gián tiếp từ chủ thể quản lý.

+ Chủ thể có thể là một người, một nhóm người; còn đối tượng có thể là con người (1 hoặc nhiều người); máy móc, thiết bị, đất đai...

- Khách thể quản lý: Là những gì mà hoạt động quản lý muốn hướng tới, muốn tác động tới, bao gồm tất cả các lĩnh vực của đời sống hoặc cũng có thể là hành vi hoạt động của con người.

- Đối tượng quản lý:

+ Tổ chức: Là sự sắp xếp có hệ thống những người được nhóm lại với nhau để đạt được mục tiêu cụ thể.

+ Con người (một hoặc nhiều người).

- Mục đích, mục tiêu quản lý:

+ Mục đích: Nói tới cái mà con người muốn hoàn thành và đạt đến.

+ Mục tiêu: Là việc làm cụ thể để thực hiện mục đích bằng những cách khác nhau.

Quản lý là sự kết hợp của ba phương diện:

Thứ nhất, thông qua tập thể để thúc đẩy tính tích cực của cá nhân;

Thứ hai, điều hòa quan hệ giữa người với người, giảm mâu thuẫn giữa hai bên;

Thứ ba, tăng cường hợp tác hỗ trợ lẫn nhau, thông qua hỗ trợ để làm được những việc mà một cá nhân không thể làm được, thông qua hợp tác tạo ra giá trị lớn hơn giá trị cá nhân - giá trị tập thể.

* Có nhiều cách hiểu khác nhau về Quản lý:

Quản lý là hoạt động thiết yếu, nó đảm bảo phối hợp các nỗ lực cá nhân nhằm đạt được các mục tiêu của nhóm (tổ chức) và của cộng đồng.

Quản lý là sự tác động của cơ quan quản lý vào đối tượng quản lý để tạo sự chuyển biến của toàn bộ hệ thống nhằm đạt mục tiêu nhất định.

Dưới góc độ khoa học quản lý: Quản lý là hoạt động của chủ thể quản lý tác động vào một đối tượng nhất định một cách có mục đích để duy trì tính ổn định và phát triển đối tượng đó theo những mục tiêu đã định [2].

Qua những phân tích về các yếu tố cấu thành hoạt động quản lý và thực tiễn hoạt động, có thể hiểu khái niệm quản lý như sau: Quản lý là sự tác động liên tục có tổ chức, có định hướng của chủ thể quản lý đến đối tượng và khách thể quản lý bằng một hệ thống các luật lệ, các chính sách, các nguyên tắc, các phương pháp và biện pháp cụ thể nhằm sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực, cơ hội của tổ chức để đạt được mục tiêu đặt ra trong điều kiện môi trường luôn biến động.

1.1.1.2. Vai trò của quản lý

Quản lý tạo sự thống nhất ý chí trong tổ chức: Tổ chức là tập hợp nhiều người cùng làm việc vì những mục đích chung trong một cơ cấu ổn định. Mỗi cá nhân đến từ nhiều vùng miền, họ có trình độ chuyên môn, năng lực, sở thích, tính cách khác nhau. Chính vì vậy, việc tập trung được ý chí, thống nhất hành động trong tập thể là việc không đơn giản bởi quá trình làm việc có thể nảy sinh bất đồng ý kiến, mâu thuẫn cá nhân hoặc nhóm, và người quản lý bằng tài năng, kinh nghiệm, những phương pháp khác nhau sẽ phải giải quyết các vấn đề này. Khi người quản lý giải quyết được kịp thời việc khủng hoảng nhân sự trong tổ chức, các nhân viên sẽ hiểu ra nguyên nhân mâu thuẫn, bất đồng, từ đó họ sẽ biết cách thay đổi, đoàn kết hơn, tập trung vào công việc cũng như mục tiêu chung mà đơn vị đang hướng tới. Thực tế cho thấy, đơn vị nào cũng là tập hợp của một tập thể đa dạng về con người, tính cách, trình độ, kỹ năng, tuy

nhân khi người quản lý có thể tạo nên sự thống nhất ý chí trong đa dạng thì tổ chức mới phát triển, và người quản lý mới khẳng định được tài năng của mình.

Định hướng sự phát triển của tổ chức trên cơ sở xác định rõ mục tiêu chung và hướng mọi nỗ lực của các cá nhân, tập thể vào mục tiêu chung đó. Mỗi tổ chức được hình thành và đi vào hoạt động đều gắn với những mục tiêu nhất định, có thể là mục tiêu về doanh thu, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ, sự chuyên nghiệp trong phục vụ, tìm kiếm khách hàng mới... Tất cả những mục tiêu này cần được xác định rõ ràng, căn cứ trên tình hình thực tế của tổ chức, và triển khai cho nhân viên biết để cùng nỗ lực, phấn đấu hoàn thành mục tiêu đề ra.

Tổ chức, điều hòa, phối hợp và hướng dẫn hoạt động của các cá nhân trong tổ chức, giảm độ bất định nhằm đạt mục tiêu quản lý. Người quản lý cần phải đóng nhiều vai và kiêm nhiệm nhiều công việc, vì vậy khi quản lý không phải chỉ chỉ tay ra lệnh mà họ cũng phải bắt tay vào các công việc, thực hiện hướng dẫn, phối hợp với nhân viên trong mọi trường hợp để đảm bảo rằng nhân viên sẽ làm hiệu quả.

Tạo động lực cho mọi cá nhân trong tổ chức bằng cách kích thích, đánh giá, khen thưởng; uốn nắn những lệch lạc, sai sót. Quá trình phấn đấu, làm việc của nhân viên cũng cần được người quản lý trân trọng và khen ngợi kịp thời để trở thành động lực phát huy trong các công việc tiếp theo. Bên cạnh đó, việc đánh giá cũng có thể kèm theo những phê bình, góp ý mang tính tích cực để nhân viên nhận ra sai sót, hạn chế và sẽ chỉnh sửa, làm tốt hơn khi được giao nhiệm vụ khác.

Tạo môi trường và điều kiện cho phát triển cá nhân và tổ chức, đảm bảo sự phát triển ổn định. Môi trường làm việc là một khái niệm rộng, để nói về tất cả các yếu tố liên quan đến điều kiện vật chất và tinh thần giúp người lao động cảm thấy thoải mái, hào hứng khi tham gia vào công việc. Môi trường làm việc tốt, thuận lợi, nhân viên cũng vui vẻ, sáng tạo, hiệu quả cao hơn. Môi trường làm việc thiếu thốn, cạnh tranh, áp lực, gò bó sẽ làm nhân viên giảm khả năng sáng tạo, mệt mỏi, làm việc kém hiệu quả, chất lượng. Vì vậy, để nâng cao năng suất lao động, người quản lý cũng phải quan tâm xây dựng một môi trường làm việc năng động, thuận lợi, hiện đại sẽ giúp nhân viên gắn bó và phát huy năng lực tốt nhất.

Tác động mạnh mẽ đến đời sống kinh tế – xã hội, nâng cao trình độ dân chủ phát huy tính chủ động sáng tạo của từng thành viên trong xã hội. Từ một tổ chức nhỏ hay một tập đoàn, hay cả một xã hội rộng lớn muốn tồn tại, phát triển đều phải có người quản lý. Chủ thể quản lý ở đây có thể là một người, một nhóm người nhưng sẽ đóng vai trò tổ chức, điều tiết, vận hành bộ máy quản lý để mọi hoạt động trong xã hội được diễn ra bình thường, an toàn, phát triển. Để hoạt động quản lý được hiệu quả thì người quản lý sẽ sử dụng nhiều công cụ để tác động vào các đối tượng, các cá nhân trong xã hội trên cơ sở vẫn đảm bảo quyền lợi cá nhân, và quyền lợi tổ chức.

Mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế: Trong quá trình vận hành của bộ máy quản lý thì hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế là vô cùng quan trọng. Có giao lưu, hợp tác mới kết thêm bạn, bỏ được thù, mới có cơ hội học hỏi, tiếp cận các kĩ thuật, công nghệ, cách làm mới để vận dụng cho tổ chức. Hiện nay, thế giới càng xích lại gần nhau khi các nước đều gia nhập các tổ chức thương mại, y tế, văn hóa, giáo dục... quốc tế nên xu hướng trao đổi, chia sẻ diễn ra trên toàn cầu, giúp mọi tổ chức, quốc gia xích lại gần nhau hơn. Như vậy, hoạt động quản lý không chỉ giới hạn trong phạm vi lãnh thổ mà bao trùm toàn thế giới. Từ đây, các tổ chức xuyên quốc gia hình thành, việc quản lý cũng đứng trên góc nhìn toàn cảnh thế giới, chứ không hạn hẹp trong phạm vi quốc gia nữa.

Giải quyết hài hòa lợi ích, tạo động lực cho sự phát triển: Người quản lý vừa phải tổ chức, điều hành mọi hoạt động tổ chức nhưng cũng là người cân cân, nắn nức để giải quyết hài hòa các lợi ích từ các bên liên quan. Khi tổ chức càng lớn thì lợi ích cũng tăng theo. Như vậy, chủ thể quản lý và đối tượng quản lý sẽ là người được hưởng những lợi ích này. Tuy nhiên, trong một số tình huống, người nhân viên chưa biết hoặc không được giải quyết kịp thời các lợi ích đề ra thì có thể dẫn tới những mâu thuẫn, đấu tranh trong nội bộ. Vì vậy, người quản lý lúc này cần đứng vai trò là người phán xử trên cơ sở công bằng, khách quan để giúp nhân viên thấy được sự công tâm, trách nhiệm của người đứng đầu, và hài lòng với chính sách đối đãi mà tổ chức dành cho mình. Khi người quản lý làm được điều này thì nhân viên sẽ rất tâm phục, khẩu phục, yên tâm và tạo động lực làm việc, phát triển mạnh mẽ.

1.1.2. Khái niệm Thiết chế

Trong bất kì thời đại hay chế độ xã hội nào cũng cần có thiết chế để có thể truyền tải và đáp ứng những nhu cầu sinh hoạt trong cộng đồng. Đây là một nhu cầu thiết yếu của mỗi con người, nó cũng giống như nhu cầu sinh lý hàng ngày, nếu thiếu thì con người sẽ không sống nổi. Vì vậy, nhà nghiên cứu văn hóa Hoàng Vinh đã viết: Thiết chế là một tổ chức xã hội, có kết cấu bên trong khá chặt chẽ, nó ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu hàng xuyên của con người, cho nên nó tồn tại trong đời sống xã hội [3, tr.231]. Với quan điểm này, tác giả cho rằng, thiết chế cần hội tụ 3 yếu tố:

- Có bộ máy nhân sự được tổ chức thành hệ thống;
- Có thể chế (luật, lệ) để vận hành;
- Có trụ sở và các thiết bị chuyên dùng, gọi chung là cơ sở vật chất để tồn tại và hoạt động.

Theo tập bài giảng Quản lý thiết chế văn hóa của tác giả Nguyễn Hữu Thức có nêu: Thiết chế là một tổ chức do con người lập ra, có mối ràng buộc chặt chẽ ở bên trong giữa con người với công việc thông qua các quy tắc, quy định và điều kiện để thực hiện công việc theo ý muốn chủ quan của con người. Trong cuộc sống có rất nhiều các thiết chế khác nhau: Thiết chế kinh tế, thiết chế văn hóa, thiết chế xã hội. Thiết chế xã hội bao gồm: gia đình, xóm làng, trường học, y tế... Thiết chế xã hội ra đời đáp ứng nhu cầu sinh tồn; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn; hướng tới các chuẩn mực giá trị tinh thần.

Với quan điểm của tác giả Nguyễn Hữu Thức thì thiết chế ở đây cũng bao gồm bộ máy nhân sự, luật lệ quy tắc và các điều kiện để cho con người thực hiện công việc. Qua đây cho thấy, hai nhà nghiên cứu đều có cùng quan điểm nhận định rằng thiết chế cần hội tụ đầy đủ ba yếu tố, như vậy mới có thể đưa vào vận hành, hoạt động thực tiễn.

1.1.3. Khái niệm về thiết chế văn hóa

Thiết chế được hiểu là toàn bộ các quy định chi phối một tổ chức, một đoàn thể. Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam: Thiết chế văn hóa là một thuật ngữ được sử dụng rộng rãi trong ngành văn hóa Việt Nam từ những năm 70 thế kỉ 20. Thiết chế văn hóa là chỉnh thể văn hóa hội tụ đầy đủ các yếu tố: cơ sở

vật chất, bộ máy tổ chức, nhân sự, quy chế hoạt động, nguồn kinh phí; chỉ riêng ngôi nhà hoặc công trình văn hóa chưa đủ để gọi là thiết chế văn hóa” [4] .

Như vậy, thiết chế văn hóa không chỉ đơn thuần là những công trình vật chất cụ thể mà bao hàm trong đó là hệ thống cơ chế, chính sách vận hành; đội ngũ nhân lực làm công tác quản lý, tổ chức; nguồn lực tài chính và các chủ thể hoạt động. Thiết chế văn hóa thiên về những thực hành, sáng tạo và trao truyền văn hóa giữa các thế hệ, giai tầng trong cộng đồng dân cư. Không có thiết chế văn hóa thì việc sáng tạo, quảng bá, trình diễn và hưởng thụ các giá trị văn hóa trở nên đơn điệu, nhàm chán.

Ngoài ra, Thiết chế văn hóa cũng có thể hiểu là những cơ quan văn hóa giáo dục ngoài nhà trường, là những trung tâm tổ chức các hoạt động văn hóa - xã hội. Có nhiệm vụ thông tin, giới thiệu và chuyển tải những tri thức khoa học, truyền thống lịch sử, thành tựu phát triển kinh tế - xã hội, khoa học đời sống, những tinh hoa văn hóa - nghệ thuật của dân tộc và nhân loại cho quần chúng nhân dân hưởng thụ. Đồng thời, tạo mọi điều kiện thuận lợi để quần chúng nhân dân tham gia sinh hoạt, sáng tạo ra giá trị văn hóa mới; góp phần bảo tồn, gìn giữ truyền thống văn hóa dân tộc và thỏa mãn nhu cầu tinh thần của con người trong thời gian rỗi [5, tr8].

Như vậy, có thể thấy, thiết chế văn hóa là một tổ chức văn hóa có kết cấu chặt chẽ, ra đời để tổ chức các hoạt động văn hóa phục vụ cộng đồng. Bất kì một thiết chế xã hội hay thiết chế văn hóa đều phải được cấu thành bởi 4 yếu tố:

- Có bộ máy quản lý, điều hành được tổ chức thành hệ thống thực hiện các chức năng quản lý (Bộ máy tổ chức);
- Có cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ hoạt động: phòng làm việc, khuôn viên, máy tính, thiết bị kĩ thuật...(Cơ sở vật chất);
- Có thể chế vận hành nhằm thực hiện các mục tiêu, nội dung, chương trình như: quy chế, quy định, điều lệ...(Luật, lệ vận hành);
- Hoạt động cụ thể, thường xuyên và công chúng tham gia sáng tạo, hưởng thụ văn hóa.

Thiết chế văn hóa cũng mang những đặc trưng chung của thiết chế xã hội như: Tính khách quan, tính phổ biến, tính độc lập tương đối thì thực tế lĩnh vực

văn hóa luôn có sự biến đổi đa dạng, phong phú hơn các thiết chế khác. Vì vậy, thiết chế văn hóa cũng mang đặc trưng linh hoạt và đa dạng hơn trong các hoạt động thực tế ở đời sống cộng đồng.

1.1.4. Khái niệm về quản lý các thiết chế văn hóa

Xét trên góc độ quản lý chung thì quản lý thiết chế là một khái niệm nằm trong nội hàm khái niệm quản lý văn hóa. Nó là một bộ phận cấu thành nên hoạt động quản lý văn hóa đa dạng, phong phú bao gồm nhiều lĩnh vực, hoạt động khác nhau.

Có thể thấy, quản lý thiết chế văn hóa ở đây bản chất là hoạt động quản lý nhà nước về các thiết chế văn hóa. Sự tác động quản lý này sẽ bao gồm các chính sách, pháp luật từ phía nhà nước và bằng những phương pháp khác nhau để đạt hiệu quả công việc. Từ đây sẽ có hai cách hiểu khác nhau với khái niệm này nhưng bản chất đều cùng chỉ một vấn đề.

Quản lý nhà nước về thiết chế văn hóa chính là những hoạt động hoạch định chính sách văn hóa, cùng với việc xây dựng kế hoạch, tổ chức, điều hành và kiểm tra đánh giá mọi hoạt động tại các thiết chế văn hóa cơ sở để đạt mọi mục tiêu đề ra.

Quản lý các thiết chế văn hóa là sự tác động liên tục, có tổ chức, có chủ đích của Nhà nước bằng hệ thống các quy định và bộ máy hành chính nhằm phát triển các thiết chế văn hoá cơ sở, từ đó thông tin, giới thiệu và chuyển tải những tri thức khoa học, truyền thống lịch sử, thành tựu phát triển kinh tế, xã hội, khoa học và đời sống, phát huy những tinh hoa văn hóa - nghệ thuật của dân tộc và nhân loại cho quần chúng nhân dân hưởng thụ, thỏa mãn nhu cầu tinh thần của con người trong thời gian rỗi.

1.2. VAI TRÒ CỦA CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA

Trước hết, hệ thống thiết chế văn hóa đáp ứng nhu cầu sáng tạo, học tập, trao đổi, hưởng thụ, gìn giữ văn hóa, luyện tập thể dục thể thao của các tầng lớp nhân dân. Thiết chế văn hóa được coi là địa điểm sinh hoạt, giao lưu về văn hóa nên mọi người dân có thể đến đây học tập, trao đổi kiến thức, kinh nghiệm, nghề nghiệp... với nhau. Bên cạnh đó, nó còn là môi trường thuận lợi cho nhân dân nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí bằng những loại hình văn hóa nghệ thuật yêu thích hay tập luyện những môn thể thao phù hợp để rèn luyện sức khỏe. Thực

tế chúng minh, nhờ có khoảng thời gian sinh hoạt tại các thiết chế văn hóa mà các loại hình văn hóa nghệ thuật truyền thống đã được gìn giữ, lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác; phát hiện và bồi dưỡng được những năng khiếu nghệ thuật không chuyên; là nơi để thư giãn, giải trí xả stress hiệu quả cho con người sau những ngày làm việc mệt nhọc.

Thứ hai, hệ thống thiết chế văn hóa giữ vai trò nòng cốt trong tổ chức các hoạt động tuyên truyền nhiệm vụ chính trị, xã hội ở địa phương; là công cụ trực tiếp và đắc lực của cấp ủy, chính quyền trong lãnh đạo quần chúng thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Hoạt động tuyên truyền của thiết chế văn hóa cũng đóng góp một phần cho mục tiêu thực hiện chức năng thông tin giáo dục tới cộng đồng. Nhờ có các địa điểm sinh hoạt văn hóa tại các thiết chế đã giúp tổ chức, tuyên truyền hiệu quả các chủ trương, đường lối của đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và rất nhiều các chính sách kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của địa phương. Hoạt động này góp phần giúp người dân hiểu đủ, hiểu đúng các yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của đất nước và hạn chế nghe theo những thông tin xuyên tạc, kích động, chống phá chế độ.

Thứ ba, các nhà văn hóa, trung tâm văn hóa chính là nơi để nâng cao đời sống tinh thần và hiểu biết về pháp luật của nhân dân, từ đó giảm thiểu các tệ nạn xã hội, như ma túy, mại dâm, trộm cắp, vi phạm trật tự an toàn giao thông, vi phạm cảnh quan đô thị. Thiết chế văn hóa là nơi giúp con người giải tỏa cảm xúc, hưởng thụ tất cả các giá trị tinh thần hấp dẫn để thấy thoải mái, thư thái khi quay lại bộn bề công việc. Không những thế, thiết chế văn hóa cũng là địa điểm để nhân dân trao đổi, tìm hiểu, đưa ra những ý kiến đóng góp vào các chủ trương, chính sách của đảng và nhà nước. Cùng trao đổi, hiểu rõ hơn và áp dụng vào thực tiễn cuộc sống, vào thực tiễn sinh hoạt của từng thành viên trong gia đình. Từ đó, mỗi người dân trở thành một chiến sĩ văn hóa, một tấm gương để tuyên truyền những điều hay lẽ phải trong cuộc sống hàng ngày; phát hiện những thói hư, tật xấu, tệ nạn ở nơi sinh sống; biết khuyên nhủ, động viên, giúp đỡ mọi người để hướng tới một môi trường sống văn hóa.

Thứ tư, các thiết chế văn hóa đang góp phần phát triển xã hội một cách bền vững. Các hoạt động văn hóa phù hợp với tư tưởng, chuẩn mực đạo đức, lối sống và nhất là phong tục, tập quán của từng vùng, miền, dân tộc. Mỗi một thiết chế khác nhau, mỗi một chương trình, sự kiện văn hóa thể thao khác nhau

đều được xây dựng dựa trên đặc điểm tình hình kinh tế-chính trị-văn hóa-xã hội từng vùng miền, địa phương. Vì vậy, để tạo nên những chương trình, hoạt động văn hóa thành công, thu hút đông đảo quần chúng tham gia thì mọi ý tưởng phải xuất phát từ các chất liệu văn hóa trong cộng đồng. Đó có thể là phong tục, tập quán, tín ngưỡng, nếp sống, nhu cầu hàng ngày... của nhân dân. Tất cả những yếu tố này tạo nên sức sống cho các hoạt động văn hóa, làm cho các hoạt động văn hóa ở mỗi thiết chế trở nên độc đáo, hấp dẫn nhưng vẫn gần gũi, thân thuộc với người dân. Đây chính là lí do làm nên hiệu quả hoạt động ở công tác quản lý thiết chế văn hóa.

Thứ năm, hệ thống thiết chế văn hóa có ý nghĩa thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, nhất là trong việc xây dựng nông thôn mới. Trong công tác quản lý tại các thiết chế văn hóa, hoạt động tuyên truyền, cổ động trực quan luôn diễn ra thường xuyên, liên tục. Vì vậy, việc tuyên truyền các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật hay các chiến lược, chính sách phát triển kinh tế của đất nước sẽ được cán bộ văn hóa cung cấp, phổ biến rộng rãi tới quần chúng nhân dân qua nhiều phương tiện truyền thông. Từ đây, người dân sẽ hiểu được giá trị, ý nghĩa của nó đối với sự phát triển chung của địa phương, của đất nước và đồng lòng quyết tâm, phối hợp với các cấp chính quyền trong việc xây dựng, phát triển đất nước ngày một giàu đẹp.

Thứ sáu, xây dựng và hoàn thiện các thiết chế văn hóa là góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Mỗi hoạt động của thiết chế văn hóa đều thực hiện những chức năng công việc quan trọng trong việc bảo tồn, gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa. Khi từng địa phương có điều kiện để xây dựng các thiết chế văn hóa cho người dân đến tham dự, nghĩa là mỗi người sẽ có cơ hội được giao lưu, học tập, thưởng thức văn hóa và nâng cao trình độ nhận thức cho bản thân. Hơn nữa, nếu người dân được tham gia sinh hoạt, khuyến khích việc sinh hoạt thường xuyên tại các thiết chế văn hóa cũng là cơ hội giao lưu, phát hiện những tài năng về văn hóa nghệ thuật, tạo điều kiện cho họ được sáng tạo, phát triển năng khiếu của bản thân.

1.3. CHỨC NĂNG CỦA CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA

1.3.1. Chức năng thông tin và giáo dục

Trong lịch sử phát triển tiến bộ của nhân loại đã chứng minh: hoạt động trao đổi chất đảm bảo và giúp con người tồn tại như một sinh thể, nhưng để trở

thành như một thực thể xã hội là nhờ sự tiếp nhận thông tin. Thông tin giúp con người nâng cao nhận thức hình thành phát triển năng lực làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội và làm chủ bản thân, hình thành và hoàn thiện nhân cách cá nhân, xây dựng văn hóa cộng đồng, phát triển văn minh tiến bộ xã hội, nâng cao chất lượng sống của con người.

Sự chuyển tải và tiếp nhận thông tin ở các thiết chế văn hóa rất phong phú và đa dạng. Đó là sự chuyển giao thông tin tài liệu về các lĩnh vực như: khoa học kỹ thuật, công nghệ, khoa học đời sống, về các sự kiện chính trị, xã hội, về các thành tựu kinh tế, văn hóa nghệ thuật v.v... tới bạn đọc, thông qua hoạt động phục vụ nhu cầu đọc sách, báo của quần chúng nhân dân ở thiết chế thư viện. Thiết chế Thư viện đã và đang trở thành Trung tâm cung cấp và quản trị thông tin của con người trong đời sống văn hóa xã hội.

Thông tin được chuyển tải từ các hiện vật các di sản văn hóa thông qua những hoạt động trưng bày, triển lãm và giới thiệu thuyết minh của đội ngũ cán bộ tác nghiệp ở thiết chế bảo tàng. Thông tin tác động đến nhận thức con người thông qua trực giác. Lượng thông tin hàm chứa trong các: hiện vật, di sản văn hóa ...phản ánh những giá trị lịch sử và trình độ thẩm mỹ của con người qua các thời đại; trong diễn trình lịch sử hình thành và phát triển của các dân tộc, các quốc gia và của toàn nhân loại, nhằm khơi dậy tình cảm và tinh thần tự hào dân tộc.

Thông tin được chuyển giao thông qua các hoạt động hưởng thụ và sáng tạo của quần chúng nhân dân tham gia sinh hoạt các loại hình văn hóa nghệ thuật ở thiết chế nhà văn hóa, trung tâm văn hóa. Thông tin tác động vào nhận thức con người bằng cảm xúc. Từ đó, người dân coi việc tham gia sinh hoạt văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao, nghỉ ngơi vui chơi giải trí là một nhu cầu thiết yếu hàng ngày. Chính vì vậy, các nội dung thông tin có cơ hội được tiếp tục chuyển tải tới nhân dân, thông qua hình thức văn hóa nghệ thuật vừa chân thực, vừa vui tươi, hài hước mà truyền cảm, sâu sắc đã giúp con người tự điều chỉnh bản thân, tự cân bằng sinh thái để tái sáng tạo sức lao động.

Thông tin trở thành nền tảng phục vụ cho công tác và sự nghiệp giáo dục và tự giáo dục. Sự nghiệp giáo dục được thể hiện trên hai hình thức giáo dục bắt buộc trong nhà trường và giáo dục không bắt buộc ngoài nhà trường.

Giáo dục trong nhà trường là hình thức giáo dục bắt buộc nhằm thực hiện nhiệm vụ phổ cập kiến thức và tiêu chuẩn hóa nghề nghiệp.

Giáo dục trong các thiết chế văn hóa là giáo dục ngoài nhà trường, với tinh thần tự do, tự giác và tự nguyện.

1.3.2. Chức năng sáng tạo không chuyên

Sáng tạo là thuộc tính của văn hóa, là bản chất và quyền năng trong hoạt động sống của con người, nhưng sự sáng tạo ấy phải mang giá trị và hướng con người tin những giá trị nhân văn, cái đẹp. Như vậy, sự sáng tạo ra các giá trị trở thành thực thể của văn hóa.

Tuy nhiên, sáng tạo được thể hiện ở hai cấp độ khác nhau:

- Sự sáng tạo ở cấp độ chuyên nghiệp, đòi hỏi chủ thể sáng tạo được đào tạo chính quy mang tính nghề nghiệp, thực hiện nghĩa vụ và hưởng quyền lợi của xã hội theo các chức danh quy định.

- Sáng tạo ở cấp độ không chuyên nghiệp là năng lực sáng tạo ngẫu hứng của đông đảo quần chúng nhân dân trong lao động sản xuất, trong sinh hoạt đời sống xã hội.

Trong lịch sử, khi con người biết sử dụng công cụ, tác động vào thế giới tự nhiên, vật chất hóa thế giới tự nhiên để đáp ứng nhu cầu vật chất cũng đồng thời xuất hiện nhu cầu tinh thần và giá trị tinh thần. Khởi thủy các sản phẩm, tác phẩm do quần chúng nhân dân sáng tạo ra có nội dung không tách khỏi môi trường sáng tạo cùng với yếu tố cộng đồng hóa đã hình thành dòng văn hóa dân gian của mỗi tộc người, của mỗi quốc gia dân tộc và nhân loại.

Từ cảm xúc ngẫu hứng các sản phẩm, tác phẩm mang trong nó những giá trị tinh thần, hướng con người vươn tới các giá trị nhân văn cao đẹp được sáng tạo trong quá trình lao động sản xuất, trong đời sống sinh hoạt thường nhật của con người trong hiện thực xã hội, đã hun đúc, kết tủa thành tâm hồn, cốt cách của dân tộc Việt Nam, hình thành bản sắc diện mạo văn hóa của cộng đồng, văn hóa khu vực, vùng miền và văn hóa tộc người. Đó chính là ý nghĩa của con người sáng tạo ra văn hóa, song văn hóa lại mang vác và phản ánh những tiêu chí chuẩn mực của con người. Đó cũng chính là thành quả và giá trị của hoạt động, sáng tạo không chuyên.

Xuất phát từ nhu cầu tìm hiểu nâng cao trình độ nhận thức và thị hiếu thẩm mỹ, thông qua các hoạt động nghỉ ngơi và hưởng thụ ở các Thiết chế văn hóa đã đem lại nguồn thông tin, nền tảng tri thức, đã trở thành cơ sở và động lực thúc đẩy năng lực sáng tạo ra những giá trị văn hóa, để đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu tinh thần của chính họ, với tư cách là người tham gia sinh hoạt.

1.3.3. Chức năng giao tiếp

Giao tiếp là chức năng cơ bản và trở thành nhu cầu thiết yếu trong đời sống con người và xã hội. Theo cách hiểu thông thường giao tiếp là sự giao lưu tiếp xúc giữa con người với con người, nhằm đón nhận thông tin, trao đổi thông tin và xử lý thông tin để tự điều chỉnh mình đạt tới trình độ chung của xã hội, đáp ứng nhu cầu tự thể hiện mình của mọi người. Hay hiểu một cách khái quát hơn giao tiếp là hoạt động xác lập, vận hành các mối quan hệ giữa con người với con người nhằm thỏa mãn những nhu cầu nhất định.

Giao tiếp được qui định bởi ngôn ngữ và hành động, hình thành phương thức ứng xử các hành vi của con người trong đời sống xã hội. Khi phân tích các hành động giao tiếp trong xã hội, chúng ta có thể phân chia thành ba loại.

- Thứ nhất, là giao tiếp truyền thống, tức là giao tiếp trên cơ sở các mối quan hệ giữa người và người đã hình thành lâu dài trong quá trình phát triển xã hội. Đó là quan hệ huyết thống trong họ hàng, gia đình giữa ông bà, cha, mẹ, anh, chị, con cái, cô dì chú bác v.v... là những quan hệ của hàng xóm, láng giềng, nơi mọi người đều quen biết nhau. Vai trò cá nhân trong tiếp xúc giao lưu được qui định rõ ràng, ngôn ngữ giao tiếp đã hình thành lâu dài, trở thành phong tục tập quán. Tất cả những điều ấy qui định và điều chỉnh quá trình trao đổi thông tin trong quan hệ, tiếp xúc, giao lưu.

- Thứ hai, là giao tiếp chức năng, tức là giao tiếp được phát triển trong hoạt động nghề nghiệp. Loại giao tiếp này có tính chuyên môn hóa, ngôn ngữ giao tiếp được hình thức hóa không mang đường nét cá nhân. Đó là ngôn ngữ cho phép mọi người không quen biết nhau, rất khác nhau, nhưng khi thực hiện những vai trò xã hội nhất định đều sử dụng kiểu giao tiếp như vậy (đều giống nhau). Chẳng hạn đó là giao tiếp trong công tác giữa thủ trưởng và nhân viên, giữa bác sỹ và bệnh nhân, giữa thầy cô giáo và học sinh sinh viên, trong các tổ chức chính trị xã hội v.v...

- Thứ ba, là giao tiếp tự do, loại giao tiếp này mang nhiều đường nét cá nhân của người giao tiếp. Ngôn ngữ giao tiếp được hình thành từ cảm thụ chủ quan, trước một giá trị tự tại, như mục đích tự nó. Những qui tắc và mục đích giao tiếp không được định trước như những khuôn mẫu mà xuất hiện ngay trong quá trình giao lưu tiếp xúc, tùy theo sự phát triển của các mối quan hệ. Giao tiếp tự do đòi hỏi tính chủ động cá nhân, nó cần thiết trong quá trình xã hội, làm phát triển các mặt tình cảm, đạo đức, sở thích, đam mê hoặc giải tỏa những xung đột.

Tổ chức hoạt động ở các thiết chế văn hóa, chính là cơ hội và môi trường hoạt động giao tiếp tự do của công chúng. Đó là hoạt động giao tiếp văn hóa.

1.3.4. Chức năng nghỉ ngơi vui chơi giải trí

Nghỉ ngơi vui chơi là những sinh hoạt hưởng thụ, thưởng thức và hoạt động sáng tạo. Thông qua các hoạt động văn hóa như: đọc sách ở thư viện, tìm hiểu thưởng thức các hiện vật lịch sử ở bảo tàng, sinh hoạt hưởng thụ và hoạt động sáng tạo của các trò chơi ở nhà văn hóa (trung tâm văn hóa) có tác động làm giải tỏa những xung đột của thần kinh, làm thư giãn cơ bắp, nhằm cân bằng sinh thái để tái sáng tạo sức lao động của con người.

Cùng với bốn trò chơi như: Trò chơi thể lực, Trò chơi trí tuệ, Trò chơi tính cách và trò chơi may rủi đã thu hút đông đảo công chúng đến nhà văn hóa, trung tâm văn hóa tham gia sinh hoạt. Thông qua các trò chơi, đồ chơi và sự chơi đã tìm thấy hàng loạt biểu hiện độc đáo những nét văn hóa của cá nhân, văn hóa nghề nghiệp, văn hóa cộng đồng, tộc người, văn hóa vùng miền, văn hóa quốc gia dân tộc.

Như vậy, các hoạt động vui chơi giải trí là một dạng hoạt động đặc trưng của con người. Trẻ em vui chơi để học làm người lớn, người lớn vui chơi để hoàn thiện với chính mình. Đây cũng là một phương thức thỏa mãn nhu cầu tinh thần của con người, và trong xã hội hiện đại, khi con người luôn bận rộn với công việc và áp lực cuộc sống thì các hoạt động vui chơi, giải trí sẽ ngày càng đa dạng, phong phú, đáp ứng nhu cầu phát triển của con người và xã hội.

1.3.5. Chức năng tổ chức hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa

Các thiết chế văn hóa như Thư viện - Bảo tàng - Nhà văn hóa (Trung tâm văn hóa) là những đơn vị sự nghiệp có thu, vừa có chức năng quản lý, vừa có

chức năng tổ chức các hoạt động sản xuất sáng tạo, bảo quản, lưu thông phân phối các sản phẩm văn hóa. Các thiết chế văn hóa Thư viện Bảo tàng - Nhà văn hóa (Trung tâm văn hóa) có nhiệm vụ thực hiện các chức năng cụ thể và chuyên môn hóa nghiệp vụ, đáp ứng những nhu cầu nhất định trong lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật của xã hội. Về ngân sách tài chính được Nhà nước bao cấp một phần kinh phí.

Với tỉ lệ tổng chi phí theo kế hoạch hàng năm của Nhà nước. Tỉ lệ bao cấp không cố định, thay đổi tùy thuộc theo những thời gian và điều kiện thực hiện nhiệm vụ.

Nguồn ngân sách kinh phí này để duy trì cơ cấu tổ chức bộ máy quản lí và nội dung hoạt động nghiệp vụ cần thiết, thực hiện các nhiệm vụ chính trị, mang tính chiến lược. Phần còn lại để duy trì và phát triển sự nghiệp phải tạo ra nguồn thu. Lấy thu bù chi cho các hoạt động. Đội ngũ cán bộ tác nghiệp có một số được hưởng thụ trong ngân sách Nhà nước, và một số hưởng lương hợp đồng theo kỳ hạn, theo vụ việc.

Tổ chức các hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa, chính là tạo ra nguồn thu bù chi cho các hoạt động nghiệp vụ khác, đồng thời đáp ứng nhu cầu của công chúng đến sinh hoạt ở các thiết chế văn hóa. Đây chính là cơ chế khai thác nguồn nhân lực và cơ sở vật chất hiện có, đó cũng chính là khai thác các tiềm năng để phát huy nội lực của từng thiết chế văn hóa.

Công chúng đến sinh hoạt ở các thiết chế văn hóa, nhằm thỏa mãn các nhu cầu nâng cao nhận thức, hiểu biết, trình độ thẩm mỹ, hoạt động sáng tạo, hoạt động giao tiếp, thực hiện nhu cầu tự thể hiện mình, nghỉ ngơi vui chơi, giải trí nhằm cân bằng sinh thái. Tổ chức các hoạt động kinh doanh, dịch vụ văn hóa chính là tạo ra các điều kiện, môi trường để họ thực hiện các nhu cầu trên, đồng thời góp phần đáp ứng sự phong phú đa dạng các nhu cầu của công chúng.

Khai thác nguồn nhân lực là khai thác thế mạnh chuyên môn nghiệp vụ và năng lực của đội ngũ cán bộ tác nghiệp, tổ chức phong phú đa dạng các hoạt động phục vụ theo yêu cầu sinh hoạt văn hóa của quần chúng nhân dân. Khai thác cơ sở vật chất hiện có là khai thác ưu thế diện tích mặt bằng sân khấu, hội trường phòng ốc và các phương tiện trang thiết bị kỹ thuật.... Xây dựng các cửa

hàng, kiốt tổ chức các hoạt động kinh doanh dịch vụ như sao chép ghi hình, làm nhạc, các ấn phẩm văn hóa, quà lưu niệm, điểm tâm giải khát, dịch vụ vui chơi giải trí, tận dụng sân khấu, hội trường phòng ốc các trang thiết bị cho thuê tổ chức các sự kiện văn hóa chính trị. Tất cả những hoạt động này phải thực hiện theo luật định của Nhà nước và chính quyền các cấp.

1.4. CÁC LOẠI HÌNH THIẾT CHẾ VĂN HÓA - XÃ HỘI

Hiện nay, chưa có một văn bản cụ thể nào của Nhà nước quy định việc phân chia các loại hình thiết chế văn hóa – xã hội. Tuy nhiên, căn cứ vào tình hình thực tiễn công tác, có thể phân chia thành hai thống thiết chế để thuận lợi cho việc nghiên cứu và phân cấp quản lý. Vì vậy, chúng ta có thể chia các loại hình thiết chế văn hóa – xã hội thành 2 loại: Hệ thống thiết chế Tôn giáo, tín ngưỡng; Hệ thống thiết chế Văn hóa.

1.4.1. Hệ thống thiết chế Tôn giáo, Tín ngưỡng

a) Nhà thờ:



Hình 1.1. Nhà thờ lớn Hà Nội

(Nguồn: Tác giả sưu tầm)

Đây là nơi thờ phụng, cầu nguyện của những người theo các tôn giáo như: Kitô giáo (Công giáo, Tin Lành...), Hồi giáo, đạo Cao Đài... Nhà thờ là một

trong những cơ sở xã hội quan trọng dựa trên yếu tố tinh thần để giáo dục đạo đức theo một niềm tin nhất định và đóng vai trò như là một trung tâm thuyết giáo, nơi hành lễ, cầu nguyện của tín đồ, nơi tổ chức lễ tang, cầu siêu cho những người đã khuất, và một số vai trò khác. Mỗi tôn giáo có mô hình kiến trúc nhà thờ riêng, để phân biệt với các công trình kiến trúc khác.

Ví dụ như nhà thờ của Kitô giáo, nhà thờ, còn gọi là nhà thánh, thánh đường hay giáo đường, là địa điểm để người theo đạo cử hành các nghi lễ thờ phụng Thiên Chúa. Mỗi giáo hội Kitô giáo đều có các phong cách, quy định xây dựng nhà thờ riêng, nhưng nhìn chung, bên ngoài nhà thờ phải có một cây thánh giá đặt nơi cao và dễ thấy nhất; bên trong thường gồm hai gian chính: gian cung thánh (trung tâm là cây thánh giá) và gian giáo dân (có hoặc không có ghế quỳ).

b) Chùa:

Nhà chùa là công trình kiến trúc công cộng dùng làm nơi thờ Phật và một số tín ngưỡng dân gian bản địa khác như: Tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên, tín ngưỡng thờ Mẫu... Chùa có thể là nơi cư trú, học tập, tu luyện của những người xuất gia tu hành hoặc một số người có hoàn cảnh và điều kiện đặc biệt khác trong xã hội. Ngôi chùa ngoài chức năng là một cơ sở tôn giáo dành cho người tu hành còn đóng vai trò là một “cơ sở kinh tế” mang nặng tính chất tự cấp tự túc. Trước khi ngôi đình làng xuất hiện ở nông thôn làng xã thì hầu như thôn xã Việt Nam không có các công trình công cộng nào ngoại trừ ngôi chùa. Chính vì vậy, mà có thể vào khoảng thế kỉ XV trở về trước, ngôi chùa đôi khi còn kiêm chức năng như một ngôi đình. Nhiều nơi, ngôi chùa đã được sử dụng như một trung tâm hành chính của các địa phương: họp hành, xử kiện, phạt vạ...

Ngôi chùa đã từng là trường học cho tăng sĩ và cư dân bản địa. Đây là nơi truyền thụ giáo lý Phật giáo, vừa là nơi truyền thụ tri thức nhân văn cho nhân dân và con em của họ. Hiện nay ngôi chùa Khmer Nam Bộ của Phật giáo tiểu thừa vẫn là còn là nơi dạy chữ cho con em nhân dân, đồng thời là trung tâm truyền bá nếp sống và văn hóa Phật giáo, nơi hội tụ mọi sinh hoạt cộng đồng của người Khmer.

Trong một số trường hợp đặc biệt, ngôi chùa đã từng kiêm chức năng như là một “bệnh viện”. Trong khuôn viên nội tự, người ta trồng nhiều cây thuốc để chữa trị cho những người ốm đau. Ngôi chùa cũng còn là nơi nghỉ ngơi, an dưỡng hoặc luyện tập để nâng cao sức khỏe, trí lực cho một bộ phận tu

hành và cư dân bản địa. Trên khu Di tích danh thắng Yên Tử (Quảng Ninh) vẫn còn di tích Am Dược được coi là nơi chế biến dược liệu của các nhà sư xưa kia. Trong một số vườn chùa ở các địa phương, hiện vẫn có trồng nhiều cây thuốc và các cây cảnh.



Hình 1.2. Chùa Hoa Yên tại Khu Di tích danh thắng Yên Tử

(Nguồn tác giả sưu tầm)

Có thể thấy, Phật giáo và các công trình thờ Phật của thiết chế này được xây dựng rất nhiều ở Việt Nam cũng bởi lẽ một thời nó được coi là quốc giáo của đất nước. Phật giáo có nguồn gốc từ Ấn Độ và phổ biến rộng rãi trên nhiều quốc gia, vì vậy thiết chế Chùa được xây dựng đa dạng, phong phú ở nhiều nơi, với những kiến trúc độc đáo, đẹp mắt. Chùa là nơi tập trung của các sư, tăng, ni sinh hoạt, tu hành, và thuyết giảng đạo Phật. Tại nơi này, mọi người kể cả tín đồ hay người không theo đạo đều có thể đến thăm viếng, nghe giảng kinh hay thực hành các nghi lễ tôn giáo.

* Đình, đền:

Trước kia theo tình hình chung của cả nước, đình của các làng mạc Việt Nam chỉ là quán để nghỉ. Năm 1231 Trần Nhân Tông xuống chiếu cho đắp tượng Phật ở đình quán. Năm 1491 nhà vua cho xây dựng Quảng Văn đình là nơi để dân chúng đánh trống kêu oan và nơi ban bố, giảng giải các chính sách của nhà nước phong kiến tại Thăng Long.

Ngôi đình làng với chức năng là nơi thờ thành hoàng và là nơi hội họp của dân chúng có lẽ bắt đầu vào thời Lê sơ và định hình vào thời nhà Mạc. Và cũng có quan điểm cho rằng sự phát triển của Nho giáo vào cuối thế 15 đã đưa dần Thành hoàng vào đình làng. Nhưng hiện nay dấu vết sớm nhất của đình làng thì Thành hoàng chỉ gặp từ thế kỷ 16. Trước đây đình thường chỉ có 3 gian và 2 chái. Gian giữa không có sạp, gian trong thờ Thành hoàng. Cuối thế kỷ 17 từ gian giữa và kéo dài về sau gọi là chuôi vò, tạo cho đình làng mang kiểu chữ Đinh. Cuối thế kỷ 17, nhất là thế kỷ 19, đình làng được bổ sung tòa tiền tế.



Hình 1.3. Đình Đình Bảng - Bắc Ninh

(Nguồn tác giả sưu tầm)

Đình làng hình thành và dần ăn sâu vào đời sống của người dân Việt, khi vừa được coi là trung tâm hành chính, nơi diễn ra mọi công việc quan trọng, nơi hội họp, thu sưu thuế, nơi giam giữ và xử tội phạm... nhưng đồng thời đình cũng là 1 trung tâm văn hóa (thiết chế văn hóa) nơi tổ chức các hội hè, ăn uống, văn nghệ... của làng xã. Qua nhiều năm, đình làng còn đi vào trong đời sống tinh thần của người Việt với nhiều câu ca dao, tục ngữ ý nghĩa. Có thể thấy, trải qua bao thăng trầm của lịch sử và thay đổi trong nhịp sống hiện đại, nhưng đình làng vẫn giữ được vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa của cộng đồng.

Đền là công trình kiến trúc được xây dựng để thờ thần thánh hoặc những nhân vật lịch sử được tôn sùng như thần thánh. Ở Việt Nam phổ biến nhất là

các đền thờ được xây dựng để ghi nhớ công ơn của các vị anh hùng dân tộc đã có công với đất nước hay công đức của một cá nhân với địa phương được sử dụng theo truyền thuyết dân gian.

Ở Việt Nam có nhiều nhân vật có thực trong lịch sử được xây dựng đền thờ ở rất nhiều nơi là các vị vua: Lý Nam Đế, Triệu Quang Phục, Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành; các nhân vật lịch sử: Lý Quốc Sư, Lý Thường Kiệt, Tô Hiến Thành, Thánh Tam Giang, Trần Hưng Đạo và các vị thần thánh như Tản Viên, Cao Sơn, Quý Minh. Các đền nổi tiếng có thể kể đến ở nước ta như Đền Hùng, đền Kiếp Bạc, đền Sóc, đền Trần, đền Cửa Ông... thờ các anh hùng dân tộc.



Hình 1.4. Đền Cửa Ông - Quảng Ninh

(Nguồn tác giả sưu tầm)

Cũng theo truyền thống của người Việt, đền cũng là một cơ sở tín ngưỡng được người dân thường xuyên lui tới hành lễ, đặc biệt trong các ngày lễ lớn thu hút hàng triệu người đến từ nhiều vùng miền khác nhau. Ngoài ra, ở Việt Nam còn nhiều các cơ sở thiết chế phục vụ niềm tin tín ngưỡng của nhân dân như: Phủ, điện, nghè, miếu... Có thể thấy, các thiết chế tâm linh này cũng giúp người dân có cơ hội được tham gia sinh hoạt tinh thần đa dạng, phong phú; đồng thời được hiểu hơn về những giá trị đạo đức, truyền thống hào hùng của dân tộc, của cha ông và giúp quảng bá, lan tỏa tốt hơn các giá trị văn hóa dân tộc tới mọi thế hệ.

1.4.2. Hệ thống các thiết chế văn hóa

Hiện nay, các thiết văn hóa nằm ngoài hệ thống thiết chế tín ngưỡng, tôn giáo cũng được sự quản lý của Nhà nước và phân cấp từ Trung ương tới địa phương. Các thiết chế văn hóa này được xây ở khắp mọi miền đất nước để phục vụ nhu cầu sinh hoạt, hưởng thụ của mọi đối tượng nhân dân trong các tổ chức, đoàn thể,

a) Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ cộng đồng thuộc ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý, bao gồm:

- Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là cấp tỉnh);

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao ở huyện, quận, thị trấn, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi tắt là cấp huyện);

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao ở xã, phường, thị trấn (gọi tắt là cấp xã);

- Nhà Văn hóa - Khu Thể thao ở thôn và tương đương (gọi chung là thôn).

b) Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ thanh niên, thiếu niên và nhi đồng, bao gồm:

- Cung Thiếu nhi, Nhà Thiếu nhi hoặc Trung tâm hoạt động Thanh Thiếu nhi cấp tỉnh;

- Nhà Thiếu nhi cấp huyện.

c) Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ công nhân viên chức, người lao động, bao gồm:

- Cung Văn hóa Lao động, Nhà Văn hóa Lao động cấp tỉnh;

- Nhà Văn hóa Lao động cấp huyện;

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao ở Khu chế xuất, Khu công nghiệp và trong các doanh nghiệp lớn.

d) Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở thuộc các Bộ, ngành, đoàn thể và lực lượng vũ trang; các thiết chế văn hóa, thể thao được đầu tư bằng nguồn vốn xã hội hóa.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1. Quản lý là gì? Trình bày những yếu tố cơ bản cấu thành hoạt động quản lý?

Câu 2. Phân tích khái niệm và vai trò của quản lý?

Câu 3. Thiết chế văn hóa là gì? Hãy trình bày những yếu tố cơ bản cấu thành và vai trò của thiết chế văn hóa?

Câu 4. Quản lý thiết chế văn hóa là gì? Phân tích vai trò, chức năng của các thiết chế văn hóa?

Câu 5. Trình bày các hệ thống thiết chế tôn giáo tín ngưỡng và thiết chế văn hóa?

CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN

Câu 1. Hãy tìm hiểu hoạt động của một thiết chế tôn giáo?

Câu 2. Hãy tìm hiểu hoạt động của một thiết chế tín ngưỡng?

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHƯƠNG 1

[1] Cao Văn Thanh (Chủ biên), Tập bài giảng “*Lý luận về Tín ngưỡng và Tôn giáo*”, Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia, 2004.

[2] Trần Ngọc Thêm, “*Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*”, Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2001.

Chương 2

CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA Ở VIỆT NAM

NỘI DUNG CHÍNH

- * Nội dung 1: Thiết chế Thư viện
- * Nội dung 2: Thiết chế Bảo tàng
- * Nội dung 3: Thiết chế Nhà văn hóa – Trung tâm văn hóa
- * Nội dung 4: Các thiết chế khác

2.1. THIẾT CHẾ THƯ VIỆN

2.1.1. Lược sử hình thành và phát triển của hệ thống thư viện Việt Nam

Trên thế giới, các thư viện đã trải qua hàng ngàn năm lịch sử - từ một trong những thư viện đầu tiên - Thư viện Alexandria - ra đời thế kỷ III trước Công nguyên cho đến các thư viện ngày nay. Trong mỗi thời kỳ lịch sử, các yếu tố cấu thành nên thư viện đều có nhiều đổi thay, đặc biệt những năm gần đây khi thư viện ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông.

Trong buổi bình minh của thư viện thế giới, tài liệu - tri thức của loài người được khắc, ghi trên một số chất liệu - đó là các khối đá, đất sét. Sau đó là các tấm da, thanh tre, lá... Giấy được phát minh vào thế kỷ II trước công nguyên đã dần dần thay thế các chất liệu trên để tạo ra tài liệu. Đặc biệt, khi máy in được phát minh vào thế kỷ XV thì tài liệu giấy đã chiếm địa vị độc tôn và tồn tại nhiều thế kỷ cho đến ngày nay. Vào nửa cuối thế kỷ XX, với sự phát triển của công nghệ thông tin, một dạng tài liệu mới - tài liệu số - đã xuất hiện.

Cùng với thế giới thư viện gắn liền với lịch sử phát triển nhân loại. Với chức năng xã hội quy định, giáo dục, khai trí và nâng cao tri thức con người trong đời sống xã hội về các lĩnh vực chính trị, kinh tế, khoa học, văn hóa nghệ thuật...

Ở Việt Nam, cùng với sự thống trị của các triều đại, nhà nước phong kiến Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử đều hình thành các hình thức hoạt động thư viện, song phát triển rộng khắp và đồng bộ. Đến năm 1954 miền Bắc hoàn toàn được giải phóng, chủ trương đường lối của Đảng, Nhà nước Việt Nam dân chủ

cộng hòa ban sắc lệnh xây dựng hình thành và phát triển hệ thống thư viện từ Trung ương xuống các tỉnh thành phố, quận huyện theo địa chỉ hành chính và xây dựng mạng lưới thư viện chuyên ngành ở các trung tâm, Viện, Trung tâm nghiên cứu khoa học ở các trường đại học, song song đào tạo nghiệp vụ chuyên môn thư viện ở các trình độ khác nhau như: Trung cấp và đại học đến năm 1960 hoàn thiện hệ thống thư viện đại chúng từ Trung ương đến các địa phương như tỉnh, thành phố; quận, huyện trên phạm vi toàn miền Bắc. Đến năm 1975 giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 4 đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng Nhà nước tiếp tục củng cố hoàn thiện hệ thống thiết chế thư viện đại chúng từ Trung ương đến các tỉnh thành phố, quận, huyện đồng thời chủ trương xây dựng thư viện cấp xã, phường, phát triển rộng rãi các thư viện khoa học, thư viện chuyên ngành ở các Trung tâm, các Viện nghiên cứu khoa học thư viện phổ thông ở các đơn vị cơ quan, xí nghiệp trường học. Cho đến nay, đang từng bước hoàn thiện và ổn định phát triển theo nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ tổ quốc của Đảng, Nhà nước ta hiện nay.

Trong xu thế bùng nổ thông tin, những thành tựu phát triển rực rỡ và tiến bộ của khoa học thông tin thế giới, ở Việt Nam đã và đang xuất hiện tiến hành, xây dựng các Trung tâm thông tin thư viện điện tử ở các trung tâm khoa học lớn và thư viện quốc gia. Sự phát triển tiến bộ vượt bậc của công nghệ thông tin internet, đã tạo ra sự cạnh tranh giữa thư viện truyền thống và thư viện điện tử trong xã hội hiện đại ở nước ta nói riêng và trên toàn thế giới nói chung.

2.1.2. Định nghĩa về thiết chế Thư viện

Theo tiếng Hy Lạp: Thư viện được cấu tạo bởi hai từ: Biblion = sách, theke = kho. Theo tiếng Hán: Thư là sách, viện là nơi tàng trữ. Vậy thư viện hiểu khái quát là kho sách hay nơi tàng trữ sách.

Đến năm 1970, tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hiệp quốc (UNESCO) đưa ra định nghĩa về thư viện: Thư viện, không phụ thuộc vào tên gọi của nó, là bất cứ bộ sưu tập có tổ chức nào của sách, ấn phẩm định kỳ hoặc các tài liệu khác, kể cả đồ họa, nghe – nhìn, và nhân viên phục vụ có trách nhiệm tổ chức cho bạn đọc sử dụng các tài liệu đó nhằm mục đích thông tin, nghiên cứu khoa học, giáo dục hoặc giải trí.

Thư viện xuất hiện ở nước ta vào đầu thế kỷ XX. Đó là Thư viện Trung ương Đông Dương thành lập vào ngày 29/11/1917, tiền thân của Thư viện Quốc gia Việt Nam.

Theo điều 3, chương I, Luật Thư viện ban hành năm 2019: Thư viện là thiết chế văn hóa, thông tin, giáo dục, khoa học thực hiện việc xây dựng, xử lý, lưu giữ, bảo quản, cung cấp tài nguyên thông tin phục vụ nhu cầu của người sử dụng [7] .

Ngoài định nghĩa trên thì chúng ta cũng cần tìm hiểu về một số khái niệm liên quan đến Thư viện như:

Thư viện số là thư viện hoặc bộ phận của thư viện có tài nguyên thông tin được xử lý, lưu giữ dưới dạng số mà người sử dụng thư viện truy cập, khai thác thông qua thiết bị điện tử và không gian mạng.

Tài nguyên thông tin là tập hợp các loại hình tài liệu, dữ liệu gồm tài liệu in, tài liệu viết tay, tài liệu nghe, nhìn, tài liệu số, tài liệu vi dạng gồm vi phim, vi phiếu, tài liệu đặc biệt cho người khuyết tật và tài liệu, dữ liệu khác.

Tiện ích thư viện là trang thiết bị phục vụ nhu cầu của người sử dụng, người làm công tác thư viện trong việc thu thập, xử lý, lưu giữ, bảo quản, khai thác tài nguyên thông tin và phát huy giá trị của thư viện.

Dịch vụ thư viện là hoạt động do thư viện tổ chức hoặc phối hợp tổ chức nhằm phục vụ nhu cầu của người sử dụng thư viện.

Thư viện được cấu thành từ bốn yếu tố:

- Vốn tài liệu: là tài sản quý giá, là tiềm lực, là sức mạnh và niềm tự hào của thư viện.

- Cán bộ thư viện: là linh hồn của thư viện, là trung gian của các mối quan hệ giữa vốn tài liệu với bạn đọc.

- Bạn đọc (người sử dụng): Thư viện chỉ được gọi là thư viện khi có phục vụ bạn đọc. Phục vụ bạn đọc là mục tiêu cuối cùng của thư viện.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật: Tạo nên uy tín của thư viện đối với bạn đọc và xã hội; giúp cán bộ thư viện tự hào, say mê sáng tạo trong công việc.

Nói tới không gian thư viện là nói tới việc tạo lập, bố trí sắp xếp không gian thích hợp cho bốn yếu tố trên. Bất kỳ thay đổi nào của bốn yếu tố này đều ảnh hưởng tới sự thay đổi của không gian thư viện.

Từ định nghĩa trên thì thiết chế Thư viện có thể được hiểu là cơ quan giáo dục văn hóa, là một Trung tâm thông tin khoa học có nhiệm vụ cung cấp, thu thập xử lý và bảo quản những dữ liệu Tri thức khoa học - Kỹ thuật - Công nghệ - Văn hóa - Nghệ thuật nhằm tổ chức sử dụng chung vốn tài liệu một cách khoa học, đạt hiệu quả phục vụ cho quá trình học tập nghiên cứu, đáp ứng nhu cầu nâng cao dân trí - trình độ nhận thức, thị hiếu thẩm mỹ của con người trong đời sống xã hội.

2.1.3. Chức năng, nhiệm vụ của thiết chế Thư viện

Theo điều 4, chương 1, Luật Thư viện 2019 quy định chức năng, nhiệm vụ của thư viện như sau [7]:

- Xây dựng, xử lý, lưu giữ, bảo quản, kết nối và phát triển tài nguyên thông tin phù hợp với người sử dụng thư viện.

- Tổ chức sử dụng chung tài nguyên thông tin, sản phẩm thông tin và dịch vụ thư viện; truyền bá tri thức, giá trị văn hóa của dân tộc và nhân loại; phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập, giải trí; góp phần hình thành và phát triển kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, năng lực của người sử dụng thư viện.

- Ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ, hiện đại hóa thư viện.

- Phát triển văn hóa đọc và góp phần tạo môi trường học tập suốt đời cho Nhân dân, xây dựng xã hội học tập, nâng cao dân trí, xây dựng con người Việt Nam toàn diện.

2.1.4. Tổ chức hoạt động của thiết chế thư viện

Tổ chức thư viện nhằm thiết lập lên hệ thống các phòng, ban, quy định chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa các phòng ban trong hoạt động thư viện. Tổ chức hoạt động của thiết chế thư viện được phân ra thành 2 lĩnh vực:

- Lĩnh vực 1: Công tác kỹ thuật nghiệp vụ thư viện gồm 3 vấn đề chính được gọi là chu trình:

- + Chu trình đường đi của sách

- + Chu trình phục vụ theo yêu cầu của độc giả

- + Chu trình tra cứu

- Lĩnh vực 2: Công tác quản lý gồm:

- + Lập kế hoạch hoạt động gồm: xây dựng cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật và mua sắm trang thiết bị.

+ Công tác thống kê tên sách vốn có các hạng mục thể loại, lên kế hoạch đầu tư sách mới theo nhu cầu xã hội.

+ Công tác báo cáo tổng kết hoạt động.

2.1.5. Quy trình hoạt động nghiệp vụ kỹ thuật thư viện

Đối với quy trình kỹ thuật Thư viện là sự tổng hợp tất cả các quá trình nhằm đảm bảo cho sự hoạt động đạt hiệu quả. Quy trình kỹ thuật Thư viện được chia ra thành các chu trình: Chu trình thư viện, quá trình thư viện, thao tác thư viện, sự hoàn thiện các chu trình thư viện.

2.1.5.1. Chu trình Thư viện

Chu trình thư viện bao gồm nhiều quá trình nhiều thao tác, có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, có cùng chung một mục đích và được tiến hành lặp đi lặp lại với mỗi đối tượng mới.

- Chu trình đường đi của sách được gọi là chu trình xử lý sách, chu trình xử lý sách bao gồm các quá trình sau:

- + Tiếp nhận sách mới.
- + Đăng ký, phân loại, miêu tả.
- + Xử lý kỹ thuật (gia công kỹ thuật) và xếp lên giá.

Việc xử lý này cần phải tuân thủ theo các quy tắc, quy chuẩn của nghiệp vụ thư viện; tận dụng kết quả xử lý nội dung tài liệu của các thư viện lớn, đầu ngành để đảm bảo tính chính xác, thống nhất và tiết kiệm thời gian, công sức và kinh phí của thư viện.

- Chu trình thực hiện yêu cầu của độc giả, hay còn gọi là đường đi của phiếu yêu cầu bao gồm những quá trình sau:

- + Thủ thư nhận và kiểm tra phiếu yêu cầu của người đọc;
- + Chuyển phiếu yêu cầu vào kho, chọn sách theo yêu cầu;
- + Chuyển sách ra phòng đọc hoặc mượn và làm thủ tục cho mượn sách.

- Chu trình tra cứu thư mục cũng gần giống như chu trình thực hiện yêu cầu của người đọc, song khác ở chỗ phiếu yêu cầu nằm dưới dạng câu hỏi tra cứu. Do đó bắt buộc người thủ thư phải tra cứu tìm tài liệu gốc để tra cứu thư mục.

Ngoài việc kiểm tra phiếu yêu cầu, còn phải tính nguồn gốc tài liệu để tra cứu sau đó phải ghi lại kết quả tìm được rồi trao cho bạn đọc.

Hiện nay, tài liệu trong thư viện cũng được đa dạng hóa dưới nhiều hình thức, như tài liệu giấy, tài liệu số, tài liệu đa phương tiện. Vì vậy, bộ máy tra cứu cũng được đa dạng về hình thức để đáp ứng nhu cầu độc giả, nó bao gồm: Hệ thống tra cứu mục lục truyền thống giúp người sử dụng tra cứu, tìm tài liệu có trong thư viện qua phích mô tả tài liệu, bao gồm: mục lục chữ cái (tên tác giả, tên tài liệu); mục lục phân loại; mục lục chủ đề; Hệ thống tra cứu điện tử giúp người sử dụng tra cứu, tìm tài liệu có trong và ngoài thư viện thông qua máy tính và mạng máy tính truy nhập được tới các cơ sở dữ liệu thư mục, toàn văn cho từng loại hình tài liệu: sách; báo, tạp chí, bài trích và các loại hình tài liệu khác; Kho tài liệu tra cứu.

Ngoài các chu trình trên, trong các thư viện cỡ lớn còn có thêm một số các chu trình khác như: Biên soạn các tài liệu hướng dẫn và chỉ đạo nghiệp vụ biên soạn các thư mục chỉ dẫn v.v...

Trong tất cả các chu trình của thư viện, chu trình nào cũng bao gồm nhiều quá trình thư viện.

2.1.5.2. Quá trình thư viện

Là những đoạn việc của chu trình thư viện, mỗi quá trình thực hiện một đoạn công việc nhất định.

Chẳng hạn: Khi phân loại, miêu tả là các quá trình của chu trình xử lý sách (chu trình đường đi của sách) như:

- Vào sổ tổng quát.
- Phân chia theo kho.
- Vào sổ đăng ký cá biệt.
- Phân loại tài liệu:
 - + Đánh chỉ số ký hiệu tài liệu
 - + Viết phích mô tả tài liệu.
- Lập biên bản về sách mới nhập.

Hoặc nhận phiếu yêu cầu và kiểm tra, chọn sách theo yêu cầu là các quá trình của chu trình thực hiện yêu cầu người đọc v.v...

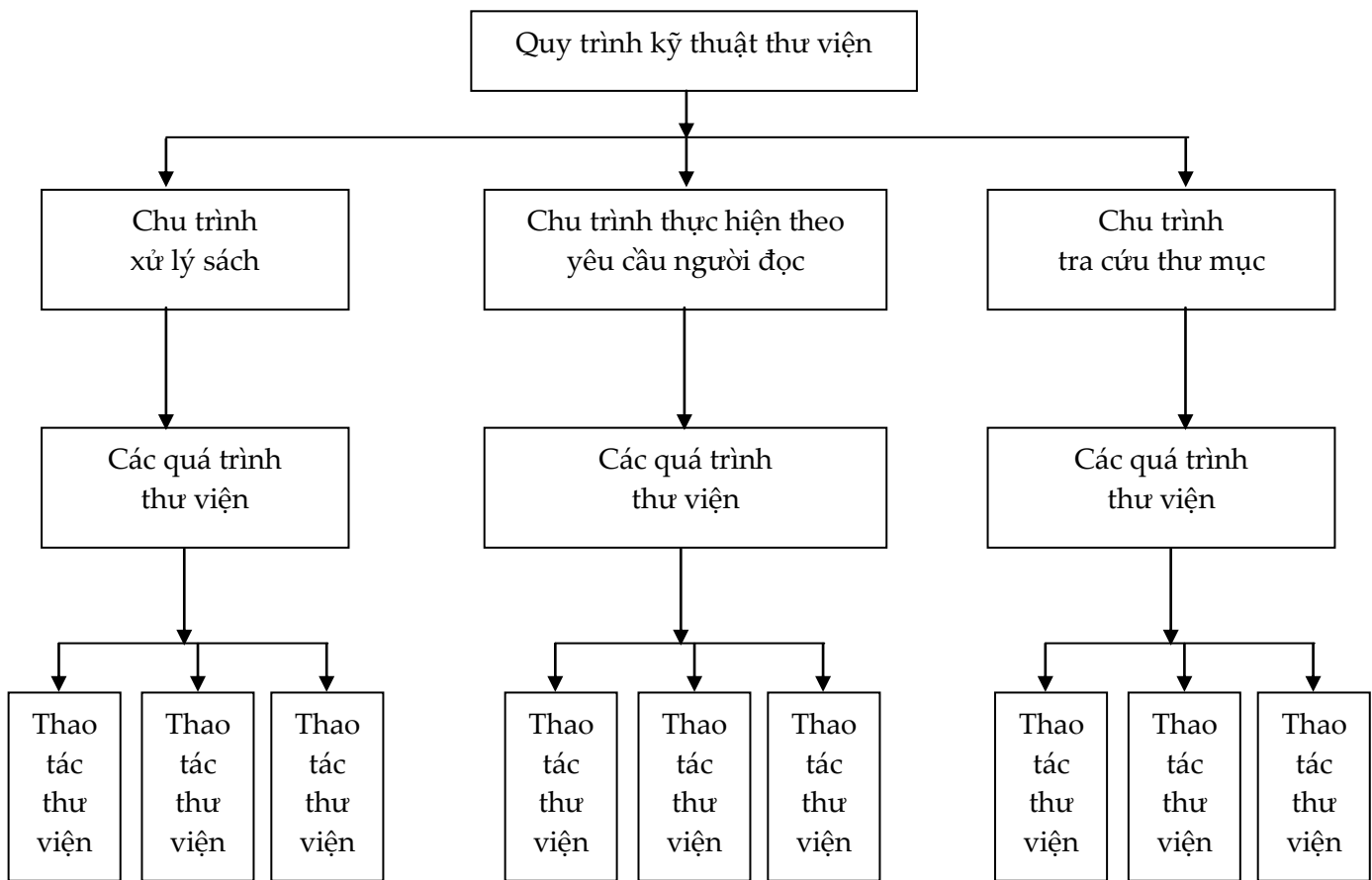
Ví dụ: Quá trình tiếp nhận sách mới bao gồm các thao tác kiểm tra sách mới nhập với các hóa đơn chứng từ kèm theo đóng dấu.

2.1.5.3. Thao tác thư viện

Là phần việc của quá trình thư viện, mỗi thao tác cụ thể do một hoặc nhiều nhân viên thư viện thực hiện. Ví dụ: Khi xử lý tài liệu sách người nhân viên thư viện phải đóng dấu, tạo lập kí hiệu xếp giá, cắt dán nhãn, tem, mã vạch, hoặc một số dạng thức khác.

Các thao tác thư viện phần lớn chỉ được thực hiện ở các thư viện cỡ lớn có khối công việc và số lượng biên chế cán bộ đông, còn các thư viện vừa và nhỏ phần nhiều là kiêm nhiệm các thao tác. Vì vậy, số lượng công việc của một cán bộ thư viện cũng tăng thêm và đòi hỏi

Tóm lại tổ chức quy trình kỹ thuật nghiệp vụ thư viện được tổ chức theo sơ đồ sau:



Hình 2.1. Sơ đồ quy trình kỹ thuật nghiệp vụ thư viện

Mô hình tổ chức công tác nghiệp vụ trong một thư viện trên đây chủ yếu phân chia thành các quá trình và các thao tác thư viện có tác dụng: phân tích tình hình công việc trên cơ sở đó bố trí một cách hợp lý, đồng thời tiến hành công tác định mức lao động. Ngoài ra việc phân chia này còn có ý nghĩa trong việc lập các dự án xây dựng trụ sở, hay các thiết chế thư viện.

Bởi vì khi xây dựng thư viện, phải căn cứ dựa vào cách bố trí các chu trình, các quá trình của Thư viện làm sao để các quá trình có sự liên quan mật thiết với nhau được thực hiện trong các phòng ban liên nhau như một dây chuyền sản xuất. Để làm nền tảng của điều kiện cho phép có thể tiến hành sử dụng hệ thống cơ giới hóa và tự động hóa.

2.1.5.4. Sự hoàn thiện các chu trình thư viện

- Mục đích của việc hoàn thiện các chu trình thư viện:

Qua nghiên cứu thực tế, khoảng 50 đến 60% số thời gian cán bộ thư viện sử dụng vào việc thực hiện qui trình kỹ thuật thư viện, tức là thực hiện 3 chu trình cơ bản nêu trên. Nhưng ngoài việc xử lý sách và phục vụ thụ động theo yêu cầu của người đọc, cán bộ thư viện còn phải chủ động tuyên truyền giới thiệu, các tác phẩm mới, tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật của Đảng Nhà nước, hướng dẫn, đọc: sách báo, đẩy mạnh việc phục vụ thông tin thư mục cho người đọc, đồng thời tiến hành các biện pháp nghiên cứu thăm dò nhu cầu quần chúng v.v... Do đó việc hoàn thiện các chu trình thư viện là việc làm cơ bản và cấp thiết.

Để hoàn thiện chu trình thư viện trong một chừng mực nhất định phụ thuộc vào 2 yếu tố.

+ Yếu tố khách quan: tức là phụ thuộc vào sự trợ giúp của các thư viện Trung ương, các thư viện lớn nằm trong hệ thống và các chuyên gia giỏi đồng thời phải nắm bắt nhanh nhạy những kiến thức, vận dụng, thành tựu của khoa học công nghệ vào các công việc trong các chu trình, quá trình, áp dụng và xử lý sách tập trung đưa các biện pháp cơ giới hóa, tự động hóa vào các quá trình, thao tác. Đồng thời tổng kết, đúc rút kinh nghiệm, cải tiến và phổ biến rộng rãi,

+ Yếu tố chủ quan: tức là phụ thuộc vào bản thân của từng thiết chế thư viện. Phải nghiên cứu tổ chức một cách hợp lý những chu trình chủ yếu của thư viện mình.

- Những nguyên tắc nhằm hoàn thiện chu trình thư viện:

+ Nguyên tắc tối ưu là đảm bảo sự thống nhất chặt chẽ toàn bộ cơ cấu của chu trình theo một trật tự nhất định có tính logic và biện chứng có nghĩa trong bất cứ hoàn cảnh điều kiện nào việc phân chia lựa chọn những quá trình,

những thao, tác phải được tiến hành một cách hợp lý, đảm bảo sự sắp xếp bố trí theo một trật tự nhất định và chúng nhất định phải được thực hiện.

+ Nguyên tắc liên tục của chu trình, có ảnh hưởng rất lớn đến tốc độ nhanh hay chậm của chu trình. Nguyên tắc này đòi hỏi các quá trình, các thao tác của chu trình phải được thực hiện theo một đường thẳng, không bị gấp khúc gián đoạn trong tay một nhân viên thư viện, trong một bộ phận hay một nhóm. Chúng chỉ được diễn ra một lần và không lặp lại lần thứ hai.

+ Nguyên tắc đều đặn, nhịp nhàng của chu trình

Nguyên tắc này đòi hỏi sự phân công khối lượng công việc giữa các cán bộ công nhân viên và giữa các bộ phận phải đồng đều, cân đối, tránh tình trạng lúc quá nhiều, lúc quá ít việc. Với thiết chế thư viện có những đặc trưng riêng, cụ thể công việc của thư viện gắn liền với người đọc, vì vậy khối lượng và nội dung công việc phần lớn phụ thuộc vào người đọc. Trên thực tế người đọc đến thư viện theo từng không gian, thời gian khác nhau. Như mùa hè đông hơn mùa đông, ngày thứ bảy, chủ nhật đông hơn ngày thường, buổi sáng ít hơn buổi chiều hoặc ngược lại.

+ Nguyên tắc rút ngắn thời gian: Là nguyên tắc làm giảm số thời gian chi phí cho một công việc đến mức tối đa. Theo nguyên tắc này các quá trình, các thao tác phải được thực hiện một cách nhanh và chính xác nhất, ở đây, chính số thời gian đầu tư ít nhất cho mỗi công việc là tiêu chuẩn đánh giá chất lượng về năng lực tổ chức công việc và trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lành nghề của cán bộ thư viện.

- Các biện pháp hoàn thiện chu trình:

+ Xử lý sách tập trung là thực hiện một số các quá trình của chu trình xử lý sách như: bổ sung vào biên mục tại một nơi nhất định. Đây là một biện pháp rất tốt đem lại hiệu quả chính xác vừa giảm nhẹ được sức lao động cho người cán bộ thư viện.

Hiện nay, việc xử lý sách tập trung đã được áp dụng ở rất nhiều nước trên thế giới, có nước lấy thư viện trung tâm, có nước lấy cơ quan phân phối sách hoặc nhà in làm nơi xử lý sách tập trung, nhưng cũng có nước tiến hành công tác xử lý sách tập trung không phải tiến hành cùng một lúc đồng thời cả 2 quá trình tức là cả bổ sung tập trung và biên mục tập trung. Do đó dẫn đến tình

trạng sách được bổ sung và nhập từ các cơ quan phát hành, hiệu sách, các thư viện v.v... và những biên mục từ ở cơ quan xử lý sách tập trung không ra cùng một thời gian. Vì vậy, có lúc có sách mà chưa có phích và ngược lại có phích mà chưa có sách v.v...

Ở nước ta cơ quan xử lý sách tập trung cho các thư viện toàn quốc là Thư viện Quốc gia. Ngoài ra Thư viện Thành phố Hồ Chí Minh là cơ quan xử lý sách tập trung cho các thư viện ở các tỉnh thành phố quận huyện phía Nam. Thư viện thành phố Hà Nội là cơ quan xử lý sách tập trung cho các thư viện quận huyện nội và ngoại thành.

+ Cơ giới hóa và tự động hóa trong các quá trình thư viện. Cơ giới hóa và tự động hóa là những nhân tố chủ yếu để nâng cao hiệu suất công tác thư viện, góp phần mở rộng phạm vi hoạt động của thư viện và giảm số lượng từ chối các yêu cầu của người đọc, bằng cách cung cấp cho người đọc những bản in sao chép lại những tài liệu không có trong thư viện hoặc phải chờ đợi mượn từ các thư viện khác. Cơ giới hóa và tự động hóa còn góp phần làm giảm nhẹ hoặc giải phóng sức lao động của cán bộ thư viện rút ngắn được chu trình xử lý sách và chu trình phục vụ theo yêu cầu người đọc, tiết kiệm được diện tích kho tàng và công tác bảo quản tốt kho sách, tài liệu quý hiếm.

Phương tiện kỹ thuật dùng trong thư viện rất nhiều loại. Để phân biệt và sử dụng chúng ta chia thành 5 nhóm:

Nhóm 1: Các máy dùng để in, sao chụp, máy phóng to, thu nhỏ, máy đọc tài liệu. Nhóm này có tác dụng làm tăng số lượng sách, tài liệu quý hiếm, tiết kiệm diện tích kho chứa và dễ bảo quản.

Nhóm 2: Gồm các phương tiện máy móc sử dụng vận chuyển như bộ đàm *truyền tin*, cầu thang máy dây truyền vận chuyển móc nối *các kho*, xây dựng xe đẩy tay.

Nhóm 3: Các loại máy đọc xén, đóng sổ sách, máy chữ.

Nhóm 4: Gồm các máy thu phát như ghi âm, vô tuyến, quay chụp phim ảnh.

Nhóm 5: Máy tính điện tử và máy đục lỗ cho phiếu lỗ (công tác thư mục, làm phích) góp phần tìm tin và thông báo tin một cách nhanh và chính xác nhất.

2.1.6. Một số hoạt động khác trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ của thư viện để đáp ứng nhu cầu phát triển

Trong các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ tại thư viện, những hoạt động thuộc về công tác kỹ thuật nghiệp vụ thư viện đóng vai trò quan trọng, chủ chốt đối với thư viện. Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu phát triển và sự thay đổi nhanh chóng của xã hội, đặc biệt là trong thời kì hội nhập thì thư viện cũng cần phải nâng cấp, bổ sung thêm các hoạt động chuyên nghiệp nghiệp vụ để tăng khả năng cạnh tranh, thu hút độc giả và phát triển hệ thống. Chính vì vậy, thư viện hiện nay có thêm các hoạt động dịch vụ; tốc độ nhanh và đa dạng biên soạn ấn phẩm thông tin thư viện; xây dựng hoạt động truyền thông, vận động; hay đa dạng, hiện đại công tác bảo quản tài liệu.

Thứ nhất, chúng ta cùng tìm hiểu về công tác bảo quản tài liệu hay còn gọi là bảo quản tài nguyên thông tin. Trong thực tế, tài liệu thư viện phần lớn là dưới dạng giấy, tài liệu số và các dạng khác nên việc hư hại, xuống cấp xảy ra thường xuyên. Vì vậy, công tác bảo quản tài nguyên thông tin tại thư viện là một nhiệm vụ thiết yếu để đảm bảo tính nguyên vẹn, kéo dài tuổi thọ và giá trị sử dụng của tài nguyên thông tin.

Công tác bảo quản phải tuân thủ theo các nguyên tắc như sau:

- Hoạt động bảo quản tài nguyên thông tin được thực hiện từ khâu chọn vị trí, thiết kế xây dựng trụ sở thư viện, mua sắm trang thiết bị, dụng cụ, bố trí kho và gắn với thư viện trong suốt quá trình tồn tại và hoạt động.

- Tuân thủ các quy tắc về điều kiện kỹ thuật, môi trường và các điều kiện khác bảo đảm an toàn cho tài nguyên thông tin.

- Chú trọng bảo quản dự phòng nhằm ngăn chặn triệt để những căn nguyên gây hại và phù hợp với từng loại hình tài nguyên thông tin. Việc bảo quản dự phòng phải tiến hành liên tục, thường xuyên theo định kỳ tối thiểu 06 tháng 01 lần.

- Giữ nguyên dạng, nguyên bản của tài liệu gốc, không thêm bớt, cắt xén hình ảnh làm ảnh hưởng đến nội dung thông tin của tài liệu gốc khi thực hiện bảo quản phục chế.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu các tài nguyên thông tin được chuyển dạng, bảo đảm khả năng truy cập, an toàn, xác thực, bảo mật, dễ tìm kiếm, quản lý và cập nhật đối với vật mang tin được chuyển dạng từ tài nguyên thông tin gốc.

- Ứng dụng công nghệ thông tin và những thành tựu khoa học, công nghệ trong bảo quản tài nguyên thông tin trong thư viện.

Điều kiện kho, trang thiết bị và dụng cụ bảo quản tài nguyên thông tin cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Kho bảo quản tài nguyên thông tin phải bảo đảm các yêu cầu sau:

+ Được đặt ở nơi khô ráo theo điều kiện của thư viện;

+ Có môi trường không khí trong sạch bảo đảm điều kiện nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng thích hợp với từng loại hình tài nguyên thông tin;

+ Địa chất công trình ổn định, có độ chịu tải cao;

+ Thuận tiện cho di chuyển, bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy và tổ chức khai thác sử dụng tài nguyên thông tin.

- Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản tài nguyên thông tin trong thư viện bao gồm:

+ Hệ thống phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy;

+ Hệ thống máy đo độ ẩm, đo nhiệt độ và máy điều hòa nhiệt độ, quạt thông gió, máy hút ẩm và các trang thiết bị bảo đảm an toàn khác;

+ Hệ thống giá kệ, hộp để tài nguyên thông tin;

+ Máy móc, dụng cụ vệ sinh và bảo quản tài nguyên thông tin;

+ Hệ thống máy chủ, thiết bị lưu trữ dữ liệu, bảo quản tài nguyên thông tin là tài liệu số và các dạng tài liệu đặc thù khác.

Thứ hai, hoạt động dịch vụ thư viện. Tổ chức dịch vụ thư viện là một trong những hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ quan trọng nhất của thư viện, nhằm cung cấp thông tin, tri thức đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu, công tác và giải trí của người sử dụng.

Dịch vụ thư viện được tổ chức theo phương thức dịch vụ thư viện truyền thống, hoặc dịch vụ thư viện điện tử, bao gồm các dịch vụ chủ yếu sau:

- Dịch vụ cung cấp thông tin, tài liệu: cung cấp tài liệu; thông tin về tài liệu; tra cứu, tìm, phổ biến và xử lý thông tin, tài liệu;

- Dịch vụ hỗ trợ việc học tập ngoài nhà trường: hướng dẫn sử dụng thư viện; tổ chức các chương trình giáo dục theo nhu cầu của cộng đồng, người sử dụng; hội thảo, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề;

- Dịch vụ văn hoá và giải trí;

- Dịch vụ truy nhập máy tính công cộng;

- Dịch vụ tư vấn, hỗ trợ về chuyên môn, nghiệp vụ thư viện và một số dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động của thư viện.

Việc tổ chức dịch vụ thư viện phải phù hợp, đáp ứng nhu cầu của đối tượng người sử dụng mà thư viện có trách nhiệm phục vụ; bảo đảm việc tiếp cận bình đẳng, thuận lợi, dễ dàng cho người sử dụng.

Thứ ba, biên soạn ấn phẩm thông tin thư viện. Biên soạn ấn phẩm thông tin thư viện nhằm phổ biến, quảng bá, giới thiệu vốn tài liệu thư viện; tài liệu mới xuất bản, bổ sung vào thư viện; đồng thời cũng chỉ chỗ nguồn tài liệu, giúp người sử dụng tiếp cận được tài liệu phù hợp với nhu cầu.

Ấn phẩm thông tin thư viện được biên soạn dưới dạng giấy, điện tử, bao gồm một số loại hình chủ yếu sau:

- Thông tin thư mục: Thư mục Quốc gia do Thư viện Quốc gia Việt Nam biên soạn; thư mục thông báo tài liệu mới bổ sung vào thư viện; thư mục chuyên đề; thư mục các bài trích báo, tạp chí;

- Thông tin chọn lọc, chuyên đề có tóm tắt nội dung tài liệu;

- Một số loại hình khác.

Việc biên soạn ấn phẩm thông tin thư viện phải kịp thời, thường xuyên; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình thư viện và đối tượng người sử dụng mà thư viện có trách nhiệm phục vụ.

Thứ bốn, hoạt động truyền thông, vận động. Hoạt động này của thư viện nhằm thu hút người sử dụng tới thư viện, sử dụng dịch vụ thư viện. Nó bao gồm một số hình thức chủ yếu sau:

- Trưng bày, triển lãm giới thiệu sách mới, chuyên đề tại thư viện, ngoài thư viện, trên các phương tiện thông tin đại chúng và một số hình thức khác nhằm giới thiệu vốn tài liệu thư viện;

- Tổ chức các sự kiện văn hóa tại thư viện nhằm thu hút người sử dụng đến thư viện, từ đó khuyến khích đọc, xây dựng thói quen đọc;

- Tổ chức lấy ý kiến đánh giá của công chúng, người sử dụng về hoạt động, dịch vụ của thư viện;

- Xây dựng mạng lưới tổ chức, cá nhân có liên quan để phát triển hoạt động thư viện.

Hoạt động truyền thông, vận động của thư viện phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi, đối tượng phục vụ của thư viện và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

2.1.7. Phân loại thư viện Việt Nam

Căn cứ điều 9, chương II, Luật Thư viện 2019, Thư viện Việt Nam được phân loại như sau [7]:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam;
- Thư viện công cộng;
- Thư viện chuyên ngành;
- Thư viện lực lượng vũ trang nhân dân;
- Thư viện cơ sở giáo dục đại học (sau đây gọi là thư viện đại học);
- Thư viện cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác;
- Thư viện cộng đồng và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng;
- Thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam.

Từ phân loại trên, các thư viện được tổ chức theo mô hình sau đây:

- Thư viện công lập do Nhà nước đầu tư, bảo đảm điều kiện hoạt động và đại diện chủ sở hữu được tổ chức theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập hoặc phù hợp với mô hình của cơ quan, tổ chức chủ quản;

- Thư viện ngoài công lập do tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc tổ chức, cá nhân nước ngoài, cộng đồng dân cư đầu tư, bảo đảm điều kiện hoạt động và được tổ chức theo mô hình doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp ngoài công lập hoặc mô hình khác.

2.1.7.1. Thư viện Quốc gia Việt Nam

Thư viện Quốc gia Việt Nam là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; đây là thư viện trung tâm của cả nước và thực hiện chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Tiếp nhận, bảo quản, lưu giữ vĩnh viễn xuất bản phẩm, ấn phẩm báo chí được xuất bản tại Việt Nam theo quy định của pháp luật; luận án tiến sĩ của công dân Việt Nam bảo vệ ở trong nước và nước ngoài; luận án tiến sĩ của người nước ngoài bảo vệ tại Việt Nam;

- Bổ sung và phổ biến tài liệu về Việt Nam, tài liệu tiêu biểu của nước ngoài;

- Xây dựng hệ thống thông tin thư mục quốc gia; chủ trì, phối hợp với thư viện của các Bộ, ngành và thư viện khác trong nước xây dựng Tổng mục lục Việt Nam; công bố, chia sẻ thông tin thư mục quốc gia, tài nguyên thông tin số cho thư viện có nhu cầu, trừ tài nguyên thông tin hạn chế sử dụng theo quy định của Luật này và pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, tiếp cận thông tin, lưu trữ;

- Nghiên cứu khoa học thông tin thư viện;

- Thực hiện biên mục tập trung; chủ trì, phối hợp với các thư viện xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu toàn văn, thư viện số;

- Hợp tác, trao đổi tài nguyên thông tin với thư viện trong nước và nước ngoài; tham gia diễn đàn, tổ chức xã hội - nghề nghiệp về thư viện theo quy định của pháp luật;

- Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho các thư viện trong cả nước theo phân công và thực hiện nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao.



Hình 2.2. Thư viện Quốc gia

(Nguồn tác giả sưu tầm)

Thư viện hiện có hơn 2,5 triệu đơn vị tư liệu và bộ sưu tập số khoảng 8 triệu trang tài liệu do TVQG tạo lập với nhiều bộ sưu tập khác nhau. Trong vốn di sản văn hiến to lớn đó, có sự góp mặt của các bộ sưu tập tư liệu quý giá từ thế kỷ 17 đến nay. Thư viện Quốc gia Việt Nam đã, đang và phấn đấu để trở thành nơi lưu truyền tri thức và khơi nguồn cảm hứng thực sự tin cậy, thân thiện của bạn đọc trong và ngoài nước, có uy tín và vị thế xứng đáng trong cộng đồng thư viện Việt Nam, khu vực và thế giới.

2.1.7.2. Thư viện công cộng

Thư viện công cộng là thư viện có tài nguyên thông tin tổng hợp phục vụ nhân dân như thư viện cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Hiện nay, thư viện cấp tỉnh được coi là thư viện trung tâm của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thực hiện chức năng, nhiệm vụ sau đây:

- Thu thập tài liệu cổ, quý hiếm; tài nguyên thông tin về tiếng nói, chữ viết của người dân tộc thiểu số; tài nguyên thông tin của địa phương và về địa phương;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu, thư viện số về địa phương; phổ biến tài nguyên thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương;

- Hỗ trợ, hướng dẫn, trang bị kỹ năng tìm kiếm, khai thác và sử dụng thông tin cho người sử dụng thư viện;
- Tổ chức khu vực đọc phục vụ trẻ em, người khuyết tật;
- Tham gia xây dựng thư viện công cộng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là thư viện cấp huyện), thư viện công cộng xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là thư viện cấp xã);
- Tổ chức thư viện lưu động, luân chuyển tài nguyên thông tin, tiện ích thư viện;
- Tổ chức triển lãm và hoạt động khác nhằm phát triển văn hóa đọc;
- Thực hiện liên thông với thư viện trong nước và nước ngoài;
- Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho thư viện trên địa bàn theo phân công và thực hiện nhiệm vụ khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao.



Hình 2.3. Thư viện Quảng Ninh

(Nguồn tác giả sưu tầm)

Ví dụ như: Thư viện tỉnh Quảng Ninh là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Văn hoá và Thể thao tỉnh Quảng Ninh, có chức năng thu thập, giữ gìn di sản thư tịch của dân tộc; bổ sung, bảo quản, tổ chức khai thác và sử dụng chung vốn tài liệu trong xã hội nhằm truyền bá tri thức, cung cấp thông tin phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu, công tác và giải trí của mọi tầng lớp nhân

dân; góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, phát triển khoa học, công nghệ, kinh tế, văn hoá, phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Quảng Ninh trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Thư viện tỉnh Quảng Ninh được trang bị một hệ thống trang thiết bị hiện đại và đồng bộ nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu xã hội như: Các phòng phục vụ bạn đọc, phòng làm việc cán bộ, cảnh quan, kho tàng kang trang sạch, đẹp... Hiện nay, thư viện Quảng Ninh trở thành một điểm đến tin cậy, hấp dẫn của tất cả độc giả trong và ngoài tỉnh.

Đối với thư viện cấp huyện, dù là tuyến dưới nhưng cũng thực hiện nhiều chức năng, nhiệm vụ cụ thể như:

- Tiếp nhận tài nguyên thông tin, tiện ích thư viện từ thư viện cấp tỉnh;
- Luân chuyển tài nguyên thông tin đến thư viện trên địa bàn;
- Tổ chức hoạt động phục vụ nhu cầu học tập suốt đời của nhân dân trên địa bàn;
- Thực hiện nhiệm vụ khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao.

Cuối cùng là thư viện cấp xã, đơn vị nhỏ nhất trong hệ thống thư viện công cộng cũng đóng góp các chức năng, nhiệm vụ sau đây:

- Tiếp nhận tài nguyên thông tin, đơn vị nhỏ nhất trong hệ thống thư viện tiện ích thư viện từ thư viện cấp tỉnh, thư viện cấp huyện và các nguồn hợp pháp khác;
- Luân chuyển tài nguyên thông tin đến thư viện cộng đồng, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng trên địa bàn;
- Tham gia xây dựng văn hóa đọc, hình thành thói quen đọc cho Nhân dân trên địa bàn;
- Thực hiện nhiệm vụ khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao.

2.1.7.3. Thư viện chuyên ngành

Thư viện chuyên ngành là thư viện có tài nguyên thông tin chuyên sâu về một ngành, lĩnh vực hoặc nhiều ngành, lĩnh vực phục vụ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, tổ chức chủ quản.

Thư viện chuyên ngành gồm thư viện của cơ quan nhà nước; thư viện của tổ chức khoa học và công nghệ; thư viện của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; thư viện của tổ chức kinh tế.

Thư viện chuyên ngành thực hiện chức năng, nhiệm vụ sau đây:

- Phát triển tài nguyên thông tin phù hợp với chuyên ngành phục vụ; tiếp nhận, bổ sung và tổ chức khai thác tài nguyên thông tin từ hoạt động nghiên cứu, công bố khoa học, tài liệu hội nghị, hội thảo, báo cáo nghiên cứu, khảo sát của cán bộ nghiên cứu, cơ quan, tổ chức chủ quản và đề án, dự án, tạp chí chuyên ngành của cơ quan, tổ chức chủ quản;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu, thư viện số chuyên ngành nội sinh; bổ sung và mua quyền truy cập tài nguyên thông tin chuyên ngành nước ngoài;

- Thực hiện liên thông với thư viện trong nước và nước ngoài;

- Thực hiện nhiệm vụ khác do cơ quan, tổ chức chủ quản giao.

Một số thư viện chuyên ngành đầu ngành phục vụ công tác nghiên cứu trong lĩnh vực văn hóa phải kể đến như: Thư viện Viện Nghiên cứu Văn hóa, Thư viện Viện Dân tộc học, Thư viện Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Thư viện Viện Sử học, Thư viện Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam...

2.1.7.4. Thư viện lực lượng vũ trang nhân dân

Thư viện lực lượng vũ trang nhân dân là thư viện của các đơn vị Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, có tài nguyên thông tin tổng hợp, chuyên ngành quốc phòng, an ninh phục vụ cán bộ, chiến sĩ và Nhân dân trên địa bàn, người đang chấp hành hình phạt tù, học tập, cải tạo trong cơ sở giam giữ, trường giáo dưỡng.

Thư viện lực lượng vũ trang nhân dân thực hiện chức năng, nhiệm vụ sau đây:

- Phát triển tài nguyên thông tin phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ được giao; tiếp nhận, bổ sung và tổ chức khai thác tài nguyên thông tin chuyên ngành quốc phòng, an ninh trong nước và nước ngoài; tài liệu hội nghị, hội thảo, báo cáo nghiên cứu, khảo sát và đề án, dự án, tạp chí chuyên ngành của lực lượng vũ trang nhân dân theo quy định;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu, thư viện số chuyên ngành nội sinh; bổ sung và mua quyền truy cập tài nguyên thông tin chuyên ngành quốc phòng, an ninh;
- Thực hiện liên thông giữa các thư viện trong cùng hệ thống, chia sẻ tài nguyên thông tin với thư viện trong nước và nước ngoài;
- Thực hiện nhiệm vụ khác do cơ quan chủ quản giao.



Hình 2.4. Thư viện quân đội

(Nguồn tác giả sưu tầm)

Trong hệ thống thư viện lực lượng vũ trang nhân dân, Thư viện quân đội là thư viện khoa học tổng hợp về quân sự cấp nhà nước, là cơ quan nghiệp vụ đầu ngành của hệ thống thư viện Quân đội nhân dân Việt Nam. Thư viện được thành lập ngày 15 tháng 11 năm 1957, theo chỉ thị của Tổng quân ủy – trực tiếp là đồng chí Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị. Hàng năm, Thư viện quân đội nhập vào kho trung bình gần 4.000 tên tài liệu với khoảng gần 11.000 bản, hơn 300 loại báo, tạp chí trong và ngoài nước. Ngoài ra, thư viện còn tập trung đặt mua các loại bản tin, báo, tạp chí phát hành trong nội bộ quân đội, các loại nguồn tin điện tử, ấn phẩm điện tử, CD – ROM, băng đĩa, cơ sở dữ liệu,... Đến nay, Thư viện quân đội có hơn 40 vạn bản sách, gần 2.000 loại báo, tạp chí, gần 10.000 tài liệu điện tử, tài liệu số hóa về lĩnh vực quân sự, lực lượng vũ trang, chiến tranh, cách mạng, tài liệu nghiên cứu khoa học, Báo – tạp chí Quân sự nước ngoài online (Thư viện Quân đội mua quyền truy cập)... Thư viện quân đội thường xuyên phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong và

ngoài quân đội tổ chức các cuộc trưng bày, triển lãm và hội thi tuyên truyền giới thiệu sách, giao lưu tọa đàm tác giả - tác phẩm, tham gia hội chợ sách,... Thông qua hoạt động sách báo đã góp phần tuyên truyền sâu rộng quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và quân đội, đã tạo ra các hoạt động văn hoá lành mạnh và bổ ích, góp phần giáo dục chính trị tư tưởng, lòng yêu nước và tự hào dân tộc, xây dựng phong trào đọc, học và làm theo sách báo, góp phần khẳng định giá trị truyền thống của văn hoá đọc trong quân đội và xã hội.

2.1.7.5. Thư viện đại học

Thư viện đại học là thư viện có tài nguyên thông tin phục vụ người học và người dạy trong cơ sở giáo dục đại học.

Thư viện đại học thực hiện chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Phát triển tài nguyên thông tin phù hợp với mục tiêu, nội dung, chương trình, lĩnh vực, ngành đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của cơ sở giáo dục đại học;

- Tiếp nhận, bổ sung và tổ chức khai thác khóa luận, đồ án, luận văn, luận án, kết quả nghiên cứu khoa học của người học và người dạy trong cơ sở giáo dục đại học; xây dựng tài liệu nội sinh, cơ sở dữ liệu học liệu, tài nguyên học liệu mở;

- Tổ chức không gian đọc; hướng dẫn sử dụng sản phẩm thư viện và dịch vụ thư viện; hoàn thiện kỹ năng tìm kiếm, khai thác và sử dụng thông tin; củng cố, mở rộng kiến thức cho người học, người dạy và cán bộ quản lý;

- Thực hiện liên thông với thư viện trong nước và nước ngoài;

- Thực hiện nhiệm vụ khác do cơ sở giáo dục đại học giao.

Năm 2020, cả nước có khoảng 460 trường đại học và cao đẳng [5], và tương ứng với đó sẽ là các thư viện đại học, cao đẳng được thành lập, đầu tư, xây dựng hiện đại để đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của người học. Có thể kể đến một số thư viện đại học đứng đầu Việt Nam hiện nay như: Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội, Thư viện Tạ Quang Bửu - Đại học Bách khoa Hà Nội, Thư viện Đại học Thăng Long, Thư viện Đại học FPT, Thư viện Đại học Tôn Đức Thắng...



Hình 2.5. Không gian của Thư viện Đại học Tôn Đức Thắng

(Nguồn: Tác giả sưu tầm)

2.1.6.6. Thư viện cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác

Thư viện cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác là thư viện có tài nguyên thông tin phục vụ người học và người dạy trong cơ sở giáo dục.

Thư viện cơ sở giáo dục mầm non thực hiện chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Phát triển tài nguyên thông tin phù hợp với độ tuổi, tâm lý của trẻ em mầm non; nhu cầu thông tin, tài liệu của người dạy, cán bộ quản lý và chương trình giáo dục của cơ sở giáo dục;

- Tổ chức hoạt động làm quen với sách và hình thành thói quen đọc của trẻ em mầm non; hướng dẫn sử dụng thư viện, trang bị kỹ năng tìm kiếm, khai thác, sử dụng thông tin cho người dạy và cán bộ quản lý;

- Thực hiện nhiệm vụ khác do cơ sở giáo dục giao.

Đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục phổ thông cũng là đơn vị hoạt động tích cực, hỗ trợ cung cấp nhiều tài liệu tốt tới học sinh để giúp các em có cơ hội nghiên cứu, tìm hiểu, hình thành thói quen, niềm đam mê với sách. Hiện nay, thư viện thuộc cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện các chức năng, nhiệm vụ sau:

- Phát triển tài nguyên thông tin phù hợp với nhu cầu học tập, nghiên cứu của người học, người dạy, cán bộ quản lý và mục tiêu, nội dung, chương trình học tập, giảng dạy của từng cấp học, chương trình học;

- Tổ chức hoạt động khuyến đọc, hình thành thói quen, kỹ năng đọc của người học; hướng dẫn sử dụng thư viện, trang bị kỹ năng tìm kiếm, khai thác, sử dụng thông tin cho người học, người dạy và cán bộ quản lý;

- Hỗ trợ việc học tập, giảng dạy, nghiên cứu và tổ chức các hoạt động giáo dục khác;

- Thực hiện nhiệm vụ khác do cơ sở giáo dục giao.

Thư viện cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác cũng là một đơn vị cung cấp nhiều tài liệu cho học sinh và nó thực hiện các chức năng, nhiệm vụ sau đây:

- Phát triển tài nguyên thông tin phù hợp với nhu cầu học tập, nghiên cứu của người học, người dạy, cán bộ quản lý và mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục;



Hình 2.6. Thư viện trường Tiểu học Thăng Long, Thái Bình

(Nguồn tác giả sưu tầm)

- Tổ chức hoạt động khuyến đọc; hướng dẫn sử dụng thư viện, trang bị kỹ năng tìm kiếm, khai thác, sử dụng thông tin cho người học, người dạy và cán bộ quản lý;

- Thực hiện nhiệm vụ khác do cơ sở giáo dục giao.

2.1.7.7. Thư viện cộng đồng và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng

Thư viện cộng đồng là thư viện, có tài nguyên thông tin tổng hợp do cộng đồng dân cư thành lập tại trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm văn hóa, thể thao xã, phường, thị trấn; điểm bưu điện văn hóa xã; nhà văn hóa thôn, ấp, bản, làng, buôn, phum, sóc; khu chung cư; nơi sinh hoạt chung của cộng đồng.

Thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng là thư viện có tài nguyên thông tin tổng hợp hoặc chuyên ngành do tổ chức, cá nhân Việt Nam thành lập, tự bảo đảm kinh phí hoạt động.

Thư viện cộng đồng và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng thực hiện chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Cung cấp tài nguyên thông tin cho nhân dân trên địa bàn; tiếp nhận tài nguyên thông tin luân chuyển từ thư viện công cộng các cấp để phục vụ nhân dân;
- Tổ chức hoạt động thư viện theo nội dung đã thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Xây dựng và tham gia phát triển văn hóa đọc cho nhân dân trên địa bàn.



Hình 2.7. Thư viện Tư nhân Nguyễn Văn Hương

(Nguồn tác giả sưu tầm)

Hiện nay, ở phía bắc đang nổi lên hoạt động của thư viện tư nhân Nguyễn Văn Hưởng. Thư viện do Thượng tướng Nguyễn Văn Hưởng thành lập năm 2019, đã hình thành một thư viện với nguồn tư liệu vô cùng phong phú và quý giá với nhiều hình thức khác nhau: sách, báo tạp chí, bản đồ, công văn và hiện vật. Với diện tích 500m², Thư viện Nguyễn Văn Hưởng hiện lưu giữ và trưng bày hơn 14.000 bản sách, gần 1.000.000 tư liệu các loại. Nhiều tài liệu được xuất bản bằng tiếng Anh của các tác giả là chính trị gia, các nhà sử học và có cả các quan chức chính phủ, các tướng lĩnh quân đội Mỹ nghiên cứu, viết về chiến tranh Việt Nam; nhiều tờ báo, tạp chí của các viện nghiên cứu và các loại ấn phẩm khác. Thư viện đã thu thập được nhiều bản đồ về địa lý Việt Nam và Đông Nam Á từ xưa đến nay ở dạng số hóa; trong đó có 2 bộ sưu tập bản đồ toàn thể lãnh thổ, và các thành phố lớn của Việt Nam do Cơ quan Địa chính Hoa Kỳ và Quân đội Hoa Kỳ vẽ và ấn hành trong Chiến tranh Việt Nam. Thư viện Nguyễn Văn Hưởng còn hướng tới hình thành bộ sưu tập số và thành lập một trang thông tin điện tử riêng để phục vụ tốt nhất cho đông đảo công chúng.

2.1.7.8. Thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam

Thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam là thư viện có tài nguyên thông tin tổng hợp, chuyên ngành do tổ chức, cá nhân nước ngoài thành lập tại Việt Nam; tự bảo đảm kinh phí hoạt động; hoạt động theo quy định của Luật Thư viện 2019 và pháp luật có liên quan.

Thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam thực hiện chức năng, nhiệm vụ sau:

- Tổ chức hoạt động thư viện theo nội dung đã thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Tham gia phát triển văn hóa đọc.

* Các bộ phận thư viện:

Bộ phận chức năng: thực hiện những chức năng riêng biệt trong chu trình xử lý sách hoặc phục vụ người đọc bao gồm các phòng, bổ sung, biên mục, phân loại bảo quản thư mục phòng đọc, phòng mượn, phòng công tác tuyên truyền.

Bộ phận tổng hợp: là bộ phận thực hiện tất cả các chức năng có liên quan đến công tác bổ sung, xử lý những tài liệu đặc biệt. Bộ phận này gồm các phòng: phòng sách tài liệu quý hiếm, tài liệu chép tay, phòng sách nước ngoài, phòng sách văn hóa nghệ thuật v.v...

Bộ phận chuyên ngành: tập trung phục vụ người đọc bằng các tài liệu theo từng ngành tri thức nhất định bao gồm các phòng sách khoa học xã hội và nhân văn, phòng sách kỹ thuật nông nghiệp, phòng văn học, phòng văn hóa nghệ thuật v.v...

Bộ phận giao dịch bao gồm các phòng: phòng nghiệp vụ, phòng hiệu đính và xuất bản, phòng trao đổi giữa các thư viện.

Bộ phận hành chính - quản trị bao gồm các phòng văn thư, tài vụ, tổ chức cán bộ, phòng cung ứng vật tư .

Bộ phận hỗ trợ: bao gồm các phòng đánh máy, sao chụp, in ấn, đóng sách, xưởng mộc, nề.

2.1.8. Những nét mới của hoạt động thư viện

Hiện nay, Thư viện có rất nhiều thay đổi để thu hút, phục vụ, đáp ứng nhu cầu của người đọc. Điều này giúp cho số lượng độc giả đến với Thư viện nhiều hơn và đây là động lực giúp Thư viện luôn luôn đổi mới, sáng tạo để có thể đem nguồn tri thức khổng lồ đến với bạn đọc khắp nơi trên thế giới.

a) Thư viện ảo

Thuật ngữ tiếng Anh là virtual library nhấn mạnh đến tính chất “phi không gian” của loại hình thư viện này về phương diện vốn tư liệu và dịch vụ. Theo từ điển tiếng Việt: Thư viện được xây dựng trên công nghệ hiện thực - ảo. Hiện nay, tại một số nước trên thế giới, hệ thống thư viện ảo đã được tổ chức thực nghiệm và khai thác sử dụng dưới hình thức các sản phẩm CD - ROM bao gói, nhưng hầu hết các hệ thống thư viện ảo tiên tiến chỉ tồn tại trong những hệ thống máy tính tinh vi được nối mạng Internet hoặc Intranet với các thiết bị truyền thông hiện đại.

Để tiếp cận các thư viện này, cần có các giao diện hai chiều dựa vào các trạm máy tính truyền thông hoặc các giao diện ba chiều với các màn hình chữ to và các thiết bị ngoại vi trợ giúp. Trong một thời gian dài nữa, hệ thống thư

viện truyền thống và thư viện ảo sẽ vẫn song song tồn tại trong việc lưu giữ và chuyển tải thông tin cho người sử dụng.

b) Thư viện điện tử

Thư viện điện tử (Electronic Libarary) sử dụng các phương pháp điện tử trong thu thập, lưu trữ, xử lý, tìm kiếm và phổ biến thông tin. Thư viện điện tử hướng về mục tiêu cung cấp cho người sử dụng có thể truy cứu tài liệu ở mọi lúc, mọi nơi.

Các dữ liệu dạng chữ, hình ảnh âm thanh...sử dụng trên máy tính và được máy tính nhận biết đúng định dạng, được gọi chung là dữ liệu số. Quá trình chuyển các dạng dữ liệu truyền thống như bản viết tay, bản in trên giấy, hình ảnh sang chuẩn dữ liệu trên máy tính và được máy tính nhận biết gọi là số hóa tài liệu. Như vậy, số hóa tài liệu là chuyển đổi tài liệu thư viện từ dạng truyền thống sang dạng điện tử và lưu trữ trên máy tính nhằm bảo quản chia sẻ và phục vụ trực tuyến. Việc số hóa tài liệu sẽ giúp lưu trữ, truy xuất, chia sẻ, tìm kiếm thông tin một cách nhanh chóng dễ dàng nhất.

Thư viện điện tử là phần mềm quản lý những người tham gia vào việc mượn sách tại thư viện thông qua việc sử dụng những phương tiện công nghệ và internet để truy cập, thống kê thông tin của người đang mượn tài liệu từ thư viện. Đồng thời, sử dụng thư viện điện tử hiệu quả còn nhờ vào việc sử dụng những mã code được cấp riêng cho từng cá nhân có nhu cầu thuê sách.

Sự tiện lợi của thư viện điện tử được thể hiện trong khâu quản lý tài liệu có mặt trong thư viện, quản lý sách vở trong thư viện, quản lý các đối tượng tham gia sử dụng những tài liệu trong thư viện để đáp ứng cho nhu cầu sử dụng tài liệu trong học tập.

Thư viện điện tử là một phần mềm hiện đại giúp bạn có thể truy xuất được thông tin người sử dụng tài liệu trong thư viện một cách nhanh chóng và hiệu quả giúp việc thất thoát tài liệu không thể xảy ra được. Tuy nhiên, trong thư viện điện tử thì sách truyền thống vẫn tiếp tục tồn tại để giúp độc giả có nhiều cơ hội được sử dụng tài liệu theo cách tốt nhất.

c) Thư viện số

Từ những năm 2005, thuật ngữ thư viện điện tử đã bị trở nên mờ nhạt, thay vào đó là thư viện số (Digital Library).

Theo định nghĩa về thư viện số của Hiệp hội Thư viện số Hoa Kỳ (Digital Library Federation): Thư viện số là các tổ chức cung cấp tài nguyên, gồm các nhân viên chuyên biệt giúp lựa chọn, tổ chức, cung cấp khả năng truy xuất thông minh, chỉ dẫn, phân phối, bảo quản tính toàn vẹn và sự thống nhất của các bộ sưu tập theo thời gian để đảm bảo sao cho chúng luôn sẵn có để truy xuất một cách dễ dàng và kinh tế nhất đối với một cộng đồng người dùng hoặc một nhóm cộng đồng người dùng.

Theo Luật Thư viện 2019, Thư viện số là thư viện hoặc bộ phận của thư viện có tài nguyên thông tin được xử lý, lưu giữ dưới dạng số mà người sử dụng thư viện truy cập, khai thác thông qua thiết bị điện tử và không gian mạng [7].

Hay hiểu một cách chi tiết hơn Thư viện số là một thư viện điện tử cao cấp trong đó toàn bộ các tài liệu của thư viện đã được số hóa và được quản lý bằng một phần mềm chuyên nghiệp có tổ chức giúp người dùng dễ dàng truy cập, tìm kiếm và xem được nội dung toàn văn của chúng từ xa thông qua hệ thống mạng thông tin và các phương tiện truyền thông.

Vậy khi thư viện số là thư viện điện tử cao cấp, nó cho phép đọc được thông tin toàn văn sau khi đã số hoá hầu hết tư liệu, đặc biệt là các tư liệu dưới dạng đồ họa (như tranh ảnh, bản đồ...) và đa phương tiện (multimedia) nói chung. Cụ thể hơn, thư viện số ngày nay còn là sự kết hợp tài nguyên bao gồm không những tài liệu in ấn truyền thống, mà còn có cả sách điện tử và tạp chí điện tử, cơ sở dữ liệu trực tuyến và những bộ sưu tập điện tử do thư viện xây dựng hay do nhà thầu cung cấp từ bên ngoài. Vì vậy, thư viện số còn được gọi là “thư viện không có sách”.

d) Thư viện lai

Chúng ta đều nhận thấy, vào nửa cuối thế kỷ XX, với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, một dạng tài liệu mới, tài liệu số đã xuất hiện. Với tính năng nhỏ gọn và có thể tổ chức tra cứu nhanh, chính xác và đầy đủ, đã có lúc, có người cho rằng tài liệu số sẽ thay thế tài liệu giấy nhưng thực tế đã không xảy ra như vậy. Mặc dù tài liệu số được bổ sung ngày càng nhiều trong các thư viện nhưng tài liệu giấy vẫn là loại tài liệu chủ yếu với những ưu thế mà tài liệu số chưa thể thay thế được. Và như vậy, vốn tài liệu thư viện hiện

nay và trong thời gian tới sẽ là vốn tài liệu lai - hay có thể gọi là thư viện lai. Nếu khái quát lại, ta có thể hiểu thư viện lai sẽ là xây dựng các thư viện điện tử cùng với các kho tư liệu, sách truyền thống. Nguồn lực của thư viện lai bao gồm cả tài liệu in giấy và tài liệu đã được số hóa.

đ) Sách điện tử

Sách điện tử là sách được số hoá, có thể đọc và lưu trữ trên máy, có thể liên kết với các sách điện tử khác trong thư viện số. Việc số hóa sách cho phép thực hiện việc tìm kiếm theo chủ đề dễ dàng mà sách truyền thống không bao giờ đạt được bởi mỗi cuốn sách truyền thống là một đơn vị độc lập. Và sách điện tử cũng có khả năng chèn hình ảnh, âm thanh sinh động giúp người đọc cảm thấy hấp dẫn, thú vị, đồng thời độc giả cũng có thể lưu trữ file đọc trên nhiều thiết bị công nghệ, đơn giản như điện thoại, ipad...từ đó mang theo khắp nơi và đọc ở bất kì đâu. Đặc biệt hơn, việc đọc sách điện tử rất tiện và dễ dàng, đồng thời thì kinh phí cũng rẻ hơn so với việc đọc truyền thống nên hiện nay, việc đọc sách điện tử trở thành một xu hướng trong cộng đồng.

Có thể thấy việc ra đời của nhiều loại hình thư viện và hình thức đọc sách hiện đại đã đem lại sức hấp dẫn lớn của thiết chế thư viện với độc giả. Để bắt kịp những xu hướng mới trên thế giới và đem lại cơ hội trải nghiệm thư viện một cách hiệu quả nhất, nhiều năm gần đây, Bộ VHTTDL đã quan tâm xây dựng và ban hành nhiều văn bản nhằm định hướng cho các thư viện Việt Nam phát triển, từng bước hiện đại hóa, chuẩn hóa, đổi mới phương thức hoạt động. Các văn bản chỉ đạo kịp thời, định hướng cho hệ thống thư viện công cộng các cấp đổi mới trong hoạt động, cụ thể như: Đổi mới, đa dạng hóa các phương thức phục vụ, triển khai các dịch vụ mới, làm mới các dịch vụ truyền thống trong thư viện; cải cách thủ tục và hoạt động cấp thẻ thư viện; hướng dẫn các thư viện xây dựng quy chế hoạt động của thư viện, từng bước đổi mới hoạt động, tăng cường truyền thông vận động, nâng cao chất lượng phục vụ của thư viện đáp ứng nhu cầu của bạn đọc...

Tiếp theo, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch cũng đã xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển ngành thư viện Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030”. Công tác xây dựng tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực thư viện cũng được đẩy mạnh, trong đó việc ứng dụng công nghệ thông tin được tăng cường ở mọi loại hình thư viện. Tổng số

máy tính hiện có trong các thư viện công cộng khoảng trên 9.700 máy, bình quân 52 máy/thư viện tỉnh. Đây là bước tiến đột phá so với những năm trước. Cho đến nay, 100% thư viện cấp tỉnh, 80% thư viện đại học, viện nghiên cứu đã triển khai ứng dụng công nghệ thông tin với các mức độ khác nhau, nhiều thư viện đã tin học hóa 60% - 80% hoạt động của thư viện. Một số mô hình mới đã được triển khai, thu hút đông đảo bạn đọc như Thư viện Tạ Quang Bửu, mỗi ngày thu hút được trên 5.000 lượt bạn đọc; Trung tâm Học liệu Đại học Cần Thơ, Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội thu hút trên 2 triệu lượt bạn đọc tại thư viện và qua các trang web của thư viện... [8].

Có thể thấy, các thư viện hiện đại ứng dụng công nghệ phục vụ bạn đọc đang trở thành xu hướng ngày nay. Vì vậy, nó cũng đòi hỏi sự thay đổi nhanh chóng trong cách nhìn nhận, quản lý và đầu tư các nguồn lực xứng đáng để thư viện thực hiện đầy đủ sứ mệnh, chức năng của mình và trong tương lai, thư viện luôn trở thành kho tàng tri thức cung cấp không chỉ độc giả trong nước mà còn kết nối, chia sẻ toàn cầu.

2.2. THIẾT CHẾ BẢO TÀNG

2.2.1. Lược sử hình thành và phát triển các thiết chế Bảo tàng ở Việt Nam

2.2.1.1. Thời kỳ phong kiến quân chủ

* Quan điểm Nhà nước phong kiến:

Về mặt pháp luật: Nhà nước phong kiến không có khái niệm về Bảo tàng học hay Di sản văn hóa như hiện nay mà cho rằng tất cả những gì đời người để lại là di sản.

Theo Luật Hồng Đức¹ và Luật Gia Long² có nhiều điều khoản về việc bảo vệ các di sản văn hóa cụ thể:

- + Cấm phá hủy, xâm phạm đình, chùa, miếu, lăng, mộ, bia, ký;
- + Bảo quản không đúng định kỳ, gây thiệt hại bị xử tội;

¹ Luật Hồng Đức là bộ luật ra đời dưới thời vua Lê Thánh Tông, có niên hiệu Hồng Đức (1470-1497). Đây là bộ luật chính thức của nhà nước Đại Việt thời Lê sơ, nó bao gồm nhiều các quy phạm pháp luật thuộc nhiều lĩnh vực.

² Luật Gia Long là bộ luật ra đời dưới thời vua Gia Long, do Tổng tài Nguyễn Văn Thành chủ trì biên soạn từ năm 1811, ban hành năm 1815. Đây là bộ luật đầy đủ và hoàn chỉnh nhất trong hệ thống luật cổ của nước ta và là bộ luật đầu tiên trong lịch sử phong kiến có sự thống nhất từ Bắc vào Nam.

+ Chăm sóc, quan tâm các quyền lợi, tồn tại, bảo tồn.

- Nhà nước phong kiến:

+ Ghi công trạng gọi là tự điển. Phân cấp có bộ lễ làm và theo dõi lĩnh vực này: trong bộ lễ được chia ra nhiều nhánh nhỏ như: bộ phận lo việc phong sắc thần hàng năm, bộ phận ghi chép tự điển làm công việc đăng ký để bảo vệ gia phong mỹ tục hoặc ban thưởng mấy chữ vàng.

+ Viết sách sử ký để ghi nhận công đức.

+ Ban hành một số ân điển đối với một số di tích đặc biệt như ban thưởng vàng, miễn phu tạp dịch.

- Làng xã trong xã hội Việt Nam truyền thống:

+ Chùa làng đều có nhà Chùa;

+ Đình làng là nơi làm việc của làng như hội họp, thu tô, thu thuế, sinh hoạt văn hóa và tín ngưỡng, ngoài ra còn cử người trông coi gọi là “Tù”. Những xã lớn ở đình còn có cáo văn ghi tên những người đỗ tú tài, cử nhân ...

+ Bảo vệ đóng góp xây dựng bảo tồn đình, chùa, miếu còn được ghi trong điều khoản hương ước của làng xã [9, tr 35].

2.2.1.2. Thời Pháp thuộc

Trong thời kì này, ngoài việc tiến hành một số hoạt động có ý nghĩa tích cực như kiểm kê các di tích lịch sử văn hóa, phát hiện khai quật các di tích khảo cổ, người Pháp đã cho xây dựng một số Bảo tàng ở nước ta:

- Ở miền Bắc bao gồm: Bảo tàng Louis-Finot xây dựng năm 1926, khánh thành năm 1932 (nay là Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam), Bảo tàng Địa chất thành lập năm 1914, Bảo tàng Động vật thành lập năm 1928.

- Ở miền Trung có: Bảo tàng Parmentier xây dựng năm 1915, mở rộng năm 1936, khánh thành năm 1939 (nay là Bảo tàng Nghệ thuật Điêu khắc Chăm), Bảo tàng Khải Định thành lập năm 1923 (nay là Bảo tàng Mỹ thuật cung đình Huế).

- Ở miền Nam: Bảo tàng Hải Dương học thành lập năm 1923 (nay là Bảo tàng Sinh vật biển), Bảo tàng Blanchard de la Brosse thành lập năm 1929 (nay là Bảo tàng Lịch sử Việt Nam – Thành phố Hồ Chí Minh) [7].

2.2.1.3. Từ năm 1954 đến nay

Sau ngày tuyên ngôn độc lập, ngày 23/11/1945 Hồ Chủ tịch đã ban bố sắc lệnh số 65 về việc bảo tồn các di sản văn hóa, thành lập cơ quan quản lý về các di sản văn hóa có tên là Viễn Đông Bắc cổ Viện, chỉ thị cấm phá hủy xâm phạm đình, chùa, miếu, lăng mộ, các quần thể di tích, các công trình kiến trúc, các văn bản ngôn ngữ mang tính lịch sử ...

Năm 1954 miền Bắc hoàn toàn giải phóng: Từ năm 1954 đến 1960 Đảng và Nhà nước ta khôi phục và xây dựng các Bảo tàng như: Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, Bảo tàng Mỹ thuật, Bảo tàng Quân đội vv.. xây dựng và hoàn thiện hệ thống bảo tàng từ Trung ương đến tỉnh, thành phố và một số quận, huyện...

Từ năm 1960 đến năm 1975 nhiệm vụ chiến lược của Đảng Nhà nước tất cả cho sự nghiệp cách mạng dân tộc đấu tranh giải phóng thống nhất đất nước, độc lập dân tộc.

Từ năm 1975 đến nay, đất nước hoàn toàn độc lập thống nhất. Để tiếp nối sự nghiệp giáo dục truyền thống yêu nước, khơi dậy tính tự hào dân tộc. Đảng và Nhà nước luôn quan tâm đầu tư nâng cấp hoàn thiện hệ thống các thiết chế bảo tàng từ Trung ương đến các tỉnh thành phố (trực thuộc Trung ương) và một số quận huyện trên phạm vi cả nước.

Ngoài hệ thống các thiết chế bảo tàng do Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch quản lý, các thiết chế bảo tàng của các bộ, ban, ngành và các tổ chức đoàn thể cũng được củng cố, xây dựng hoàn thiện và phát triển như Bảo tàng Quân đội, bảo tàng các quân khu, binh chủng, quân chủng, Bảo tàng Bộ Công an, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Bảo tàng Hải dương học, Bảo tàng Địa chất, Bảo tàng Khoa học tự nhiên, Bảo tàng Phụ nữ.

2.2.2. Định nghĩa về thiết chế Bảo tàng

Bảo tàng là một từ ghép, “Bảo” được hiểu là bảo quản, bảo vật, vật linh, tác phẩm nghệ thuật. “Tàng” nghĩ là tàng trữ. Vậy Bảo tàng được hiểu là nơi tàng trữ, bảo quản các bảo vật, các vật linh hay tác phẩm nghệ thuật.

Một số học giả cho rằng bảo tàng ra đời là do trời phú cho con người “cái bản năng yêu thích cái đẹp”. Con người luôn có nhu cầu tìm kiếm, thu thập những đồ vật đáp ứng mỹ cảm của bản thân. Quan điểm mỹ học chủ quan.

Một số khác lại đưa ra quan điểm, con người có bản năng sưu tầm “những hiện vật lạ”, đó là tính “hiếu kỳ” của con người.

Theo Hiệp hội Bảo tàng thế giới (ICOM): Bảo tàng là một tổ chức phi lợi nhuận, hoạt động thường xuyên phục vụ công chúng tham quan, phục vụ cho xã hội và sự phát triển của xã hội, có chức năng sưu tầm, bảo quản, nghiên cứu, giao tiếp và trưng bày các di sản vật thể và phi vật thể của nhân loại cùng với môi trường sống của con người cho các mục đích giáo dục, nghiên cứu và thưởng thức. (ICOM, kì họp đại hội đồng thứ 22 tại Vienna, 2007) [11].

Theo Điều 47, chương IV, Luật Di sản Văn hóa Việt Nam năm 2001 định nghĩa: Bảo tàng là nơi bảo quản và trưng bày các sưu tập về lịch sử tự nhiên và xã hội (sau đây gọi là sưu tập) nhằm phục vụ nhu cầu nghiên cứu, giáo dục, tham quan và hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

Năm 2013, Luật di sản văn hóa sửa đổi, bổ sung một số điều, Bảo tàng được hiểu đầy đủ như sau: Bảo tàng là thiết chế văn hóa có chức năng sưu tầm, bảo quản, nghiên cứu, trưng bày, giới thiệu di sản văn hóa, bằng chứng vật chất về thiên nhiên, con người và môi trường sống của con người, nhằm phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập, tham quan và hưởng thụ văn hóa của công chúng.

Bảo tàng là nơi sưu tầm, bảo quản và trưng bày các hiện vật lịch sử về tự nhiên cũng như về xã hội, để làm cơ sở cho việc nghiên cứu khoa học và truyền bá khoa học. Tuy nhiên, cần làm rõ một số định nghĩa liên quan đến Bảo tàng như: Bảo tồn, nhà lưu niệm, phòng truyền thống.

- Bảo tồn: Là bảo lưu, bảo vệ, gìn giữ những giá trị có nguy cơ biến mất đến nó có thể tồn tại với xã hội. Ví dụ như: Bảo tồn tài nguyên nước, bảo tồn di sản văn hóa Việt Nam, bảo tồn các khu di tích lịch sử địa phương....

- Nhà lưu niệm: Là nơi lưu giữ những kí ức, kỉ niệm, hiện vật gắn liền với một danh nhân, cá nhân kiệt xuất của địa phương hoặc thế giới. Ví dụ như Nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp (xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, Quảng Bình), Nhà lưu niệm Cố Tổng Bí thư Trường Chinh (xã Xuân Hồng, Xuân Trường, Nam Định)...

- Phòng truyền thống: Là nơi lưu giữ những hình ảnh, hiện vật, thành tích của một tổ chức chính trị, đoàn thể hoặc đơn vị doanh nghiệp tư nhân đã đạt được trong một quá trình lâu dài.

*** Đặc trưng của Bảo tàng:**

Theo Từ điển Tiếng Việt năm 2004, đặc trưng là chỉ những nét riêng biệt và tiêu biểu được xem là dấu hiệu để phân biệt với những sự vật khác. Hoặc, có tính chất riêng biệt và tiêu biểu, làm cho phân biệt được với những sự vật khác [12].

Tóm lại, đặc trưng chỉ những nét riêng biệt nhất, những dấu hiệu cơ bản nhất để một sự vật, một hiện tượng này phân biệt được với sự vật và hiện tượng khác.

Nhóm tác giả cuốn sách Cơ sở bảo tàng học (2008) - Đại học Văn hoá Hà Nội đưa ra các đặc trưng cơ bản của bảo tàng là [13]:

- Sưu tầm, gìn giữ các hiện vật gốc, sưu tập hiện vật gốc về những sự kiện, hiện tượng tiêu biểu của lịch sử tự nhiên, lịch sử xã hội.

+ Hiện vật gốc thể khối (di vật văn hóa vật thể);

+ Tài liệu văn bản gốc có chữ viết;

+ Tác phẩm nghệ thuật gốc tạo hình;

+ Phim ảnh gốc, băng đĩa ghi âm, ghi hình gốc.

- Tổ chức trưng bày triển lãm giới thiệu các hiện vật gốc, sưu tập hiện vật gốc về các sự kiện, hiện tượng của lịch sử tự nhiên và lịch sử xã hội nhằm phục vụ thoả mãn các nhu cầu hiểu biết – khám phá của công chúng.

- Bảo tàng và duy nhất chỉ có bảo tàng mới có thể tạo ra các điều kiện thuận lợi để cho công chúng cảm nhận – “mục sở thị” đích thực những hiện vật gốc, sưu tập gốc ít có, hoặc hoàn toàn không có ngoài bảo tàng cùng trong thời gian ấy của một sự kiện, hiện tượng xã hội, hoặc thiên nhiên nào đó.

2.2.3. Chức năng, nhiệm vụ của thiết chế Bảo tàng

2.2.3.1. Chức năng:

a) Chức năng nghiên cứu khoa học

Một trong những chức năng cơ bản, quan trọng nhất làm cơ sở cho mọi hoạt động của bảo tàng là nghiên cứu khoa học.

Từ điển thuật ngữ bảo tàng viết: “Công tác nghiên cứu khoa học là cơ sở của tất cả các hoạt động của bảo tàng từ sưu tầm, kiểm kê, bảo quản, trưng bày

và giáo dục khoa học, khai thác kho bảo tàng và hội thảo khoa học...đều trên cơ sở nghiên cứu khoa học”.

Đối tượng nghiên cứu của bảo tàng là hiện vật gốc và hiện vật, sưu tập hiện vật bảo tàng với tư cách và là nguồn sử liệu cho công tác nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu khoa học phải nhằm mục đích phục vụ trưng bày. Công tác trưng bày của bảo tàng dựa trên cơ sở hiện vật gốc, sưu tập hiện vật gốc có giá trị bảo tàng. Không có hiện vật gốc thì không có trưng bày bảo tàng, bởi vì sưu tập hiện vật gốc, hiện vật gốc là ngôn ngữ của trưng bày bảo tàng.

Nghiên cứu để thực hiện có hiệu quả việc sưu tầm, bảo quản và trưng bày đáp ứng nhu cầu tham quan và thưởng thức của nhân dân.

b) Chức năng bảo quản di sản văn hoá

Di sản văn hoá là tài sản quý giá của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc. Di sản văn hoá bao gồm di sản văn hoá vật thể và di sản văn hoá phi vật thể.

Mở đầu cuốn “Quy tắc đạo đức nghề nghiệp của ICOM”, năm 2004, viết: “Bảo tàng chịu trách nhiệm bảo tồn, giới thiệu, phát huy đối với các di sản vật thể và phi vật thể, di sản văn hoá và di sản thiên nhiên của nhân loại” [11].

c) Chức năng giáo dục tuyên truyền

Bảo tàng thuộc hệ thống giáo dục văn hoá ngoài nhà trường có chức năng giáo dục, tuyên truyền góp phần hoàn thiện nhân cách con người. Lê nin từng nói “Bảo tàng phải thực hiện chức năng của nhà nước là giáo dục”. “Tất cả các bảo tàng đều có trách nhiệm giáo dục công chúng mà bảo tàng phục vụ” - Cẩm nang bảo tàng – Gary Edson và David Dean [14].

Thông qua các hình thức hoạt động, bảo tàng chuyển giao có mục đích rõ ràng các thông tin, những tri thức về khoa học, lịch sử, văn hóa giúp cho việc hình thành thế giới quan, giáo dục tư tưởng đạo đức, thẩm mỹ cho con người phát triển toàn diện. Có thể giáo dục con người về: lịch sử, truyền thống, nhân cách; tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; tuyên truyền lý tưởng cách mạng, tình yêu thiên nhiên, đất nước...

d) Chức năng thông tin, giải trí và thưởng thức

Bảo tàng là một thiết chế văn hoá vừa động, vừa tĩnh.

Bảo tàng như một trung tâm thông tin bởi nó cung cấp thông tin nhanh, chính xác, cụ thể, ngắn gọn đến với số đông quảng đại quần chúng.

Thông tin của bảo tàng rất đa dạng, phong phú, liên quan đến nhiều ngành khoa học.

Nguồn thông tin hàm chứa trong bản thân hiện vật gốc, sưu tập hiện vật gốc được lưu giữ trong kho, trên hệ thống trưng bày và ngoài bảo tàng.

Nguồn thông tin chứa trong các loại sổ sách, hồ sơ, tài liệu ghi chép về hiện vật gốc, sưu tập hiện vật gốc.

Các hoạt động của bảo tàng phải hướng tới công chúng đáp ứng nhu cầu giải trí, thưởng thức của công chúng, làm cho thời gian rảnh rỗi của họ được sử dụng hữu ích khi tham gia vào các sinh hoạt văn hoá ở bảo tàng...

đ) Chức năng kinh tế

Bảo tàng là đơn vị sự nghiệp có thu, hoạt động phi lợi nhuận. Tuy nhiên trong nền kinh tế thị trường để tạo sự hấp dẫn thu hút đông đảo công chúng đến bảo tàng, nhà nước cho phép thu vé tham quan hay tổ chức các hoạt động dịch vụ phụ trợ trong khuôn viên bảo tàng. Chẳng hạn như bảo tàng cung cấp các dịch vụ bán đồ lưu niệm, sách báo; dịch vụ ăn nhanh; dịch vụ chụp ảnh; dịch vụ vui chơi, giải trí... Và ngày nay, bảo tàng cũng được khai thác mạnh mẽ cho hoạt động phát triển du lịch của địa phương.

Tất cả các hoạt động dịch vụ này góp phần cung cấp một phần kinh phí hiệu quả để trả lương cho nhân viên hay duy trì hoạt động sự nghiệp của bảo tàng.

2.2.3.2. *Nhiệm vụ*

Bảo tàng thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể sau:

- Sưu tầm, kiểm kê, bảo quản và trưng bày các sưu tập hiện vật.
- Nghiên cứu khoa học phục vụ việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.
- Tổ chức phát huy giá trị di sản văn hóa phục vụ xã hội.
- Xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của bảo tàng.
- Quản lý cơ sở vật chất và trang thiết bị kỹ thuật.
- Thực hiện hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức hoạt động dịch vụ phục vụ khách tham quan phù hợp với nhiệm vụ của bảo tàng.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2.2.4. Hoạt động nghiệp vụ của thiết chế Bảo tàng

2.2.4.1. Nghiên cứu khoa học

Công tác nghiên cứu là tìm ra những thông tin mới, thông tin này có thể do quan sát, thử nghiệm hay tổng hợp tư liệu.

Hoạt động nghiên cứu khoa học của bảo tàng được thực hiện thường xuyên thông qua việc triển khai đề tài khoa học các cấp, các chương trình, dự án, đề án khác theo kế hoạch ngắn hạn, dài hạn.

Đặc điểm nghiên cứu khoa học của Bảo tàng đó là vừa nghiên cứu cơ trên cơ sở lý thuyết của Bảo tàng học, vừa nghiên cứu khoa học tương ứng với bảo tàng để định hướng sưu tầm và trưng bày hiện vật. Đồng thời nghiên cứu ứng dụng kết quả thành tựu của nhiều ngành khoa học khác như Mỹ thuật học, Tâm lý học, Dân tộc học v.v...

Hoạt động nghiên cứu khoa học phải gắn kết và nâng cao chất lượng hoạt động của bảo tàng để phục vụ công chúng và góp phần phát triển lý luận bảo tàng học.

Bảo tàng được liên kết với các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước để triển khai các chương trình, kế hoạch nghiên cứu khoa học liên quan đến hoạt động bảo tàng theo quy định của pháp luật.

2.2.4.2. Hoạt động sưu tầm, tư liệu hóa tài liệu, hiện vật và di sản văn hóa phi vật thể

Bảo tàng được sưu tầm, tư liệu hóa tài liệu, hiện vật và di sản văn hóa phi vật thể ở trong và ngoài nước phù hợp với phạm vi, đối tượng, nội dung hoạt động của bảo tàng.

Công tác sưu tầm hiện vật của Bảo tàng cần có sự kết hợp đa ngành, liên ngành:

- Khảo cổ học: chủ yếu đào bới phân tích mẫu.
- Dân tộc học: phân tích sự kiện dữ liệu mẫu gốc.
- Lịch sử học: sưu tầm sử liệu và các hiện vật lịch sử.

- Sinh thái học: nghiên cứu khoa học tự nhiên như quặng, nham thạch, thú động vật

Bảo tàng tổ chức việc sưu tầm, tư liệu hóa tài liệu, hiện vật và di sản văn hóa phi vật thể thông qua các phương thức sau đây:

- Khảo sát điền dã sưu tầm, tư liệu hóa tài liệu, hiện vật và di sản văn hóa phi vật thể;

- Khai quật khảo cổ;

- Tiếp nhận tài liệu, hiện vật do tổ chức, cá nhân chuyển giao, hiến tặng;

- Mua, trao đổi tài liệu, hiện vật với tổ chức, cá nhân.

Việc sưu tầm, tư liệu hóa tài liệu, hiện vật và di sản văn hóa phi vật thể phải tuân theo các quy định của pháp luật hiện hành và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Tài liệu, hiện vật của bảo tàng được chuyển giao, thanh lý, hủy trong các trường hợp sau:

- Không phù hợp với phạm vi, đối tượng và nội dung hoạt động của bảo tàng;

- Bị hư hỏng không còn khả năng phục hồi;

- Được xác định gây hại cho con người và môi trường;

- Được xác định không chính xác về lịch sử, văn hóa, khoa học;

- Được xác định không phù hợp chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp;

- Được xác định nguồn gốc bất hợp pháp.

Căn cứ ý kiến tư vấn của Hội đồng khoa học của bảo tàng và quy định pháp luật có liên quan, Giám đốc bảo tàng ngoài công lập quyết định việc chuyển giao, thanh lý, hủy tài liệu, hiện vật; Giám đốc bảo tàng công lập đề nghị người đứng đầu cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp của bảo tàng quyết định việc chuyển giao, thanh lý, hủy tài liệu, hiện vật.

2.2.4.3. Hoạt động kiểm kê

Đây là công tác kiểm tra từng loại hiện vật đã đăng ký và kiểm tra các hiện vật, đồng thời kiểm định từng loại về giá trị và chất lượng của từng hiện vật theo định kỳ.

Bảo tàng tổ chức kiểm kê tài liệu, hiện vật theo Quy chế kiểm kê hiện vật bảo tàng được Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin ban hành kèm theo Quyết định số 70/2006/QĐ-BVHTT ngày 15 tháng 9 năm 2006.

Hồ sơ kiểm kê tài liệu, hiện vật được lập, quản lý ổn định, lâu dài; được lưu trữ bằng văn bản và lưu trữ bằng công nghệ thông tin.

2.2.4.4. Hoạt động bảo quản

Bảo quản các hiện vật là công tác quan trọng và thiết yếu của thiết chế Bảo tàng, công tác này được tiến hành vận dụng các kinh nghiệm của hoạt động thực tiễn và dân gian kết hợp với công tác ứng dụng thành tựu phát triển tiến bộ của khoa học kỹ thuật và công nghệ trong quá trình gìn giữ bảo quản các hiện vật, nhằm làm tăng tuổi thọ của các hiện vật.

Hoạt động bảo quản tài liệu, hiện vật bao gồm:

- Sắp xếp tài liệu, hiện vật và tổ chức kho để bảo quản;
- Lập hồ sơ về hiện trạng tài liệu, hiện vật và môi trường bảo quản;
- Tổ chức việc bảo quản phòng ngừa, bảo quản trị liệu, phòng chống tai họa, rủi ro cho tài liệu, hiện vật.

Việc bảo quản phải được thực hiện với mọi tài liệu, hiện vật khi trưng bày, khi lưu giữ trong kho và khi đưa ra ngoài bảo tàng.

Việc bảo quản tài liệu, hiện vật phải tuân thủ quy trình, nguyên tắc, kỹ thuật bảo quản và phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng có liên quan đến tài liệu, hiện vật.

2.2.4.5. Hoạt động trưng bày tài liệu, hiện vật và giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể

Hoạt động trưng bày các hiện vật là làm sao phù hợp với các ngành khoa học tương ứng vừa đảm bảo logic mang tính lịch sử, vừa có tính khoa học và thẩm mỹ. Các sản phẩm trưng bày phải là những hiện vật được giám định.

Hoạt động trưng bày tài liệu, hiện vật và giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể của bảo tàng bao gồm:

- Trưng bày dài hạn, ngắn hạn tại bảo tàng;
- Trưng bày, triển lãm lưu động ở trong và ngoài nước;

- Tổ chức giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể.

Trung bày tài liệu, hiện vật và giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể của bảo tàng phải bảo đảm:

- Phù hợp với phạm vi, đối tượng, nội dung hoạt động của bảo tàng;
- Chú trọng trưng bày tài liệu, hiện vật gốc;
- Việc giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể phải gắn với tài liệu, hiện vật, nội dung trưng bày của bảo tàng, góp phần bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể;
- Thuyết minh trưng bày cung cấp đầy đủ, rõ ràng, chính xác thông tin về tài liệu, hiện vật và phù hợp với đối tượng khách tham quan;
- Bản phục dựng, bản sao tài liệu, hiện vật phải chính xác, khoa học và được ghi chú rõ ràng;
- Thuận lợi cho việc tham quan và giữ gìn an ninh, an toàn cho tài liệu, hiện vật, khách tham quan;
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ chính trị, trật tự an toàn xã hội.

2.2.4.6. Hoạt động giáo dục

Công tác giáo dục là những hoạt động tuyên truyền giới thiệu lịch sử, tiểu sử, nguồn gốc, quá trình hình thành phát triển và sự tồn tại, những giá trị của hiện vật thông qua các hoạt động như:

Hoạt động giáo dục của bảo tàng bao gồm:

- Hướng dẫn tham quan;
- Tổ chức chương trình giáo dục;
- Tổ chức hội thảo, tọa đàm khoa học, nói chuyện chuyên đề;
- Xuất bản ấn phẩm liên quan đến hoạt động giáo dục của bảo tàng.

Chương trình giáo dục của bảo tàng phải phù hợp với nội dung hoạt động và đối tượng công chúng của bảo tàng.

Chương trình giáo dục của bảo tàng nhằm tạo cơ hội và khuyến khích các hình thức học tập và hưởng thụ văn hóa của công chúng.

2.2.4.7. Hoạt động truyền thông

a) Hoạt động truyền thông của bảo tàng bao gồm:

- Giới thiệu nội dung và hoạt động của bảo tàng trên phương tiện thông tin đại chúng;

- Tổ chức chương trình quảng bá, phát triển công chúng và xã hội hóa hoạt động của bảo tàng;

- Tổ chức lấy ý kiến đánh giá của công chúng về hoạt động của bảo tàng;

- Xây dựng mạng lưới tổ chức, cá nhân có liên quan để phát triển hoạt động của bảo tàng ở trong và ngoài nước.

b) Hoạt động truyền thông của bảo tàng phải phù hợp với phạm vi, đối tượng, nội dung hoạt động của bảo tàng và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Ngoài các hoạt động nghiệp vụ thì hiện nay, bảo tàng còn tổ chức một số các hoạt động dịch vụ để tăng nguồn thu cho tổ chức, bao gồm: Tổ chức dịch vụ ăn, uống, nghỉ ngơi, giải trí và dịch vụ khác; Tổ chức phát triển sản phẩm lưu niệm, xuất bản ấn phẩm của bảo tàng; Tổ chức các sự kiện văn hóa, giáo dục, thể thao và du lịch; Cung cấp thông tin, tư liệu; Tư vấn kỹ thuật, nghiệp vụ bảo tàng; Giám định, thẩm định di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; Bảo quản, phục hồi, làm bản sao tài liệu, hiện vật; Hợp tác khai quật khảo cổ; Hợp tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về bảo tàng.

Những hoạt động dịch vụ của bảo tàng phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của bảo tàng và quy định của pháp luật có liên quan nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, tham quan, hưởng thụ văn hóa của công chúng hoặc đơn đặt hàng của tổ chức, cá nhân.

2.2.5. Phân loại Bảo tàng

Phân loại thực chất là sự phân chia các sự vật, hiện tượng thành các nhóm, loại, hạng, bậc dựa trên những tiêu chí nhất định. Các nhà nghiên cứu bảo tàng đã sử dụng nhiều tiêu chí để phân loại bảo tàng. Trong cuốn Cơ sở bảo tàng của Hiệp hội Bảo tàng thế giới (ICOM) (1991) do Bảo tàng Cách mạng dịch nêu 5 tiêu chí cụ thể như sau:

a) Phân loại theo đối tượng khách tham quan:

- Các bảo tàng nghiên cứu
- Các bảo tàng học đường
- Các bảo tàng công cộng

b) Phân loại theo loại hình (hay sưu tập):

- Các bảo tàng tổng hợp
- Các bảo tàng khảo cổ học
- Các bảo tàng nghệ thuật
- Các bảo tàng dân tộc học
- Các bảo tàng loại hình lịch sử - xã hội
- Các bảo tàng loại hình lịch sử tự nhiên

.....

c) Phân loại bảo tàng theo đối tượng chủ quan:

- Các bảo tàng Trung ương
- Các bảo tàng địa phương
- Các bảo tàng trong các trường học
- Các bảo tàng quân đội
- Các bảo tàng tư nhân
- Các bảo tàng ở các cơ quan, các tổ chức đoàn thể xã hội.

d) Phân loại bảo tàng theo phạm vi nội dung bao quát:

- Các bảo tàng quốc gia
- Các bảo tàng chuyên ngành
- Các bảo tàng địa phương, vùng
- Các bảo tàng sự kiện
- Các bảo tàng danh nhân
- Các bảo tàng ngành nghề thủ công

đ) Phân loại bảo tàng theo các phương pháp trưng bày sưu tập của bảo tàng:

- Các bảo tàng truyền thống

- Các bảo tàng ngoài trời
- Các bảo tàng là những toà nhà, các di tích lịch sử văn hoá.

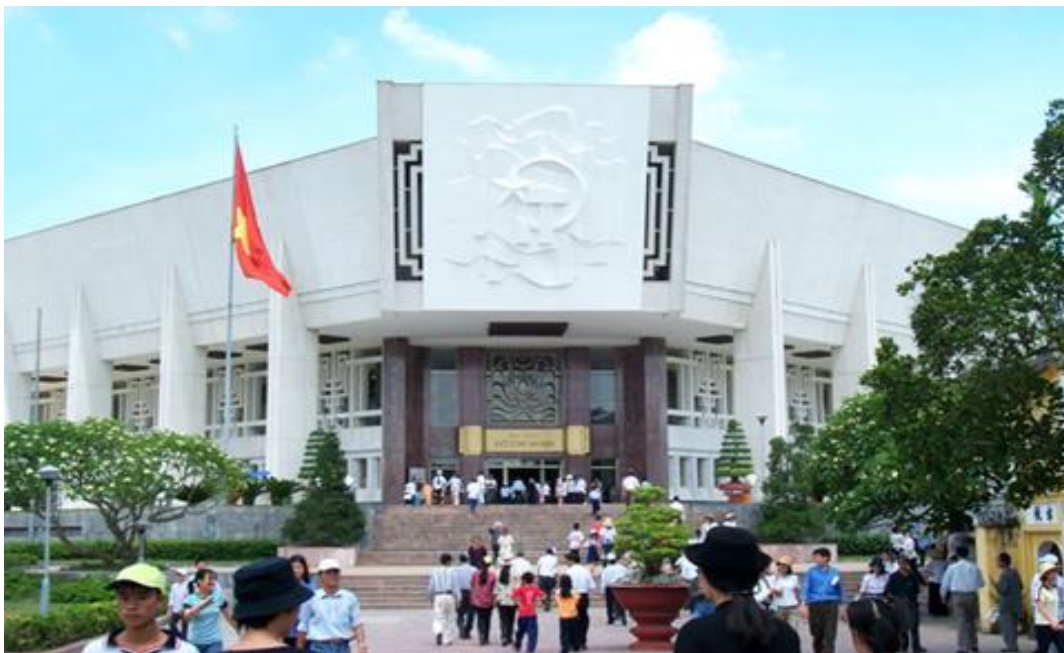
Theo Luật Di sản Văn hóa 2013, Bảo tàng Việt Nam được phân loại theo hệ thống như sau [15]:

* Hệ thống bảo tàng bao gồm bảo tàng công lập và bảo tàng ngoài công lập.

- Bảo tàng công lập bao gồm:

+ Bảo tàng quốc gia:

Bảo tàng quốc gia là những bảo tàng với nhiều hoạt động trưng bày và một số bộ sưu tập hiện vật tiêu biểu, mang đặc trưng riêng, bao gồm: Bảo tàng lịch sử quốc gia, Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng Quân đội Nhân dân Việt Nam, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam, Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam.



Hình 2.8. Bảo tàng Hồ Chí Minh

(Nguồn tác giả sưu tầm)

Ví dụ như: Bảo tàng Hồ Chí Minh là một trong những đơn vị sự nghiệp công lập đi đầu cả nước về hoạt động nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản, trưng bày và giáo dục khoa học thông qua các hiện vật, di tích liên quan đến cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Bảo tàng trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và thực hiện nhiều nhiệm vụ, quyền hạn như: Trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chiến lược phát triển, kế hoạch hoạt động; Nghiên cứu về cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng đạo đức cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh thông qua các tài liệu, hiện vật liên quan đến Người. Sưu tầm, kiểm kê, bảo quản, trưng bày và giới thiệu các tài liệu, hiện vật về cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng, đạo đức cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hướng dẫn, phục vụ nhân dân trong nước và khách nước ngoài tham quan, nghiên cứu tại Bảo tàng; thực hiện các hình thức tuyên truyền, giáo dục về cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng, đạo đức cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh thông qua tài liệu, hiện vật của Bảo tàng. Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho các bảo tàng, di tích lưu niệm và các phần trưng bày về Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cả nước theo sự phân công của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc yêu cầu của địa phương, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định của pháp luật...

+ Bảo tàng chuyên ngành thuộc bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương:



Hình 2.9. Bảo tàng Phụ nữ

(Nguồn tác giả sưu tầm)

Một số bảo tàng chuyên ngành hiện nay đang được các cơ quan thuộc bộ, ngành, tổ chức chính trị quản lý gồm có: Bảo tàng lịch sử quốc gia, Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam, Bảo tàng Phụ nữ...

Ví dụ như: Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam được thành lập vào năm 1987, thuộc Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Người đặt nền móng cho sự ra đời của Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam là bà Nguyễn Thị Định, nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Việt Nam, nguyên chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam ra đời để lưu giữ những tài liệu, kỷ vật, chứng tích... của thời kỳ lịch sử.

Năm 1991, Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam được khởi công xây dựng. Năm 1995, Bảo tàng chính thức mở cửa đón khách tham quan. Cuối năm 2010, Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam mở cửa trở lại, ra mắt công chúng một diện mạo mới với hệ thống hệ thống trưng bày thường xuyên gồm ba chủ đề: Phụ nữ trong Gia đình; Phụ nữ trong Lịch sử; Thời trang nữ và trưng bày chuyên đề: Trưng bày Tín ngưỡng thờ Mẫu gồm 4 nội dung: Mẫu, Tâm, Đẹp, Vui.

Bảo tàng đã phát triển các bộ sưu tập với hơn 40.000 tài liệu hiện vật liên quan đến phụ nữ Việt Nam. Bên cạnh hệ thống trưng bày thường xuyên, Bảo tàng tổ chức nhiều cuộc trưng bày chuyên đề với phương pháp tiếp cận mới, phản ánh sự phát triển và thay đổi của xã hội đương đại bằng các dự án hướng tới nhiều đối tượng khác nhau, đặc biệt là nhóm phụ nữ và trẻ em. Trải qua chặng đường phát triển sáng tạo và không ngừng đổi mới, Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam được đông đảo công chúng trong nước và quốc tế đón nhận.

+ Bảo tàng chuyên ngành thuộc các đơn vị trực thuộc bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương:

Một số bảo tàng nổi tiếng như: Bảo tàng Lịch sử quân sự Việt Nam trực thuộc Tổng cục chính trị Bộ Quốc Phòng, Bảo tàng Địa chất trực thuộc Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bảo tàng Hải Dương học trực thuộc Viện Hải dương học, Bảo tàng Công binh, Bảo tàng Phòng không – Không quân ...

Bảo tàng Hải dương học trực thuộc Viện Hải dương học Nha Trang, đây là một địa điểm đặc biệt nổi tiếng bởi các khu vực như: Khu nuôi thuần hóa sinh vật biển, rừng ngập mặn nhân tạo, khu tai biến thiên nhiên, khu mẫu sinh vật biển lớn, thiết bị nghiên cứu hải dương học, tài nguyên phi vật thể. Đặc biệt, bảo tàng đang lưu giữ, bảo quản, trưng bày bộ xương các voi khổng lồ dài gần 26m, cao 3m đã bị chôn vùi trong lòng đất ở đồng bằng sông Hồng ít nhất hơn 200 năm. Bảo tàng còn giới thiệu về các đặc điểm tự nhiên của vùng biển Đông, giới thiệu những khoáng sản, tài nguyên giá trị, những cảnh quan môi trường

ven biển và hệ sinh thái giàu có như rừng ngập mặn, rạn san hô, thảm cỏ biển... Bảo tàng đã truyền bá hiệu quả những thành tựu của ngành hải dương học, là trung tâm di sản văn hóa biển và giúp tuyên truyền ý thức bảo vệ đại dương cho mỗi người dân.



Hình 2.10. Bảo tàng Hải dương học

(Nguồn tác giả sưu tầm)

+ Bảo tàng cấp tỉnh:

Hiện nay, trên cả nước có rất nhiều các bảo tàng cấp tỉnh, hoạt động của bảo tàng giúp nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản được rất nhiều hiện vật giá trị, ý nghĩa liên quan đến văn hóa, kinh tế, chính trị... của cả tỉnh. Một số bảo tàng có hoạt động nổi bật như: Bảo tàng Quảng Ninh, Bảo tàng tỉnh Hòa Bình, Bảo tàng tỉnh Sơn La, Bảo tàng Hồ Chí Minh ở Thừa Thiên Huế, Bảo tàng Đà Nẵng, Bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh...

Hiện nay, Bảo tàng Quảng Ninh là một bảo tàng cấp tỉnh nổi tiếng về kiến trúc, bộ sưu tập trưng bày đa dạng và các hoạt động hiệu quả gắn liền với phát triển du lịch trong tỉnh. Bảo tàng Quảng Ninh được kiến trúc sư nổi tiếng thế giới người Tây Ban Nha tên là Salvador Perez Arroyo thiết kế, dựa trên cảm hứng từ hình tượng than đá - loại khoáng sản đặc trưng của đất mỏ. Đặc biệt, tòa nhà được lắp 14.000m² kính bán cường lực có khả năng chống tự vỡ do biến

đổi nhiệt. Bằng những thủ pháp kiến trúc táo bạo, công trình như một tấm gương khổng lồ phản chiếu hình ảnh di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long.



Hình 2.11. Bảo tàng Quảng Ninh

(Nguồn tác giả sưu tầm)

Tầng trệt của khối nhà bảo tàng trưng bày bộ xương cá voi và mô hình thuyền buồm. Tầng 1 bố trí các cột trưng bày dạng ống núi được làm từ những chất liệu hiện đại như hệ khung thép, lan can kính cường lực và đặc biệt là lớp vải bao phủ in hình ảnh núi đá vịnh Hạ Long kết hợp với công nghệ trình chiếu ánh sáng tạo hiệu ứng nước có cảm giác như đang đi trong không gian vịnh Hạ Long thu nhỏ. Tầng 2 của khối nhà thiết kế theo mô hình con thuyền bằng gỗ nhằm giới thiệu Quảng Ninh qua các thời kỳ tiền sử, sơ sử, chiến thắng Bạch Đằng, kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và văn hóa Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử. Tầng 3, du khách sẽ được tham quan không gian trưng bày các thành tựu kinh tế, bản sắc văn hóa đặc trưng của các dân tộc tỉnh Quảng Ninh; những hình ảnh Bác Hồ về thăm và làm việc tại Quảng Ninh; những hiện vật được sử dụng trong hoạt động khai thác mỏ, đặc biệt là ngành than qua mô phỏng hệ thống hầm lò khai thác than với những cột gỗ, vì kèo, xe kéo,... nhằm giúp người xem có những trải nghiệm thực tế về ngành công nghiệp này. Bảo tàng Quảng Ninh được đánh giá là lưu giữ và trưng bày các hiện vật mang dấu ấn lịch sử và đậm nét đặc trưng của vùng đất mỏ Quảng Ninh.

- Bảo tàng ngoài công lập: Hiện nay, trong luật Di sản năm 2013 chưa đưa ra phân loại cụ thể hệ thống bảo tàng ngoài công lập. Tuy nhiên, mọi hoạt động, tổ chức của Bảo tàng ngoài công lập vẫn căn cứ theo đúng quy định của nhà nước. Cụ thể là Thông tư số 18/2010/TT-BVHTTDL ban hành ngày 31/12/2010 đã nêu rõ quy định về tổ chức và hoạt động của bảo tàng công lập, bảo tàng ngoài công lập; áp dụng đối với tổ chức, cá nhân ở Việt Nam tham gia việc thành lập, tổ chức và hoạt động bảo tàng tại Việt Nam.

Theo thống kê năm 2015, Việt Nam có khoảng 24 bảo tàng tư nhân, và các chuyên gia đánh giá cao về sự hấp dẫn, có điểm nhấn và tiềm năng phát triển. Ví dụ như: Bảo tàng “Không gian văn hóa Mường”. Đây là một bảo tàng tư nhân lấy “không gian văn hoá Mường” làm trung tâm. Tất cả cách bày trí những hiện vật, đồ dùng đều gần gũi không cầu kỳ nhưng không trưng bày trong tủ kính. Thủ đô Hà Nội phải kể tới bảo tàng tư nhân “Chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đày”. Tại bảo tàng này hiện nay lưu giữ hơn 3.000 hiện vật, kỷ vật vô giá của các chiến sĩ cách mạng từng bị giam cầm tại các nhà tù trong cả nước thời chiến tranh.



Hình 2.12. Bảo tàng Áo dài

(Nguồn tác giả sưu tầm)

Khu vực phía Nam thì có bảo tàng “Áo dài” (phường Long Phước, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh) do nhà thiết kế thời trang Sỹ Hoàng xây dựng và khánh thành năm 2014. Nhà trưng bày các mẫu áo dài rộng khoảng 200 m²,

được thiết kế theo kiểu nhà dài với hệ khung gỗ và mái ngói âm dương. Đây là nơi trưng bày những chiếc áo dài Việt từ lúc hình thành cùng với những đổi thay trong đời sống xã hội, đi cùng lịch sử đất nước, gắn bó với người phụ nữ Việt Nam [16].

2.3. THIẾT CHẾ NHÀ VĂN HÓA – TRUNG TÂM VĂN HÓA

2.3.1. Lược sử hình thành và phát triển của hệ thống Nhà văn hóa – Trung tâm văn hóa

2.3.1.1. Lược sử hình thành các hệ thống Nhà văn hóa ở Việt Nam

Cùng với chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, Hiệp định Giơnevơ được ký kết miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng. Năm 1956 đường lối xây dựng và phát triển văn hóa của Đảng, Nhà nước, Bộ Văn hóa Thông tin chủ trương xây dựng Nhà văn hóa xã, câu lạc bộ văn hóa ở các cơ quan, đơn vị, công trường, xí nghiệp. Năm 1959, ở miền Bắc xây dựng được 507 nhà văn hóa xã và 265 câu lạc bộ văn hóa. Tuy quá trình xây dựng, tổ chức và hoạt động còn có nhiều hạn chế do nhận thức, quan niệm của các chính quyền và cơ quan chức năng chưa đầy đủ về tính chất, đặc điểm và vai trò của Nhà văn hóa trong đời sống xã hội, những các nhà văn hóa, câu lạc bộ này đã góp phần đáp ứng đời sống văn hóa cho nhân dân, trong điều kiện xã hội mới, đồng thời từng bước xác lập những hình thức, phương pháp hoạt động để khẳng định nội dung của một thiết chế văn hóa của một nền văn hóa dân chủ mới.

Sau chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975 toàn thắng, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước đến năm 1976, Bộ Văn hóa Thông tin ra quyết định thành lập Nhà văn hóa Trung ương với chức năng chủ yếu là hướng dẫn phương pháp công tác tổ chức hoạt động cho hệ thống các nhà văn hóa trên cả nước, điều đó có ý nghĩa quan trọng trong việc tổ chức hệ thống Nhà văn hóa, nó đã tạo ra bước chuyển biến mạnh mẽ trong sự phát triển số lượng và chất lượng hoạt động của toàn hệ thống nhà văn hóa trên phạm vi cả nước.

Từ năm 1976 đến năm 1980, trong hệ thống nhà văn hóa do Bộ Văn hóa Thông tin quản lý và đã xây dựng được 31 nhà văn hóa cấp tỉnh, thành phố, 225 nhà văn hóa cấp quận, huyện, củng cố xây dựng và hoàn thiện nhà văn hóa cấp xã; phường, cho đến nay hệ thống này ngày càng phát triển đồng bộ và hoàn chỉnh nhất

từ tỉnh thành phố đến quận, huyện, xã, phường nằm trong hệ thống quản lý hành chính Nhà nước.

Từ năm 1980 đến 1985 xây dựng và hoàn thiện các hệ thống nhà văn hóa Tổng Liên đoàn Lao động, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Quân đội Nhân dân Việt Nam. Từ đó đến nay, ba hệ thống này luôn tổ chức vận hành ổn định và phát triển bền vững.

Các hệ thống Nhà văn hóa ở Việt Nam tổ chức vận hành và không ngừng phát triển trong những năm qua đã đạt được những thành tựu rực rỡ về văn hóa, xây dựng đời sống văn hóa, có quy mô rộng lớn, cơ cấu tương đối đồng bộ, hoàn chỉnh, tổ chức hoạt động có nội dung phong phú, có hình thức thể hiện đa dạng, mang đậm bản sắc dân tộc và tính nhân dân sâu rộng, khoa học và tiến bộ, phục vụ tích cực cho công tác giáo dục chính trị tư tưởng, xây dựng phát triển văn hóa xã hội của đất nước và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân lao động.

2.3.1.2. Xu hướng và xu thế phát triển hệ thống Nhà văn hóa ở Việt Nam

Xuất phát từ những đặc điểm: chính trị, kinh tế, văn hóa của đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội có thể dự báo xu hướng và xu thế phát triển của các hệ thống Nhà văn hóa ở nước ta như sau:

- Hệ thống Nhà văn hóa - Trung tâm văn hóa do Bộ Văn hóa Thể thao quản lý sẽ từng bước hoàn thiện từ tỉnh, thành phố xuống quận, huyện và trở thành hệ thống có vị trí chiến lược trong việc xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Nhà văn hóa phường ở các thành phố, thị xã có thể sẽ không tồn tại như hiện nay do cơ cấu dân cư và mật độ xây dựng thiết chế văn hóa. Nhà văn hóa xã, phường sẽ từng bước được củng cố thích hợp trong điều kiện kinh doanh sản xuất công - nông - ngư nghiệp mới.

- Hệ thống các Nhà văn hóa của Đoàn thanh niên, Tổng Liên đoàn Lao động, Quân đội Nhân dân sẽ vận động theo đặc thù riêng, nhưng ở xu thế ổn định.

- Hệ thống các Nhà văn hóa - Trung tâm văn hóa từ trước tới nay chủ yếu do Nhà nước và các tổ chức đoàn thể tổ chức quản lý vận hành đã và đang xuất hiện một số hoạt động văn hóa mang tính đặc thù Nhà văn hóa nhưng do các cá nhân tổ chức quản lý và vận hành.

2.3.2. Định nghĩa Nhà văn hóa - Trung tâm văn hóa

Địa điểm sinh hoạt ban đầu của thiết chế này chính là “Đình làng”. Đình làng là công trình kiến trúc công cộng của làng xã, dung làm nơi diễn ra các hoạt động chính trị - tinh thần, văn hóa – xã hội của nhân dân ở nông thôn làng xã dưới thời phong kiến. Tất cả các công việc, sự vụ, xử kiện, các hoạt động chính trị, văn hóa... đều thực hiện ở đình làng. Vì vậy, nó tổng hợp rất nhiều chức năng như: Là trung tâm hành chính của cả làng, là trung tâm tôn giáo – tín ngưỡng, là trung tâm văn hóa xã hội ở địa phương, là trung tâm văn hóa âm thực. Hay nói cách khác, đình làng giống như một nhà đa năng theo cách hiểu ngày nay. Đình làng đã xuất hiện từ lâu đời trong cuộc sống cộng đồng và đến hôm nay, nó vẫn tồn tại, ngày càng phục hồi chức năng để phục vụ đời sống tín ngưỡng văn hóa cho nhân dân.

Khu vực miền trung, Tây Nguyên thì thiết chế Nhà văn hóa được gọi là “Nhà Rông” - là nơi thực thi các luật tục, nơi tiếp khách, nơi diễn ra các sự kiện trọng đại của buôn làng, nơi già làng tập hợp người dân để bàn luận những việc quan trọng của buôn làng, đất nước. Đây cũng là nơi diễn ra các lễ hội tâm linh cộng đồng và nơi các thế hệ nghệ nhân già truyền đạt lại cho thế hệ trẻ những giá trị văn hóa truyền thống.

Đứng trên góc độ kinh tế học nhìn nhận văn hóa với tư cách là sản phẩm hàng hóa văn hóa đặc thù thì Nhà văn hóa – Trung tâm văn hóa là một đơn vị vừa sản xuất sáng tạo, vừa phân phối, lưu thông; vừa bảo quản tiêu dùng các sản phẩm đó.

Nhà văn hóa – Trung tâm văn hóa là một thiết chế văn hóa tổng hợp, đa chức năng được chính quyền các cấp thành lập để đảm bảo những hoạt động chuyên môn do ngành dọc hướng dẫn, nhằm tuyên truyền giáo dục và cổ vũ động viên nhân dân thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Trung ương và địa phương; đồng thời tạo điều kiện cho nhân dân tham gia hưởng thụ và sáng tạo ra các giá trị văn hóa.

2.3.3. Chức năng, nhiệm vụ của thiết chế Nhà văn hóa – Trung tâm văn hóa

2.3.3.1. Chức năng, nhiệm vụ của Nhà văn hóa

a) Chức năng

* Chức năng giáo dục:

Thời đại cách mạng khoa học kỹ thuật ngày nay đã làm xuất hiện các phương tiện truyền thông hiện đại như: Báo chí, phát thanh, truyền hình, internet, điện ảnh... có tác dụng mạnh mẽ trong việc định hướng cộng đồng xã hội. Chúng ta đều nhận thấy, các cơ quan truyền thông đại chúng này cũng như nhà văn hóa, sử dụng các phương tiện đặc thù để tiến hành các hoạt động văn hóa - giáo dục phục vụ cho mục đích chung là tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, hay nói gọn lại là hoạt động giáo dục nhân dân.

Với phương tiện thông tin đại chúng, con người chủ yếu được tiếp nhận thông tin gián tiếp còn sinh hoạt tại nhà văn hóa thì quá trình trao đổi diễn ra trực tiếp. Đây là một cách trao đổi rất đặc thù, giúp con người có thể chia sẻ, cảm thông, tuyên truyền, cổ vũ hay tham gia rất hiệu quả.

Xét về mặt tổ chức - phương pháp, có thể chia công tác giáo dục tại nhà văn hóa thành các dạng hoạt động như sau: Hoạt động tuyên truyền, cổ động; hoạt động văn nghệ quần chúng; hoạt động của các câu lạc bộ; hoạt động vui chơi, giải trí.

Trong các hoạt động trên đây, tuyên truyền và cổ động mang tính chất giáo dục trực tiếp, các dạng hoạt động khác là sự giáo dục dựa trên tinh thần tự nguyện tham gia của quần chúng. Đó là sự tự bồi dưỡng, tự hoàn thiện, tự giáo dục. Nội dung giáo dục tại nhà văn hóa cũng mang tính chất toàn diện bao gồm “Trí, Đức, Mĩ, Thể” như các ngành giáo dục khác.

* Chức năng giao tiếp:

Giao tiếp được xem là chức năng đặc thù của hoạt động nhà văn hóa, nó thể hiện thông qua hoạt động của các hiệp hội Câu lạc bộ. Đương nhiên, mọi hoạt động giáo dục, khai trí tại nhà văn hóa đều thông qua giao tiếp. Xem tivi, nghe đài, xem tranh, đọc sách báo, vào mạng xã hội... cũng là giao tiếp nhưng đó là sự giao tiếp gián tiếp, còn sinh hoạt nhà văn hóa, câu lạc bộ là thuộc dạng giao tiếp trực tiếp.

Trước đây, khi truyền hình chưa xuất hiện, phim ảnh còn rất hiếm thì mỗi lần đi xem hát, xem phim, người ta có dự cảm về một cái gì đó thật sự có ý nghĩa sắp xảy ra. Còn bây giờ, khi truyền hình, mạng xã hội, trò chơi tràn ngập thì sự thụ hưởng các món ăn tinh thần trở nên thụ động hơn. Không hiếm

những người suốt ngày ngồi trước ti vi xem phim, suốt ngày ngồi trước máy tính vào mạng hay chơi các trò chơi trên điện thoại thông minh... Để khắc phục được tình trạng trên, nhà văn hóa cũng cần có các hoạt động để thu hút mọi người hào hứng tham gia các hoạt động tại đây. Có thể là những hội thảo, chương trình văn nghệ, tuyên truyền về đạo đức lối sống, các câu lạc bộ sinh hoạt định kì, chia sẻ về kiến thức khoa học - kĩ thuật... Cuộc gặp gỡ, đối thoại, giao lưu càng sôi nổi bao nhiêu thì càng kích thích khả năng sáng tạo của con người bấy nhiêu.

* Chức năng phát triển khả năng sáng tạo của quần chúng:

Hoạt động sáng tạo không chuyên không chỉ tập trung vào các hoạt động văn nghệ mà còn thể hiện trong nghiên cứu khoa học - kĩ thuật, khoa học ứng dụng và nhiều lĩnh vực hoạt động xã hội khác. Tuy nhiên, hoạt động văn nghệ không chuyên vẫn được xem là có vai trò chủ chốt trong hoạt động sáng tạo của nhà văn hóa.

Tìm hiểu về hoạt động sáng tạo không chuyên của quần chúng, ta có thể có ba dạng hoạt động chủ yếu sau:

- Biểu diễn văn nghệ, hoạt động này mang tính chất quần chúng nhất.
- Sáng tác văn nghệ;
- sưu tầm văn nghệ dân gian ghi chép lịch sử địa phương như: Viết về địa danh lịch sử, viết về tiểu sử danh nhân, viết địa phương chí.

Hai hướng hoạt động trên đã đạt tới sự phát triển, còn hướng thứ ba tuy chưa phổ biến nhưng là một dạng hoạt động có triển vọng trong tương lai. Nó có thể thu hút đông đảo cán bộ hưu trí tham gia công việc này. Ngoài ra, nhà văn hóa cũng phải quan tâm tổ chức các câu lạc bộ khoa học - kĩ thuật, khoa học ứng dụng. Nếu như nhiệm vụ chủ yếu của các đội ngũ văn nghệ sĩ chuyên nghiệp là sáng tạo ra những tác phẩm đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ của quần chúng, thì nhiệm vụ của những người tham gia nghệ thuật không chuyên (cả sáng tác và biểu diễn) là sự thể hiện mình, tự khẳng định nhân cách xã hội của mình. Qua đó, họ đạt tới sự trưởng thành về tư tưởng, đạo đức và cả tri thức nghề nghiệp.

Tham gia hoạt động sáng tạo không chuyên không đòi hỏi phải có quá trình đào tạo nghề nghiệp công phu, người tham gia tiến hành các hoạt động

ngoài thời gian lao động tất yếu. Đây không phải là hoạt động kiếm sống mà là hoạt động lúc rảnh rỗi, là cách giải trí để tạo sự mới mẻ, thú vị trong cuộc sống.

Hoạt động sáng tạo nghệ thuật không chuyên còn tạo nền móng rộng rãi để trên cơ sở đó mà tuyển lựa, bồi dưỡng, tạo ra nguồn bổ sung cho nghệ thuật chuyên nghiệp. Kinh nghiệm thực tế cho thấy nhiều nghệ sĩ, diễn viên, ca sĩ chuyên nghiệp ở nước ta có xuất thân từ hoạt động văn nghệ không chuyên.

* Chức năng đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi, giải trí:

Trong xã hội hiện đại với cường độ công việc ngày càng tăng, áp lực công việc lớn thì cơ hội nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí của con người cũng thu hẹp hơn, nó dẫn tới tình trạng mệt mỏi, căng thẳng rất lớn về tinh thần cho con người. Lúc này, việc tổ chức nghỉ ngơi, giải trí để giải tỏa căng thẳng công việc là vô cùng cần thiết. Vì vậy, nhà văn hóa sẽ trở thành một địa điểm giúp cho người dân lui tới để có thể tham gia, hòa mình vào các hoạt động tập thể vui vẻ, sôi nổi để thấy thoải mái tinh thần trở lại.

Để có thể thực hiện nhiều chức năng xuyên suốt, nhà văn hóa cần xác định rõ ràng, cụ thể các nhiệm vụ trọng tâm như:

- Những nhiệm vụ công tác về tổ chức hoạt động:

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền cổ động, truyền thanh, đọc sách báo, thông tin về thời sự chính trị, văn học nghệ thuật, khoa học, kĩ thuật...

Tổ chức, hướng dẫn và quản lý các đội, nhóm hoạt động nghệ thuật không chuyên và phong trào văn nghệ quần chúng...

Tổ chức, hướng dẫn, quản lý các tổ, hiệp hội câu lạc bộ thuộc các loại sở thích, nhu cầu khác nhau và huy động vào hoạt động của Nhà văn hóa.

Tổ chức mở các lớp học, khóa học ngắn hạn về năng khiếu nghệ thuật, kĩ năng nghề nghiệp, rèn luyện thể dục thể thao...

Tổ chức, hướng dẫn các hoạt động lễ hội quần chúng mới; hướng dẫn và quản lý các hoạt động lễ hội truyền thống dân tộc; tổ chức các chương trình văn hóa, văn nghệ nhân các dịp kỉ niệm trọng thể của đất nước, của từng địa phương.

Tổ chức, hướng dẫn các loại hội thi, các liên hoan và hội diễn về văn hóa và nghệ thuật quần chúng.

Tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí và dịch vụ văn hóa cho quần chúng hàng ngày, hàng tuần, hàng năm...

- Những nhiệm vụ công tác về nghiên cứu và tổng kết:

Tiến hành các chương trình: nghiên cứu, sưu tầm, khai thác, phát huy các giá trị văn hóa, văn nghệ dân gian; nghiên cứu nhu cầu hoạt động rảnh rỗi của quần chúng...

Tiến hành tổng kết công tác hàng năm, hàng quý, đánh giá hiệu quả xã hội và hiệu quả kinh tế, rút ra những bài học kinh nghiệm và những vấn đề lý luận nhằm hoàn thiện hơn công tác nhà văn hóa.

- Những nhiệm vụ công tác về quản lý và hướng dẫn phương pháp chuyên môn:

Tiến hành những biện pháp quản lý về nhân sự, tổ chức, cơ sở vật chất và tài chính của nhà văn hóa; những biện pháp kế hoạch hóa công tác nhà văn hóa; những biện pháp xây dựng quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng sự nghiệp nhà văn hóa; những biện pháp xây dựng mạng lưới cộng tác viên và phối kết hợp với các ngành, giới và các đơn vị văn hóa khác nhằm bổ sung phong phú cho hoạt động của nhà văn hóa.

Tiến hành những biện pháp nhằm hướng dẫn nghiệp vụ cho các nhà văn hóa cấp dưới, các nhà văn hóa cơ sở, các cụm văn hóa thông tin cơ sở; hướng dẫn phương pháp công tác xây dựng làng, bản, ấp, khu phố... văn hóa, gia đình văn hóa...

2.3.3.2. Chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm văn hóa

Căn cứ thông tư 03/2009/TT-BVHTTDL, ngày 28/9/2009 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trung tâm văn hóa tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương như sau:

a) Chức năng:

Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội của địa phương.

Tổ chức các hoạt động văn hóa, bồi dưỡng năng khiếu nhằm nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa và giải trí của nhân dân.

b) Nhiệm vụ:

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác hàng năm trình Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đó.

2. Nghiên cứu, thử nghiệm mẫu hình nghiệp vụ văn hóa; phổ biến, hướng dẫn vận dụng các mẫu hình và phương pháp công tác tiên tiến trong nghiệp vụ văn hóa; biên tập và phát hành các tài liệu tuyên truyền, hướng dẫn nghiệp vụ cho hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở của địa phương.

3. Hướng dẫn, kiểm tra và đánh giá chất lượng hoạt động chuyên môn nghiệp vụ đối với hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở; liên kết, phối hợp với thiết chế văn hóa của các ngành và đoàn thể quần chúng trong thực hành nghiệp vụ.

4. Xây dựng, hướng dẫn, duy trì hoạt động của đội tuyên truyền lưu động, đội văn nghệ quần chúng, nhóm sở thích-câu lạc bộ và các hình thức hoạt động văn hóa, dịch vụ tại chỗ hoặc lưu động để trực tiếp tuyên truyền đến quần chúng ở cơ sở nhằm định hướng, nâng cao trình độ cảm thụ văn hóa-nghệ thuật và đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

5. Khai thác, sưu tầm, phát huy các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; tổ chức các cuộc thi sáng tác, liên hoan, hội diễn nghệ thuật quần chúng, hội thi tuyên truyền lưu động, triển lãm, lễ hội truyền thống và hiện đại.

6. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, viên chức của cơ quan và các đơn vị văn hóa cơ sở, các hạt nhân phong trào văn hóa, nghệ thuật quần chúng; mở các lớp năng khiếu về văn hóa-nghệ thuật.

7. Tổ chức khảo sát, tham quan, trao đổi nghiệp vụ, giao lưu văn hóa, phát triển sự nghiệp với các đơn vị có liên quan trong toàn quốc và quốc tế.

8. Liên kết với các cơ quan, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các dịch vụ văn hóa-nghệ thuật, tuyên truyền, triển lãm, quảng cáo, thể thao, du lịch, vui chơi giải trí theo quy định của pháp luật.

9. Quản lý cán bộ, viên chức, tài chính, tài sản và cơ sở vật chất của Trung tâm theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm.

Căn cứ thông tư hướng dẫn của cấp trên thì các trung tâm văn hóa theo hệ thống ngành dọc từ Trung ương tới địa phương chủ động xây dựng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trình cấp quản lý phê duyệt như Trung tâm văn hóa huyện, Trung tâm Văn hóa xã.

2.3.4. Hoạt động của Nhà văn hóa – Trung tâm văn hóa

2.3.4.1. Đặc điểm hoạt động của Nhà văn hóa

Với tư cách là một cơ quan giáo dục ngoài nhà trường, hoạt động của nhà văn hóa có nhiều điểm khác biệt với hoạt động của các cơ quan đào tạo giáo dục nhà trường. Hơn nữa, tuy cùng thực hiện chức năng giáo dục nhưng hoạt động của nhà văn hóa có sự khác biệt so với các thiết chế văn hóa như Bảo tàng, Thư viện, Nhà hát...

Điểm khác biệt này thể hiện trên nhiều phương diện, từ vai trò của chủ thể giáo dục, mục tiêu giáo dục, đối tượng giáo dục, phạm vi thời gian và không gian cho đến phương pháp, biện pháp, hình thức và phương tiện giáo dục. Trong tất cả những sự khác biệt ấy nổi lên những đặc điểm cơ bản, chung nhất của nhà văn hóa

* Hoạt động nhà văn hóa thường mang tính chất tổng hợp, đa năng:

Tính tổng hợp của nhà văn hóa được thể hiện trên nhiều mặt. Về nội dung, hoạt động của nhà văn hóa nhằm giáo dục cả đức, trí, thể, mỹ nhằm truyền bá mọi loại kiến thức khoa học, kỹ thuật, xã hội, nhân văn, nghệ thuật, chính trị, kinh tế, kỹ năng ứng dụng, học vấn...

Về hình thức hoạt động, nhà văn hóa có thể tiến hành cả những hình thức đại chúng, hình thức nhóm và hình thức cá biệt. Về loại hình hoạt động, nhà văn hóa có khả năng tổ chức được các chương trình hoạt động của nhiều ngành: hoạt động nghệ thuật, hoạt động chính trị - xã hội, hoạt động dịch vụ, hoạt động thể thao, du lịch, hoạt động tuyên truyền báo chí, hoạt động khoa học kỹ thuật, vui chơi... Về phương tiện hoạt động, nhà văn hóa thu tóm sử dụng cả những phương tiện nghệ thuật, trực quan, ngôn ngữ nói, âm thanh, điện tử, trò chơi, diễu hành, thể thao, điện tử, nhiếp ảnh... cả truyền thống và

hiện đại. Chính nhờ tính chất tổng hợp như vậy, hoạt động của nhà văn hóa có khả năng tác động đem lại hiệu quả giáo dục nhân cách, phát triển toàn diện, có khả năng khơi dậy, bồi dưỡng, nâng cao các tiềm năng văn hóa cơ bản của con người: nhận thức, sáng tạo, định hướng giá trị, thẩm mỹ, giao tiếp...

Có thể thấy, nhà văn hóa đã đảm nhiệm nhiều trọng trách mang tính đa năng, tuy nhiên, trong quá trình hoạt động cũng tùy vào từng lúc, từng nơi, từng cấp để có thể tăng cường chức năng này, giảm thiểu chức năng khác hoặc chức năng biến thể để phù hợp với hoạt động tại địa phương. Nhưng chung quy lại, nó vẫn phải nằm trong tổng thể năm chức năng chính ban đầu.

* Hoạt động nhà văn hóa thường chủ yếu phải thích ứng với điều kiện thời gian rảnh rỗi và nhu cầu hoạt động rảnh rỗi của quần chúng:

Hoạt động của nhà văn hóa thường diễn ra trong thời gian rảnh rỗi của người dân, nó rất khác với hoạt động giáo dục tại nhà trường. Thời gian rảnh rỗi của con người có thể xuất hiện nhiều khoảng độ khác nhau: thời gian rảnh rỗi hàng ngày, thời gian rảnh rỗi hàng tuần, thời gian rảnh rỗi hàng năm, thời gian rảnh rỗi cuối cuộc đời. Vì vậy, nhu cầu hoạt động của con người cũng diễn biến tuân theo quỹ theo quỹ thời gian này. Nhiệm vụ đặt ra đối với công tác nhà văn hóa là tiến hành nhiều biện pháp, hình thức, phương tiện, tạo điều kiện thuận lợi để tác động giáo dục, đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa của của con người.

Hoạt động rảnh rỗi của quần chúng cũng diễn ra theo nhiều cấp độ khác nhau. Có trường hợp, hoạt động rảnh rỗi của họ thực hiện ở cấp độ tiêu cực, nghĩa là những hoạt động làm tổn hại đến nhân cách, của cải, sức lực của xã hội và của chính mình. Xã hội thì không mong muốn có những kiểu hoạt động rảnh rỗi không lành mạnh như vậy. Từ thực tế này, hoạt động nhà văn hóa bằng những biện pháp của mình cần xây dựng các chương trình, hoạt động vui chơi, giải trí, học tập, rèn luyện ... mang đến không gian tích cực, hiệu quả cho nhân dân.

* Hoạt động nhà văn hóa thường vận hành theo phương thức xã hội hóa, vận động quần chúng dựa trên cơ sở tự nguyện, tự giác và tùy thích.

Bản chất của công tác nhà văn hóa không phải là loại công tác hành chính sự nghiệp mà là công tác vận động quần chúng tham gia hoạt động văn hóa trên tinh thần tự nguyện, tự giác, yêu thích. Xây dựng, tổ chức, hướng dẫn giúp đỡ các phong trào hoạt động văn hóa quần chúng.

Hiện nay, có rất nhiều các hình thức vui chơi, giải trí cuốn hút nhân dân. Vì vậy, muốn thu hút được sự quan tâm của cộng đồng, phát triển được nhiều hoạt động phong trào đa dạng, phong phú, sôi nổi thì nhà văn hóa cũng cần vận hành theo phương thức xã hội hóa. Nghĩa là cũng phải đi vận động, kêu gọi, huy động mọi người tham gia các hoạt động văn hóa trong thời gian rảnh rỗi.

Những hoạt động văn hóa do nhà văn hóa chủ trì không phải là những hoạt động mang tính bao cấp mà nó vốn mang tính xã hội hóa, quần chúng hóa, nghiệp dư hóa. Đây thực chất là những hoạt động văn hóa quần chúng, do nhân dân tạo nên, tự quản, tự tiến hành chương trình của mình và có sự hướng dẫn của nhà nước (không phải là bao cấp). Vì vậy, trong quần chúng nhân dân mỗi người sẽ có nhu cầu rảnh rỗi giống nhau nhưng đa phần khác nhau. Khi họ đến sinh hoạt tại nhà văn hóa đều gắn liền với sở thích, mong muốn đến tham gia trên tinh thần tự nguyện, tự giác, yêu thích chứ không thể bắt buộc, cưỡng ép. Thậm chí, cũng có những người thờ ơ với mọi hoạt động của nhà văn hóa, không muốn tham gia bất kì chương trình nào.

Từ thực tế trên, hoạt động giáo dục của nhà văn hóa luôn phải vận hành theo cơ chế mở, thoải mái bằng phương thức vận động dân chủ, dùng những biện pháp kích thích, lôi cuốn để người dân tình nguyện tham gia, phát triển khả năng, năng khiếu và sở thích văn hóa ở cộng đồng.

2.3.4.2. Hoạt động nghiệp vụ của Trung tâm văn hóa

a) Tổ chức biểu diễn giao lưu văn hóa nghệ thuật

Đây là hoạt động thực hiện nhiệm vụ chuyển tải những giá trị những tinh hoa văn hóa nghệ thuật của dân tộc và nhân loại về cho quần chúng nhân dân hưởng thụ. Vì vậy Nhà văn hóa. - Trung tâm văn hóa nắm bắt nhu cầu sở thích của công chúng, căn cứ vào nhiệm vụ và chất lượng của từng tác phẩm, sản phẩm có tính tư tưởng, giá trị nghệ thuật cao và kinh điển của dân tộc, của nhân loại. Thông qua việc lựa chọn, ký kết hợp đồng với các Nhà hát, các Đoàn nghệ thuật, công ty phát hành điện ảnh, tổ chức trình chiếu, biểu diễn, giao lưu theo định kỳ.

b) Tổ chức hoạt động thông tin tuyên truyền cổ động và triển lãm

Đây là hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị, giáo dục tư tưởng được thể hiện dưới các phương thức:

- Thông tin tuyên truyền cổ động trực quan như: Pano, băng rôn, biểu ngữ trưng bày triển lãm tranh ảnh và hiện vật. Nội dung thông tin của các Pano biểu ngữ và hình thức thể hiện dưới hình thức tranh cổ động do Cục Văn hóa cơ sở qui định, gợi ý và phát hành, đồng thời kết hợp với sự chỉ đạo hướng dẫn của Ban Tuyên giáo của các tỉnh thành phố, quận huyện.

- Thông tin tuyên truyền bằng ngôn ngữ như sinh hoạt chuyên đề dưới các hình thức: tọa đàm, diễn giảng, hỏi đáp, in ấn báo chí.

Ở phương thức hoạt động chủ yếu của Nhà văn hóa - Trung tâm văn hóa là tổ chức các sinh hoạt chuyên đề dưới hình thức tọa đàm diễn giảng về đường lối chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, những vấn đề thời sự chính trị - đời sống xã hội mà quần chúng nhân dân quan tâm.

- Thông tin tuyên truyền cổ động bằng nghệ thuật dưới các hình thức kịch bản minh họa, sân khấu hóa, kịch thông tin. Hoạt động chính của phương thức này là sử dụng và kết hợp đặc trưng ngôn ngữ của các loại hình nghệ thuật chuyển tải nội dung thông tin xã hội, cụ thể:

+ Tổ chức dàn dựng kịch bản minh họa, nghĩa là lựa chọn các loại hình nghệ thuật, các tác phẩm có nội dung giá trị nghệ thuật phản ánh nội dung thông tin xã hội với mục đích là tạo sự sinh động hấp dẫn của thông tin xã hội mà chúng ta cần tuyên truyền cổ động.

+ Tuyên truyền cổ động dưới dạng sân khấu hóa, nghĩa là biên tập kịch, bản dựa trên sự phân tích mục đích, ý nghĩa của nội dung thông tin xã hội, lựa chọn các hình thức thể loại, loại hình nghệ thuật dàn dựng các màn diễn để chuyển tải thông tin, sân khấu hóa là sân khấu sử dụng quần chúng nhân dân tham gia trình diễn.

+ Kịch thông tin là hình thức biên tập kịch bản xây dựng nhân vật, các tuyến nhân vật, hội thoại, diễn xuất để chuyển tải nội dung thông tin xã hội. Song quá trình biên tập dàn dựng phải sử dụng các thủ pháp nghệ thuật như hư cấu, ước lệ, cách điệu và tạo nên mâu thuẫn xung đột, kịch tính để hấp dẫn cuốn hút người xem, người đón nhận thông tin. Thể loại này thường được xây dựng dưới dạng tiểu phẩm hài hoặc châm biếm, phê phán thói hư tật xấu của con người trong đời sống; xã hội.

c) Tổ chức lễ hội và các sự kiện, xây dựng nếp sống văn hóa

Tổ chức lễ hội bao gồm: lễ hội cổ truyền và lễ hội đương đại. Lễ hội đương đại thường được tổ chức dưới các dạng thức: Lễ kỷ niệm, lễ khánh tiết, festival, canaval và hội chợ hay dạ hội...

Về các sự kiện chính trị trọng đại của Đảng và Nhà nước và đời sống xã hội bằng các hình thức nghi lễ, nghi thức kết hợp với chương trình nghệ thuật, kịch bản sân khấu hóa, đạo diễn dàn dựng giới thiệu mục đích ý nghĩa và tuyên truyền giáo dục truyền thống yêu nước, tinh tự hào dân tộc và đạo lý uống nước nhớ nguồn.

Xây dựng nếp sống chính là điều chỉnh và xây dựng ngôn ngữ giao tiếp, hành vi ứng xử văn minh lịch sự nơi công cộng và thông qua các hoạt động ở Nhà văn hóa kết hợp với chính quyền, tổ chức đoàn thể, cơ quan văn hóa các cấp đẩy mạnh phong trào xây dựng gia đình văn hóa cơ quan, làng bản thôn xóm, tổ dân đường phố văn hóa, cụm dân cư văn hóa thực hiện chức năng giáo dục văn hóa.

d) Mở các lớp năng khiếu nghệ thuật, các câu lạc bộ sở thích

Mở các lớp năng khiếu nghệ thuật như: âm nhạc, sân khấu, múa vũ đạo, hội họa v.v... các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn.

Các lớp năng khiếu về văn hóa nghệ thuật phổ biến hiện nay là các lớp năng khiếu về thanh nhạc, nhạc cụ như organ, guitare, piano, trống, các lớp múa cổ điển, khiêu vũ, hội họa, ngoại ngữ, vi tính, cơ chế tổ chức dưới hình thức dịch vụ.

Các lớp bồi dưỡng tập huấn nghiệp vụ, đây là nhiệm vụ của Nhà văn hóa - Trung tâm văn hóa cấp tỉnh, thành phố và quận huyện. Các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác tổ chức quản lý hoạt động văn hóa cơ sở như chuyên môn nghiệp vụ về công tác Nhà văn hóa phường xã công tác quản lý Nhà nước về văn hóa ở các phường xã và tổ chức hoạt động văn hóa thể thao xây dựng đời sống văn hóa cơ sở.

Xây dựng vận hành các câu lạc bộ sở thích và hướng nghiệp như: ngoại ngữ, tin học, điện ảnh, nhiếp ảnh, cây cảnh, chăm sóc sức khỏe, vũ hội v.v...

Tất cả những hoạt động này được xây dựng thành lập trên cơ sở điều tra thăm dò về nhu cầu sở thích thị hiếu của công chúng, có chương trình kế hoạch cụ thể để tổ chức vận hành.

Đây là những hoạt động phát triển năng lực sáng tạo của quần chúng nhân dân thông qua những hoạt động này nhằm phát hiện, bồi dưỡng tài năng bổ sung cho đội ngũ chuyên nghiệp.

đ) Tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, vui chơi giải trí

Các hoạt động thể dục thể thao như: thể dục nhịp điệu, thể hình, võ thuật thể dục dưỡng sinh, cầu lông, bóng bàn, bóng chuyền, bóng đá v.v...

Tổ chức các trò chơi dân gian và hiện đại như: cờ tướng, tổ tôm, các trò chơi điện tử các dịch vụ hoạt động giải trí.

e) Tổ chức các hoạt động kinh doanh dịch vụ

Đây là hoạt động sự nghiệp có thu nhằm duy trì sự tồn tại và phát triển văn hóa tạo công ăn việc làm và thu nhập cho cán bộ nhân viên. Đó là các hoạt động: nhằm khai thác nguồn nhân lực và cơ sở vật chất hiện có nhằm tận dụng diện tích mặt bằng xây dựng các kiốt, các cửa hàng kinh doanh các ấn phẩm văn hóa nghệ thuật, Tổ chức các dịch vụ ăn nhanh, các loại nước giải khát, karaoke, vũ trường, game...

Khai thác năng lực đội ngũ cán bộ tác nghiệp, tổ chức biểu diễn nghệ thuật, dàn dựng chương trình tổ chức các sự kiện, mở dạy các lớp năng khiếu nghệ thuật, cho thuê trang thiết bị kỹ thuật... Thực hiện lấy thu bù chi, duy trì phát triển các hoạt động nghiệp vụ khác.

2.4. CÁC THIẾT CHẾ KHÁC

2.4.1. Bưu điện văn hóa xã

Bưu điện văn hóa là điểm phục vụ thuộc mạng bưu chính công cộng do Nhà nước giao Tổng công ty Bưu điện Việt Nam xây dựng, duy trì, quản lý để cung ứng các dịch vụ bưu chính công ích và các dịch vụ kinh doanh khác theo định hướng phát triển của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam, đồng thời là nơi tổ chức các hoạt động đọc sách, báo phục vụ cộng đồng.

Cách đây 20 năm trước, Bưu điện văn hóa xã không chỉ là nơi cung cấp các dịch vụ viễn thông, liên lạc mà còn hoạt động như một thiết chế văn hóa,

phục vụ nhu cầu văn hóa, thông tin cho người đọc. Đây được coi là một thời kỳ hoàng kim của Bưu điện văn hóa xã.

Hiện nay, Bưu điện văn hóa xã vẫn được duy trì trong cả nước với hơn 8.000 điểm [17] và được nâng cấp thêm nhiều dịch vụ hành chính công như: chi trả trợ cấp, lương hưu; tiếp nhận, chuyển phát hồ sơ cấp đổi giấy phép lái xe, hồ sơ bảo hiểm xã hội, chuyển tiền... Tuy xây dựng nhiều sản phẩm dịch vụ mới nhưng các hoạt động văn hóa phục vụ nhân dân đến đọc sách, báo miễn phí vẫn được ngành Bưu điện quan tâm, coi trọng. Các điểm Bưu điện văn hóa xã được trang bị đầy đủ bàn ghế, tủ giá sách, hệ thống đèn chiếu sáng, quạt, các loại sách báo về mọi thể loại... để thu hút người dân đến đọc sách. Ví dụ như Bưu điện văn hóa xã Nghĩa Minh (Nghĩa Hưng, Nam Định) đông đảo người dân đến đọc sách, truy cập internet, nghe tư vấn về chế độ tiền lương, bảo hiểm xã hội và mua hàng tiêu dùng, chuyển, nhận tiền, photocopy... [18]. Đối với vùng sâu, vùng xa, nông thôn, luôn là những địa chỉ đỏ được ngành Bưu điện Việt Nam quan tâm xây dựng.



Hình 2.13. Bưu điện văn hóa xã Phú Hưng, tỉnh Bến Tre

(Nguồn tác giả sưu tầm)

Đáp ứng xu hướng phát triển chung, trong thời gian tới, Bưu điện Việt Nam đã lên kế hoạch chuyển đổi, mở rộng, nâng cấp, phát triển hệ thống Bưu điện văn hóa xã phủ khắp các vùng miền trên toàn quốc (nhất là vùng sâu,

vùng xã, vùng biển đảo, biên giới...); rút ngắn khoảng cách giữa nông thôn và thành thị; góp phần đảm bảo an sinh xã hội và quốc phòng, an ninh.

Qua đây cho thấy, thiết chế Bưu điện văn hóa xã dù xuất phát từ ngành Bưu điện Việt Nam, nó vừa mang sứ mệnh là mạng bưu chính công cộng, đồng thời cũng mang sứ mệnh tuyên truyền, phổ biến văn hóa, nâng cao nhận thức cho người Việt. Có thể đánh giá mục tiêu, sứ mệnh mà bưu điện đóng góp rất quan trọng trong vấn đề xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, và phù hợp với chủ trương, đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Và đây chính là điều kiện cần và đủ để hệ thống Bưu điện văn hóa xã vẫn còn hoạt động và phát triển trong tương lai.

2.4.2. Rạp chiếu phim

Trước khi nói tới sự phát triển mạnh mẽ của hệ thống rạp chiếu phim như hiện nay, chúng ta cùng tìm hiểu về quá trình hình thành ban đầu của nền điện ảnh và các rạp chiếu phim tại Việt Nam. Có thể thấy, điện ảnh du nhập vào Việt Nam từ rất sớm. Ngày 28 tháng 12 năm 1895, nền điện ảnh được khai sinh với buổi chiếu của hai anh em Auguste và Louis Lumière tại tầng hầm quán Grand Café ở Paris. Đầu năm 1896, anh em nhà Lumière mở một lớp học trong 6 tháng đào tạo quay phim để truyền bá phát minh mới này. Một trong những học viên đầu tiên đó là Gabriel Veyre, sau khi qua Thượng Hải đã đến Hà Nội. Ngày 28 tháng 4 năm 1899 Gabriel Veyre đã tổ chức buổi chiếu phim đầu tiên tại Hà Nội miễn phí cho công chúng vào xem.

Rạp chiếu phim đầu tiên tại Việt Nam là rạp Pathé, do một người Pháp là xây dựng tại Hà Nội, cạnh hồ Hoàn Kiếm, khánh thành ngày 10 tháng 8 năm 1920. Sau đó tới rạp Tonkinois bắt đầu từ 1921... Thời ấy, người ta gọi những buổi trình chiếu phim là buổi trình diễn "trò chớp bóng".

Để thiết lập độc quyền khai thác mạng lưới chiếu bóng, ngày 11 tháng 9 năm 1923 người Pháp thành lập hãng Phim và Chiếu bóng Đông Dương (Indochine Films et Cinéma, IFEC) và năm 1930 Công ty Chiếu bóng Đông Dương (Société des cinéthéâtre d'Indochine) ra đời. Một số Hoa kiều cũng bỏ vốn xây dựng những rạp nhỏ, chủ yếu chiếu phim thuê của người Pháp và một số ít phim của Hồng Kông, Trung Quốc. Đến năm 1927, tại Việt Nam có 33 rạp chiếu bóng ở các đô thị như Hà Nội 4 rạp, Hải Phòng 2 rạp, Huế 2 rạp, Chợ Lớn 4 rạp, Sài Gòn 4 rạp, Cần Thơ 2 rạp... Một số người Việt Nam bắt đầu quan tâm

đến lĩnh vực kinh doanh mới này. Người đầu tiên là nhà tư sản Vạn Xuân. Năm 1936 ông đã bỏ tiền xây rạp chiếu bóng Olympia - nay là nhà hát Hồng Hà trên phố Hàng Da ở Hà Nội. Đến năm 1939, số lượng rạp chiếu phim lại Việt Nam lên tới con số 60.

Những năm trước 1930, mỗi rạp chỉ lắp đặt một máy chiếu phim. Khi hết một cuộn phim thì các đèn trong rạp bật sáng và người thợ máy thay cuộn phim mới để chiếu tiếp. Màn ảnh được làm bằng những mảnh vải trắng may lại, xung quanh viền vải xanh thẫm hoặc đen. Các rạp chiếu phim khá sơ sài, đơn giản, khán giả ngồi trên những ghế tựa hoặc ghế băng có dựa lưng bằng gỗ. Sàn phòng chiếu bằng phẳng và màn hình được đặt trên phía cao khiến khán giả bị mỏi cổ khi xem phim. Một vài rạp không có ghế ngồi.

Từ nửa cuối thập niên 1930, một số rạp mới được thiết kế khoa học hơn, đã có ban công và sàn được làm dốc, các hàng ghế được bố trí lệch nhau. Các rạp cũng được trang bị quạt máy và phân cấp thành hai loại: sang và bình dân. Những bộ phim đầu tiên được trình chiếu ở Việt Nam đều là phim câm. Đến khoảng giữa thập niên 1930, khán giả mới được xem phim nói với bộ phim đầu tiên là Phía Tây không có gì lạ. Nhưng khi đó, chỉ giới trí thức, sinh viên, học sinh trung học mới xem được phim nói bởi họ nghe được tiếng Pháp và đọc được phụ đề Pháp ngữ.

Năm 1945, Nhật đảo chính Pháp ở Việt Nam, nắm quyền cai trị Đông Dương. Khoảng thời gian này một số chủ người Pháp bán lại các rạp chiếu bóng cho những người Hoa ở Hà Nội, Sài Gòn. Các chủ người Hoa bắt đầu nhập phim từ Hồng Kông, Singapore vào chiếu ở Việt Nam.

Ngày 15 tháng 3 năm 1952, đánh dấu mốc lịch sử khi tại chiến khu Việt Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh 147/SL thành lập Doanh nghiệp Quốc gia Chiếu bóng và Chụp ảnh Việt Nam đầu tiên. Thời điểm này, tại các thành thị nơi vẫn thuộc quyền kiểm soát của Pháp, mạng lưới các rạp chiếu bóng do người Pháp và Hoa kiều làm chủ tiếp tục chiếu các phim của Pháp và các nước đồng minh sản xuất. Năm 1954 khi cuộc chiến Việt-Pháp kết thúc, toàn miền Bắc có 26 rạp và 23 đội chiếu bóng lưu động. Năm 1955 tăng lên 37 rạp và 37 đội chiếu bóng. Năm 1963, tăng tiếp lên 46 rạp và 11 bãi chiếu phim ngoài trời, 269 đội chiếu bóng phục vụ công chúng.

Cuối thập niên 1960 ở miền Nam, điện ảnh phát triển mạnh mẽ, bước vào thời kỳ hoàng kim. Với hơn 30 hãng phim hoạt động, kinh doanh điện ảnh đem lại nhiều lợi nhuận. Từ năm 1970, điện ảnh Việt Nam Cộng hòa liên tục cử nhiều đoàn đi tham dự các liên hoan phim quốc tế tại Tây Đức, Ấn Độ, Nhật Bản, Hồng Kông, Đài Loan, Campuchia...

Sau năm 1975, miền Bắc và miền Nam thống nhất kéo theo những thay đổi của điện ảnh Việt Nam. Xưởng phim Giải phóng - thành lập từ tháng 1 năm 1962 - được mở rộng quy mô, sản xuất nhiều loại hình phim, đổi tên thành Xưởng phim Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh. Xưởng phim Nguyễn Đình Chiểu được thành lập với tiền thân là hãng phim Alpha của Sài Gòn trước 1975. Cơ quan Phát hành phim và chiếu bóng Giải phóng chuyển thành Chi nhánh Phát hành phim Trung ương tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trung tâm tư liệu phim các tỉnh phía Nam được thành lập để quản lý, lưu trữ các phim của điện ảnh miền Nam trước 1975, đến tháng 9 năm 1979 trở thành Cơ sở II của Viện Tư liệu phim Việt Nam - nay là Viện Nghệ thuật và Lưu trữ Điện ảnh. Ngoài 350 rạp chiếu phim, điện ảnh còn được phổ biến nhờ 1.400 đội chiếu bóng lưu động [19].

Hiện nay, rạp chiếu phim là một địa điểm thường xuyên để khán giả đi tới. Các rạp chiếu phim mang tính thương mại cao, người xem phải mua vé trước khi vào. Cơ sở, vật chất hiện đại với màn ảnh rộng được đặt một bên của khán phòng và được máy chiếu phim chiếu lên. Một số rạp được trang bị máy chiếu phim kỹ thuật số thay thế kỹ thuật phim in truyền thống. Một số rạp chiếu phim công cộng và miễn phí, chiếu cả phim nhựa lẫn truyền hình.

Nhiều năm trước thì cả nước có khoảng 100 phòng chiếu, tập trung chủ yếu ở Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, được kiểm soát bởi các doanh nghiệp nhà nước thì hiện nay, rất nhiều đơn vị chiếu phim nước ngoài với quy mô lớn đang xâm nhập và chiếm lĩnh thị trường. Theo số liệu thống kê của Hiệp hội Phát hành và Phổ biến phim Việt Nam, hiện nay cả nước có khoảng 140 rạp và cụm rạp, với 630 phòng chiếu phim, 80% trong số đó thuộc các đơn vị chiếu có vốn đầu tư nước ngoài. Những doanh nghiệp đứng đầu và nắm giữ 98% thị phần chiếu phim ở Việt Nam là hai doanh nghiệp đến từ Hàn Quốc là CGV và Lotte Cinema [20].

Với hệ thống rạp hiện đại và chuẩn quốc tế như rạp chiếu phim CGV, Lotte Cimea, Galaxy... khán giả có cơ hội lựa chọn và xem rất nhiều các thể loại phim chất lượng trên khắp thế giới, kể cả những bộ phim bom tấn của

Hollywood. Việc mua vé cũng rất dễ dàng, thuận tiện, khán giả có thể mua trực tiếp tại quầy hoặc đặt vé online. Ngoài ra, rạp chiếu phim có các dịch vụ đa dạng khác nhau như: Ăn uống (quán cafe, đồ ăn nhanh), dịch vụ vui chơi giải trí (siêu thị sách, siêu thị điện máy, khu vui chơi games)... đều được đầu tư xây dựng hoành tráng để thu hút khán giả đến sử dụng.

Có thể thấy, thị trường điện ảnh ở Việt Nam hiện nay được coi như mỏ vàng, vì vậy các công ty phát hành phim trong nước cần phải nắm bắt được cơ hội, phải nâng cấp, đầu tư về cơ sở vật chất, hạ tầng cũng như cách quản lý để thu hút khán giả tốt nhất, cạnh tranh mạnh nhất với các tổ chức nước ngoài. Nếu chúng ta không thay đổi nhanh chóng sẽ thua ngay trên sân nhà, và đánh mất cơ hội thương thức của khán giả đối với những tác phẩm điện ảnh chất lượng do Việt sản xuất. Đây là một mất mát lớn về văn hóa và lép vế về thị phần điện ảnh. Trong thời gian gần đây, các sản phẩm điện ảnh Việt Nam đã thay da đổi thịt mạnh mẽ, đem đến cho khán giả nhiều tác phẩm tốt và tạo được tiếng vang trên thế giới. Tuy nhiên, việc sản phẩm tốt nhưng nếu các rạp chiếu phim vẫn là sự độc quyền của doanh nghiệp nước ngoài thì phim Việt vẫn khó có cơ hội được công chiếu, hay chiếu trong khung giờ vàng.

Qua những khảo sát ban đầu ở khu vực phía bắc, Trung tâm chiếu phim Quốc gia được coi là một cụm rạp do nhà nước quản lý đạt thành công mạnh mẽ trong thời điểm hiện nay. Trung tâm Chiếu phim Quốc gia là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, được thành lập vào ngày 29 tháng 12 năm 1997. Trung tâm có chức năng tổ chức chiếu phim phục vụ các nhiệm vụ chính trị, xã hội, hợp tác quốc tế; điều tra xã hội học về nhu cầu khán giả để phục vụ cho công tác định hướng phát triển ngành Điện ảnh; trưng bày điện ảnh và tổ chức các hoạt động biểu diễn nghệ thuật. Đơn vị này đã mạnh tay đầu tư cơ sở hạ tầng theo chuẩn hiện đại bậc nhất thế giới nhằm đáp ứng nhu cầu cao nhất của khán giả. Với hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật liên tục được đầu tư nâng cấp với 13 phòng chiếu hiện đại chiếu được các định dạng 2D, 3D và 4D, trung tâm chiếu phim Quốc gia đang cạnh tranh khốc liệt giành lại thị phần điện ảnh trong nước.



Hình 2.14. Trung tâm chiếu phim Quốc gia

(Nguồn tác giả sưu tầm)

2.4.3. Nhà hát

Theo từ điển Tiếng Việt, nhà hát là nơi có cơ sở vật chất, tức đơn thuần chỉ là những cái rạp lớn, nhỏ, nơi thường xuyên diễn ra các hoạt động văn hóa, biểu diễn nghệ thuật ca, múa, nhạc, hòa nhạc, giao lưu... phục vụ công chúng theo từng nội dung mục đích, yêu cầu của chương trình nghệ thuật, tương ứng với mỗi loại hình nhà hát cho phù hợp.

Nhà hát cũng có thể được hiểu là nơi tổ chức các hoạt động biểu diễn nghệ thuật, tổ chức các sự kiện văn hóa. Ở đây, khái niệm nhà hát không chỉ là một tòa nhà mà ở đó phải có đầy đủ bốn yếu tố của một thiết chế văn hóa.

Hiện nay, Việt Nam có ba nhà hát có quy mô lớn, tọa lạc ở vị trí của ba thành phố lớn đó là: Nhà hát lớn Hà Nội, nhà hát lớn Hải Phòng, nhà hát lớn thành phố Hồ Chí Minh.

Nhà hát là một thiết chế văn hóa đặc biệt, nó không chỉ là nơi chuyên dùng để biểu diễn các tiết mục văn nghệ phục vụ đông đảo quần chúng, mang trong mình những giá trị văn hóa nhất định mà còn là cầu nối đưa các giá trị nghệ thuật đến với công chúng.



Hình 2.15. Nhà hát lớn Hà Nội

(Nguồn tác giả sưu tầm)

Có thể thấy rằng, nhà hát hội tụ trọn vẹn bộ máy tổ chức, các phòng ban, nghệ sĩ biểu diễn, đạo diễn, chỉ huy, biên đạo... thành một mô hình khép kín để từ đó xây dựng, hình thành nên các chương trình nghệ thuật, sự kiện văn hóa hay nhất để chuyển tải tới cho khán giả.

Không dừng lại ở đó, thiết chế nhà hát tiếp tục được khai thác đa dạng hơn trong hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa. Đó là sự kiện năm 2017, nhà hát lớn Hà Nội đã trở thành điểm đến du lịch hấp dẫn, Ban Quản lý Nhà hát vừa phối hợp Tổng cục Du lịch và Cục Nghệ thuật biểu diễn (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) khai trương tua tham quan nhà hát kết hợp thưởng thức nghệ thuật truyền thống. Với lịch sử tồn tại hơn 100 năm, mang đậm phong cách kiến trúc Pháp, Nhà hát Lớn Hà Nội luôn được xem là công trình văn hóa, lịch sử, kiến trúc quan trọng của Thủ đô. Vậy nên, việc mở cửa nhà hát đón khách tham quan là ý tưởng nhận được nhiều hưởng ứng từ phía ngành du lịch, công chúng, và các hãng lữ hành.

Thực tiễn của nhà hát lớn Hà Nội là một hướng mới tiềm năng để đa dạng hóa sản phẩm cho các nhà hát, phát huy tối đa những nguồn lực hiện có, quy mô tổ chức và tạo thêm nguồn thu nhập hiệu quả cho đội ngũ diễn viên, nhân viên. Quan trọng hơn, trong tình hình kinh tế khó khăn, nhiều loại hình

giải trí cạnh tranh thì việc các thiết chế nhà hát chủ động, sáng tạo, đem lại những thực đơn mới cho công chúng sẽ là cơ hội phát triển hiệu quả.

2.4.4. Công viên văn hóa

Công viên văn hóa là một nơi có khoảng không gian rộng lớn, nhằm bảo vệ nguồn gen của các hệ thực vật từ thiên nhiên hay do con người trồng, một nơi vui chơi, giải trí phục vụ đại chúng, nơi tổ chức các hoạt động văn hóa cho nhân dân hưởng thụ. Kiến trúc công viên gồm có: cây xanh, ghế ngồi nghỉ mát, các con đường nhỏ dùng cho người tản bộ, vườn hoa, các ki ốt, hồ nước, hệ thực vật và các khu vực cỏ.

Ngày nay, trong bối cảnh tình hình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng, không gian đô thị trở nên chật chội thì nhu cầu tận hưởng không gian văn hóa ngày càng tăng cao. Đến với công viên văn hóa, người dân có thể được nghỉ ngơi, vui chơi giải trí, giao lưu cộng đồng, rèn luyện sức khỏe, tận hưởng cảnh quan thiên nhiên, không khí trong lành, mát mẻ.

Công viên văn hóa ngoài chức năng là nơi sinh hoạt, vui chơi giải trí cho nhân dân thì mỗi một công viên được coi là lá phổi xanh của đô thị. Công viên góp phần cải tạo vi khí hậu và giữ gìn cảnh quan, môi trường sinh thái. Trải dài khắp cả nước hiện nay có rất nhiều các công viên văn hóa được xây dựng trong lòng thành phố để phục vụ người dân đến sử dụng. Không những thế, các công viên văn hóa có quy mô lớn, cảnh quan đẹp cũng trở thành địa điểm tham quan du lịch, thu hút đông đảo du khách và đem lại nguồn thu lớn cho tổ chức quản lý.

Ví dụ như công viên văn hóa-giải trí Vinperl Land (Nha Trang-Khánh Hòa), công viên Thủ Lệ (Hà Nội), công viên Thiên đường Bảo Sơn (Hà Nội), công viên Suối Tiên (TP Hồ Chí Minh), công viên Đầm Sen (TP Hồ Chí Minh)... Vinpearl Land hay Khu du lịch Hòn Ngọc Việt (tên cũ cho đến tháng 12 năm 2006 - tên mới VinWonders), là một khu du lịch sang trọng của Nha Trang nằm trên đảo hòn Tre. Đây được coi là một trong số 29 vịnh biển đẹp nhất thế giới, vịnh Nha Trang thu hút du khách không chỉ với làn nước trong xanh và những bờ cát trắng, nơi đây còn nổi tiếng với hệ thống Cáp Treo vượt biển dài nhất thế giới, những trò chơi cảm giác mạnh hàng đầu thế giới và mới xây dựng thêm công viên nước ngọt trên bãi biển đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam. Đến đây du khách sẽ đắm mình trong làn gió biển nhẹ nhàng cùng cái nắng nhiệt

đổi, thưởng thức hải sản và sống bầu không khí lễ hội vô cùng sôi động, náo nhiệt của thành phố du lịch nổi tiếng. [21]



Hình 2.16. Công viên Vinpearl Land Nha Trang

(Nguồn tác giả sưu tầm)

Có thể thấy, công viên văn hóa đã trở thành một thiết chế văn hóa được khai thác rộng rãi mọi công năng để phục vụ tốt nhất cho quần chúng nhân dân, đồng thời nó cũng đem lại những lợi ích dịch vụ và nguồn thu tốt cho đơn vị quản lý. Và khi đời sống kinh tế con người ngày càng nâng cao thì nhu cầu hưởng thụ văn hóa cũng tăng theo, vậy nên việc đầu tư xây dựng các công viên văn hóa cũng trở thành một xu hướng tất yếu để phục vụ tốt nhất cho cộng đồng và đem lại sự phát triển cho địa phương.

2.4.5. Quảng trường

Quảng trường được hiểu là một khu đất rộng có không gian mở, có thể xây dựng tượng đài hoặc sân khấu ngoài trời và để tổ chức các sự kiện với mục đích về chính trị, văn hóa, kinh tế.

Xét trên góc nhìn về kiến trúc thì quảng trường đóng vai trò chính trong trong một đô thị hiện đại: Là nơi người dân đến tập hợp, tham gia vào các hoạt động nghỉ ngơi, vui chơi hay nói cách khác là địa điểm chung của mọi người dân trong thành phố; là điểm nhấn trong đô thị, nơi diễn ra các hoạt động có

mục đích về thương mại, chính trị, văn hóa. Thậm chí, quảng trường còn được so sánh như trái tim của đô thị.

Chính vì điều này, việc xây dựng quảng trường cũng nằm trong quy hoạch cụ thể khi xây dựng các đô thị. Những phân loại quảng trường thông thường chúng ta thường hay gặp như:

Quảng trường thị chính: Quảng trường thị chính có công năng hội họp chính trị, văn hoá, đại lễ, diễu hành, duyệt binh và các sinh hoạt lễ hội dân gian truyền thống. Ví dụ như Quảng trường Ba Đình Việt Nam. Quảng trường Ba Đình có khuôn viên với chiều dài 320m và rộng 100m, có nhiều ô cỏ lớn, xen giữa là lối đi rộng 1,4m. Giữa quảng trường là cột cờ cao 25m. Ba Đình trở thành mảnh đất thiêng cùng những dấu ấn lịch sử không bao giờ phai mờ, cùng những kiến trúc tâm linh hiện hữu: Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ. Quảng trường Ba Đình cũng là một địa điểm tham quan, vui chơi của du khách và người dân Hà Nội. Đã nhiều năm trôi qua kể từ lễ Độc lập 2/9/1945, Quảng trường Ba Đình vẫn còn giữ nguyên giá trị lịch sử, văn hóa, là trung tâm chính trị - văn hóa, là nơi diễn ra những sự kiện trọng đại của đất nước. Và đây cũng là nơi có quy hoạch, cảnh quan và quần thể kiến trúc đẹp nhất ở Hà Nội.



Hình 2.17. Quảng trường Ba Đình Hà Nội

(Nguồn tác giả sưu tầm)

Quảng trường kỷ niệm: Quảng trường kỷ niệm dùng để kỷ niệm một sự kiện quan trọng nào đó, hay nhân vật nào đó có công với đất nước, quê hương. Thông thường ở trung tâm hay ở một bên quảng trường đặt đài hay tháp hay một công trình kiến trúc mang tính kỷ niệm. Ví dụ: Quảng trường Petersburg kỷ niệm Cách mạng tháng 10 Nga.

Quảng trường giao thông: Quảng trường giao thông là một bộ phận của hệ thống giao thông đô thị. Nó có tác dụng phân luồng giao thông hợp lý, có thể là nơi đỗ xe công cộng, đảm bảo lưu thông thuận tiện, thoáng, thông suốt, an toàn. Ví dụ: Quảng trường Taksim, Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ, quảng trường Đông Kinh Nghĩa Thục (Hà Nội). Quảng trường Đông Kinh Nghĩa Thục được coi là một phần của di sản sống. Đó là không gian mở cho đời sống nhân dân, cho mọi hoạt động văn hóa..., là những đêm cùng nhau hồi hộp chờ xem bắn pháo hoa đón giao thừa, những buổi biểu diễn văn nghệ ngoài trời mừng thủ đô giải phóng, là những bữa tiệc âm nhạc đường phố, trượt pa-tanh điệu nghệ...

Quảng trường thương nghiệp: Quảng trường thương nghiệp phục vụ cho yêu cầu giao dịch, buôn bán thương mại, là phương thức kết hợp không gian nội thất của khu trung tâm thương nghiệp với không gian bên ngoài và không gian bán lộ thiên. Quảng trường thương nghiệp thường kết hợp với việc bố trí đường đi bộ, tạo ra các tiện nghi để nghỉ ngơi, giao du, ăn uống, là một trong những trung tâm sinh hoạt chủ yếu của đô thị.

Quảng trường tôn giáo: Quảng trường tôn giáo là không gian đặt trước giáo đường, đình chùa, từ đường để tổ chức những lễ hội tôn giáo. Ví dụ: Quảng trường trước Đại giáo đường ở Ý hay Đức.

Quảng trường nghỉ ngơi, biểu diễn văn hoá: Loại quảng trường này là không gian xanh trong đô thị để mọi người có thể nghỉ ngơi, biểu diễn, góp phần tái sản xuất sức lao động. Trong quảng trường có thể có những bệ, đài, ghế ngồi, bồn hoa, chậu cây cảnh, bể nước, đài phun nước, các tiểu phẩm đô thị. Ví dụ: Quảng trường Piazza Duomo ở Milano, Ý.

Khi đến các quảng trường chúng ta có thể thấy rất nhiều những hoạt động cộng đồng diễn ra như: lễ hội, hội chợ, biểu diễn văn nghệ, vui chơi, giao tiếp, nghỉ ngơi... Có thể thấy, những hoạt động tại quảng trường diễn ra thường xuyên, hàng ngày đã góp phần rất lớn trong việc tạo nên một không gian sinh hoạt, vui chơi, giải trí lành mạnh và ý nghĩa cho nhân dân.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1. Thư viện là gì? Hãy trình bày chức năng, nhiệm vụ và những yếu tố cơ bản cấu thành thư viện?

Câu 2. Thư viện có tổ chức hoạt động như thế nào? Hãy vẽ sơ đồ và phân tích quy trình kỹ thuật thư viện?

Câu 3. Phân tích các hình thức thư viện mới hiện nay?

Câu 4. Bảo tàng là gì? Hãy trình bày đặc trưng và nhiệm vụ của bảo tàng?

Câu 5. Bảo tàng là gì? Hãy trình bày những chức năng cơ bản của Bảo tàng?

Câu 6. Phân tích hoạt động nghiệp vụ của thiết chế bảo tàng?

Câu 7. Hãy trình bày định nghĩa, chức năng, nhiệm vụ của Nhà văn hóa-Trung tâm văn hóa?

Câu 8. Trình bày các hoạt động nghiệp vụ của Trung tâm văn hóa?

Câu 9. Nhà văn hóa-Trung tâm văn hóa là gì? Hãy trình bày chức năng và hệ thống của NVH-TTVH?

CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN

Câu 1. Khảo sát thiết chế Thư viện và tìm hiểu về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, hoạt động nghiệp vụ?

Câu 2. Khảo sát thiết chế Bảo tàng và tìm hiểu về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, hoạt động nghiệp vụ?

Câu 3. Khảo sát thiết chế Nhà văn hóa – Trung tâm văn hóa và tìm hiểu về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ và hoạt động nghiệp vụ?

Câu 4. Khảo sát thiết chế Nhà hát, tìm hiểu về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ và hoạt động nghiệp vụ?

Câu 5. Khảo sát Rạp chiếu phim, tìm hiểu về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ và hoạt động nghiệp vụ?

Câu 6. Khảo sát thiết chế Quảng trường, tìm hiểu về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ và hoạt động nghiệp vụ?

Câu 7. Khảo sát thiết chế Bưu điện văn hóa xã, tìm hiểu về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ và hoạt động nghiệp vụ?

Câu 8. Khảo sát thiết chế Công viên văn hóa, tìm hiểu về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ và hoạt động nghiệp vụ?

Câu 9. Khảo sát thiết chế văn hóa phục vụ thanh niên, thiếu niên và nhi đồng như: Cung Thiếu nhi, Nhà Thiếu nhi hoặc Trung tâm hoạt động Thanh Thiếu nhi. Tìm hiểu về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ và hoạt động nghiệp vụ?

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHƯƠNG 2

[1] Nguyễn Thịnh, “Quản lý Bảo tàng”, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, 2004.

[2] Bộ Văn hóa Thể Thao và Du lịch, *Thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của tổ chức sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương*, 2010.

[3] Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, *Thông tư số 18/2014/TT-BVHTTDL Quy định về hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của thư viện*, 2014.

[4] Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, *Thông tư số 18/2010/TT-BVHTTDL Quy định về tổ chức và hoạt động của bảo tàng*, 2010.

CHƯƠNG 3

CÔNG TÁC QUẢN LÝ CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA

NỘI DUNG CHÍNH

- * Nội dung 1: Chức năng quản lý các thiết chế văn hóa
- * Nội dung 2: Những nguyên tắc cơ bản của quản lý các thiết chế văn hóa
- * Nội dung 3: Một số mô hình cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý các thiết chế văn hóa
- * Nội dung 4: Phương pháp quản lý các thiết chế văn hóa
- * Nội dung 5: Các hoạt động quản lý thiết chế văn hóa tại cơ sở
- * Nội dung 6: Các đơn vị chức năng và tổ chức đoàn thể trong từng thiết chế văn hóa

3.1. CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA

3.1.1. Chức năng dự báo

Dự báo là phán đoán trước toàn bộ quá trình và các hiện tượng trong tương lai có thể xảy ra đối với sự phát triển của hệ thống quản lý.

Dự báo bao gồm các yếu tố thuận lợi, khó khăn, cả các yếu tố tác động của môi trường bên ngoài tới hệ thống và các yếu tố tác động của chính môi trường bên trong.

Đây là chức năng quan trọng, là sự dự đoán chuẩn đoán toàn bộ các hoạt động văn hóa sẽ diễn ra trong quần chúng nhân dân, tổ chức các hoạt động văn hóa trên một địa bàn, một cụm dân cư nhất định với tất cả các dữ kiện về văn hóa truyền thống, về phong tục tập quán, về trình độ học vấn, giới tính, nghề nghiệp... Nơi các thiết chế văn hóa tác nghiệp. Sự dự báo này dựa trên cơ sở khoa học về các hiện tượng và quá trình có thể xảy ra trong tương lai dựa trên cơ sở khảo sát, điều tra, thăm dò và phân tích các yếu tố chính sau đây:

- + Nhu cầu, sở thích và thị hiếu
- + Khả năng đáp ứng nhu cầu.
- + Sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật và công nghệ.
- + Sự tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội.

Dự báo khoa học sẽ tạo cơ sở nâng cao chất lượng kế hoạch của từng thiết chế văn hóa, mở đầu cho quá trình hóa các chức năng quản lý khác.

3.1.2. Chức năng kế hoạch hóa

Kế hoạch là quy định mục tiêu, nội dung công việc, xác định các nguồn lực, biện pháp cụ thể trong một thời gian, không gian nhất định, đảm bảo sự nhịp nhàng cân đối của mọi bộ phận cấu thành trong bộ máy quản lý.

Lập kế hoạch là quá trình xây dựng các mục tiêu, xác định các nguồn lực và lựa chọn phương thức hành động để đạt mục tiêu đã đề ra.

Việc xây dựng kế hoạch đóng vai trò quan trọng, xuyên suốt toàn bộ hoạt động và đảm bảo tính khả thi, hiệu quả của công việc, cụ thể như:

- Cho biết mục đích, hướng đi của tổ chức, người thực hiện nó, dự đoán những thay đổi trong công việc và ngoài môi trường.
- Giảm được sự chùng chéo và những hoạt động lãng phí.
- Tạo nên những tiêu chuẩn cho công tác kiểm tra.
- Tạo cơ hội hoàn thiện những phương pháp được sử dụng trong công việc, hoạt động trở nên chuyên nghiệp hơn.

Để đảm bảo hoạt động quản lý đi đúng theo quy trình, tiến độ công việc thì nhà quản lý đều cần xây dựng cho mình một kế hoạch cụ thể, rõ ràng. Chức năng này sẽ giảm thiểu được sự chùng chéo khi phân công nhiệm vụ, hạn chế rủi ro và khai thác tốt mọi nguồn lực sẵn có, đem lại hiệu quả, năng suất cao trong công việc.

3.1.3. Chức năng tổ chức

Tổ chức là một thuật ngữ rất linh hoạt. Trước tiên, tổ chức được hiểu là một tập hợp người, hoặc nhóm người cùng hoạt động vì những chức năng, quyền lợi, mục đích chung. Hiểu theo nghĩa rộng, tổ chức có thể là quá trình triển khai các kế hoạch. Ví dụ như chúng ta thường nói: Tổ chức thực hiện kế hoạch, tổ chức triển khai dự án, tổ chức họp phòng ban... Tuy nhiên, tổ chức ở đây cần hiểu cụ thể hơn đó là việc phải đảm bảo cơ cấu nguồn nhân lực cho kế hoạch, chỉ đạo thực hiện kế hoạch và kiểm soát việc thực hiện kế hoạch.

Vì vậy, tổ chức chính là việc thiết lập, điều hành các vị trí cho mỗi cá nhân và bộ phận sao cho các cá nhân và bộ phận đó có thể phối hợp với nhau

một cách tốt nhất để thực hiện mục tiêu chung. Hay xét về bản chất, tổ chức là phân chia, sắp xếp các nguồn lực và phối hợp các hoạt động nhằm đạt mục tiêu.

Đối với người lãnh đạo, quản lý, chức năng tổ chức thể hiện khả năng, năng lực triển khai, điều hành công việc của họ. Người đứng đầu có thể xây dựng được một bản kế hoạch chi tiết, khả thi nhưng khi triển khai, tổ chức, điều hành lại lúng túng, không rõ ràng, quyết đoán thì tiến độ công việc cũng chậm chễ, kém hiệu quả.

Chính vì vậy, việc hiểu rõ vị trí, vai trò của từng thành viên tham gia công việc, hiểu rõ điểm mạnh, điểm yếu của mỗi người sẽ giúp việc tổ chức, phân công công việc trôi chảy, hiệu quả; giảm tránh tình trạng chông chéo nhiệm vụ, không phát huy hết khả năng trong từng hoạt động được giao.

3.1.4. Chức năng điều hòa (điều chỉnh)

Đảm bảo cho các bộ phận hoạt động theo những tiêu chuẩn đã xác định và có những biện pháp điều chỉnh khi có tình trạng vượt ra khỏi hoặc suy giảm của từng bộ phận.

Quá trình triển khai, điều hành kế hoạch công việc không phải lúc nào cũng thuận lợi mà có thể gặp biến cố, rủi ro. Vì vậy, việc điều chỉnh mục tiêu, các nguồn lực hay một số khâu trong tiến độ thực hiện công việc là điều cần thiết để đảm bảo hiệu quả cuối cùng. Tuy nhiên, điều chỉnh cũng rất phức tạp, bởi vì, bất cứ một sự rối loạn nào trong một bộ phận, một khâu nào đó đều ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến những bộ phận khác của hệ thống.

Việc điều chỉnh cần xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, khách quan. Có thể nguyên nhân do sự ảnh hưởng của yếu tố bên trong hay yếu tố bên ngoài tác động đến, và bắt buộc tổ chức phải tiến hành thực hiện, không phải xuất từ ý kiến chủ quan của người đứng đầu hoặc bộ phận tham mưu cho lãnh đạo. Bất kì một ý kiến tham mưu hay đề xuất hướng điều chỉnh công việc mà xuất phát từ lợi ích bản thân, nhu cầu cá nhân đều có thể dẫn tới những điều chỉnh công việc thiếu hiệu quả, gây tổn thất nặng nề cho tổ chức.

Khi điều chỉnh nên tuân theo một số nguyên tắc sau:

- Chỉ điều chỉnh khi thật sự cần thiết.
- Điều chỉnh đúng mức độ, tránh tùy tiện gây tác động xấu.

- Phải tránh để lỡ thời cơ, tránh bảo thủ.
- Điều chỉnh để khắc phục khâu yếu trong hệ thống quản lý.

3.1.5. Chức năng kiểm tra

Kiểm tra là sự quan sát, giám định toàn bộ những diễn biến, đối chiếu với kế hoạch tìm ra sự sai sót để sửa chữa nhằm đảm bảo các mục tiêu và kế hoạch đã và đang được hoàn thành. Hay nói một cách khác, mục đích của việc kiểm tra chính là đảm bảo các kế hoạch thành công, phát hiện kịp thời những sai sót, tìm ra nguyên nhân và biện pháp sửa chữa kịp thời những sai sót.

Tổ chức có thể kết hợp nhiều hình thức kiểm tra để đem lại hiệu quả: kiểm tra định kì, kiểm tra đột xuất, kiểm tra trực tiếp, kiểm tra gián tiếp, kiểm tra từ trên xuống, từ dưới lên...

Ngoài ra, chức năng kiểm tra cũng là cơ sở để đánh giá chất lượng công việc của từng nhân viên khi đối sánh với vị trí việc làm, chức năng nhiệm vụ đã phân công. Việc này giúp nhà quản lý có thông tin khách quan để đánh giá, xem xét, đề bạt khen ngợi, thăng thưởng nhân viên hiệu quả. Tránh tình trạng chủ quan, cào bằng, thiếu đôn bầy tích cực cho nhân viên cố gắng trong công việc.

Muốn cho công việc kiểm tra có kết quả, cần có những kế hoạch rõ ràng, làm căn cứ cung cấp những chỉ tiêu phù hợp cho việc kiểm tra; sắp xếp tổ chức khoa học, hợp lý để xác định chính xác nhiệm vụ của từng bộ phận cá nhân trong việc thực hiện kế hoạch.

3.1.6. Chức năng hạch toán

Hạch toán là quá trình quan sát, đo lường, tính toán, ghi chép lại các thông tin. Đây là chức năng rất quan trọng đối với các đơn vị hoạt động kinh tế nói chung, đối với các thiết chế văn hóa nói riêng, chức năng này thể hiện trên hai phương diện kinh tế và văn hóa. Bản chất của chức năng hạch toán là nhằm cung cấp các thông tin để bộ máy quản lý nhận xét, đánh giá dự kiến và quyết định bước phát triển.

Chức năng này là cơ sở để xây dựng kế hoạch hoạt động, quy mô tổ chức và chi trả lương thưởng cho nhân viên. Vì vậy, một nhà quản lý cũng cần biết căn cơ, sử dụng hiệu quả các nguồn tài chính, kinh tế để đảm bảo duy trì hoạt động và không gặp rủi ro trong quá trình điều hành. Đặc biệt, với thực tế biến động của thị trường hiện nay như: suy thoái kinh tế, an ninh, dịch bệnh, môi

trường, cạnh tranh... sẽ tác động rất lớn đến sự tồn tại và phát triển của tổ chức. Vậy nên, các nhà quản lý phải cân nhắc, tính toán khoa học để duy trì được hoạt động mà vẫn đảm bảo được quyền lợi cho nhân viên.

Sáu chức năng cơ bản trên có mối quan hệ tác động qua lại hỗ trợ logic và biện chứng với nhau, chỉ có thể quản lý tốt và có hiệu quả khi người quản lý nắm bắt và thực hiện đúng sáu chức năng này.

Mỗi một chức năng trong quá trình quản lý công việc đều cần đảm bảo tính tường minh, công khai, hiệu quả khi thực hiện. Vì vậy, người lãnh đạo, quản lý cần xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của mình khi thực hiện mỗi chức năng trong quá trình quản lý. Tránh tình trạng quan liêu, hách dịch, gây khó khăn cho nhân viên, đối tác, khách hàng...khi đến giao dịch, làm việc bởi khi hoàn thành tốt các chức năng trên là góp phần xây dựng nên văn hóa, thương hiệu cho tổ chức.

3.2. NHỮNG NGUYÊN TẮC CƠ BẢN QUẢN LÝ CÁC THIẾT CHẾ - VĂN HÓA

Nguyên tắc quản lý là những quy tắc chỉ đạo, những tiêu chuẩn hành vi mà chủ thể quản lý bất kì cấp nào, tổ chức nào đều phải tuân theo khi thực hiện việc chỉ đạo, điều hành của mình.

Trong quản lý, các nguyên tắc hình thành một hệ thống nhất quán. Những nguyên tắc quản lý do con người đặt ra, nhưng mang tính chất khách quan vì nó nảy sinh từ chính bản chất xã hội. Các nguyên tắc này buộc mọi cấp quản lý phải tuân theo khi ra các quyết định quản lý.

3.2.1. Nguyên tắc đảm bảo sự thống nhất lãnh đạo giữa chính trị tư tưởng và văn hóa

Nguyên tắc này là điều kiện tiên quyết, quan trọng thể hiện chức năng xã hội và quy định tính hoạt động có hướng đích của từng thiết chế văn hóa. Ở đây, chúng ta hiểu chính trị là toàn bộ hoạt động của nhà nước hướng vào việc thực hiện những mục tiêu và nhiệm vụ đối nội, đối ngoại được thể hiện bằng chính sách, mục tiêu cụ thể để thực hiện đường lối, nhiệm vụ phát triển đất nước trong những giai đoạn nhất định. Hoặc cũng có thể là các chủ trương, đường lối của Đảng trong quá trình lãnh đạo. Điều này được thể hiện trên 2 phương diện:

- Về tổ chức: Sự thống nhất lãnh đạo giữa chính trị tư tưởng và văn hóa được biểu hiện ở tính Đảng, tính giai cấp trong quá trình quản lý. Đúng theo tinh thần Đại hội XII của Đảng khẳng định: “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”.

- Về nội dung: Tổ chức quá trình quản lý bằng các phương pháp quản lý, sử dụng đúng, chính xác các biện pháp; giải pháp hoạt động.

Qua quá trình đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã nhận thấy tầm quan trọng của văn hóa trong mọi mặt đời sống và khẳng định “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước”. Chính vì vậy, nguyên tắc đảm bảo thống nhất sự lãnh đạo giữa chính trị tư tưởng và văn hóa sẽ giúp thúc đẩy, tạo cơ hội cho văn hóa phát triển, thực hiện được mục tiêu hoạt động; đồng thời cũng đóng góp sức mình vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng đất nước bước hội nhập quốc tế mạnh mẽ.

3.2.2. Nguyên tắc đảm bảo quyền tập trung dân chủ

Đây là nguyên tắc quan trọng, tạo khả năng kết hợp quản lý một cách khoa học với việc phân cấp quản lý cụ thể, hợp lý từng cấp, từng khâu, từng bộ phận. Nguyên tắc này được thể hiện qua cơ chế tổ chức và qua các hoạt động cụ thể. Tập trung trong quản lý xét trên bình diện vĩ mô, đó là việc điều hành toàn bộ các hoạt động văn hóa - xã hội tập trung vào cơ quan quyền lực cao nhất, đó là cấp Trung ương. Cấp này có nhiệm vụ vạch ra đường lối, phương hướng, mục tiêu tổng quát và đề xuất các giải pháp cơ bản, chủ yếu để tiến hành thực hiện. Các mục tiêu này thường được cụ thể hóa thành các chỉ tiêu phát triển của từng lĩnh vực, hình thành nên các chỉ tiêu chỉ đạo chung của kế hoạch phát triển văn hóa – xã hội trong từng giai đoạn.

Để điều hành, cấp lãnh đạo Trung ương phải có bộ máy chỉ đạo với quyền lực được quy định cụ thể bằng văn bản. Quyền lực thể hiện ở sự phục tùng chấp hành của cấp dưới. Ở cấp cơ sở, nguyên tắc tập trung lãnh đạo được thể hiện thông qua chế độ một thủ trưởng. Người thủ trưởng là người chịu trách nhiệm trước cấp trên cũng như trước tập thể cán bộ, nhân viên toàn đơn vị về hoạt động của tổ chức.

Dân chủ trong quản lý là sự huy động trí lực của mọi người để tiến hành quản lý. Dân chủ được thể hiện ở chỗ: các chỉ tiêu, phương án hành động được đưa ra bàn bạc, thảo luận, kiến nghị các biện pháp trước khi quyết định. Thông qua tổ chức quần chúng, đại chúng đại diện cho mình, người lao động còn tham gia vào việc vạch ra chính sách, chủ trương giám sát, kiểm tra việc thực hiện các phương án đã được quyết định.

Ý kiến dân chủ của quần chúng trong việc xây dựng các phương án, các giải pháp trong lĩnh vực văn hóa có tầm quan trọng đặc biệt đối với vấn đề quản lý. Vì chính quần chúng nhân dân là người thực hiện, người được hưởng lợi từ các chính sách, chủ trương, thiết chế văn hóa công cộng. Vì vậy, tập trung dân chủ được hiểu đầy đủ là “Tự do trong thảo luận, thống nhất trong hành động”. Chỉ có thể thực sự dân chủ nhân dân mới trở thành chủ thể tham gia vào quá trình quản lý, mới phát huy tính tích cực, tiềm năng, khả năng sáng tạo trong hoạt động văn hóa của quần chúng nhân dân. Hiệu lực của quản lý là tùy thuộc vào việc phát huy quyền dân chủ của quần chúng nhân dân.

Tuy nhiên, không phải lúc nào hai nội dung này cũng đồng nhất. Trong thực tế, quá trình thực hiện nguyên tắc này thường dễ làm nảy sinh hai thái cực: Tập trung quan liêu, độc đoán, chuyên quyền; Dân chủ quá trớn, vô chính phủ. Hai thái cực này dẫn đến làm suy yếu hiệu lực quản lý. Trong thực tế, có trường hợp ở đơn vị, địa phương, ban ngành cụ thể cùng lúc xảy ra cả hai thái cực, làm cho môi trường quản lý nhiễu loạn. Vì vậy, người quản lý cần có hiểu biết, quyết đoán để đạt được hiệu quả trong việc thực hiện nguyên tắc.

3.2.3. Nguyên tắc kết hợp các lợi ích kinh tế

Lợi ích kinh tế là quyền lợi được hưởng thụ của người lao động, tập thể sau khi hoàn thành công việc. Nó không chỉ thể hiện bằng giá trị vật chất mà còn thể hiện bằng các giá trị tinh thần. Ba loại lợi ích thực tế mà tổ chức đạt được đó là: Lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể, lợi ích toàn xã hội. Quản lý trong bất kì lĩnh vực nào, kể cả phạm vi các thiết chế văn hóa thì cuối cùng cũng là việc quản lý con người, là cách thức tổ chức nhằm khơi dậy tính sáng tạo, chủ động của con người trong lao động. Con người hoạt động đều xuất phát từ nguyện vọng và nhu cầu nhất định. Lợi ích suy cho cùng là để thỏa mãn nguyện vọng và nhu cầu. Các quan hệ kinh tế - xã hội trong mỗi hình thái xã hội nhất định được biểu hiện thông qua việc thực hiện các lợi ích.

* Lợi ích cá nhân:

Lợi ích cá nhân thể hiện cụ thể bằng các khoản thu nhập bằng tiền mặt, quyền lợi về nhà ở, chữa bệnh, nghỉ ngơi, giải trí, quyền được học tập và các quyền về hưởng thụ văn hóa, tinh thần khác... Những lợi ích đó không chỉ đáp ứng nhu cầu riêng cho bản thân mà cho cả gia đình họ và tái tạo sức lao động.

* Lợi ích tập thể:

Lợi ích doanh nghiệp, cơ quan: Lợi ích được hưởng của tập thể những người lao động như chế độ thù lao cho lao động tại doanh nghiệp, các chế độ cung ứng bảo đảm cho việc tái sản xuất mở rộng tùy thuộc vào tính chất và vị trí của công việc trong nền sản xuất xã hội.

Lợi ích của ngành sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Ngành được phân chia tùy thuộc vào đặc tính kinh tế - kỹ thuật, vai trò, vị trí của nó trong nền sản xuất xã hội. Lợi ích chính sách của từng ngành phải đảm bảo đầy đủ điều kiện kinh tế - kỹ thuật, văn hóa – xã hội cho ngành phát triển đúng với vị trí của ngành trong nền sản xuất xã hội.

Lợi ích địa phương: Mỗi địa phương do đặc điểm riêng của mình, có thể mạnh yếu, trình độ phát triển khác nhau. Vì vậy, đối với từng địa phương cần được tạo điều kiện để phát huy tốt mặt mạnh, khắc phục hạn chế, chênh lệch, xóa dần sự cách biệt giữa các địa phương.

* Lợi ích toàn xã hội:

Gồm các nguồn lực đáp ứng nguyện vọng và nhu cầu chung toàn xã hội mà mọi người, mọi ngành, địa phương đều được hưởng (văn hóa, giáo dục, y tế...).

Việc kết hợp các lợi ích đòi hỏi công tác quản lý phải chú trọng thích đáng từng loại lợi ích trong việc đưa ra nhiệm vụ xây dựng hệ thống chỉ tiêu phát triển, giải quyết cụ thể các công việc như đầu tư, huy động nguồn lực, ngân sách lương thưởng... Thực hiện vận dụng đúng nguyên tắc kết hợp các lợi ích có vị trí quan trọng trong quản lý vì nó đáp ứng các đòi hỏi cụ thể về quyền lợi.

Tuy nhiên, thực tiễn vận dụng nguyên tắc này cũng dễ bộc lộ các hạn chế sau:

- Lãnh đạo, quản lý chỉ quan tâm đến lợi ích tập thể doanh nghiệp, cơ quan còn cá nhân chỉ chăm lo khai thác, vun vén cho lợi ích bản thân mình.

- Lãnh đạo, quản lý đơn vị cơ sở không coi trọng lợi ích xã hội, cục bộ địa phương, đơn vị...

3.2.4. Nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả kinh tế

Tiết kiệm là hạn chế chi phí đến mức tối thiểu mà vẫn bảo đảm được hiệu quả tối đa. Hiệu quả là thước đo kết quả cuối cùng của hoạt động.

Trong sản xuất kinh doanh, tổ chức có thể tiết kiệm về tiền vốn, vật liệu, sức lao động, thời gian... để có thể đem đến những hiệu quả mong muốn hay là đạt mục tiêu hoạt động hàng năm. Hiện nay, các đơn vị tổ chức nhà nước, tư nhân nói chung cũng như các thiết chế văn hóa nói riêng đều gặp phải những khó khăn, thách thức trước nhiều ảnh hưởng mạnh mẽ từ các yếu tố bên ngoài như: chính trị bất ổn, suy thoái kinh tế, vấn đề môi trường, tài nguyên, dịch bệnh... Bởi vậy, việc đưa ra dự báo, xây dựng chính sách, kế hoạch tiết kiệm hàng năm là mục tiêu nên thiết lập.

Mục tiêu tiết kiệm mà tổ chức hướng tới không phải là chính sách “thắt lưng buộc bụng”, “cắt giảm mọi chi tiêu, ngân sách của người lao động” mà việc tiết kiệm này giúp hạn chế được những dư thừa lãng phí mà tổ chức đang làm chưa tốt. Chẳng hạn như tiết kiệm điện, nước, dùng các thiết bị thân thiện môi trường, tiết kiệm chi phí nhân công khi một người kiêm nhiệm thêm việc nhưng vẫn đảm bảo chất lượng, sử dụng máy móc thiết bị công nghệ thay sức người mà năng suất lao động tăng lên...

Hiệu quả này sẽ được đo bằng giá trị, vật phẩm, thời gian, tác động. Giá trị bao hàm cả về vật chất và tinh thần. Trong thực tế, tiết kiệm và hiệu quả luôn đi đôi với nhau tạo nên thước đo để đánh giá kết quả cuối cùng của quản lý. Vì vậy, người quản lý cần có những chính sách cụ thể, thiết thực để thực hiện nguyên tắc hiệu quả.

Vận dụng các nguyên tắc trong quản lý đòi hỏi người quản lý phải nắm vững nội dung, diễn biến và thực chất của nguyên tắc để sáng tạo những hình thức và biện pháp thích hợp tác động vào đối tượng quản lý, đồng thời cũng tự mình tôn trọng và thực hiện đúng các nguyên tắc quản lý.

Trong tình hình quản lý kinh tế – xã hội hiện nay đòi hỏi người quản lý cần phải phân biệt được các loại nguyên tắc, phải tự giác tôn trọng và kiên trì thực hiện các nguyên tắc, mặt khác cũng phát hiện những nguyên tắc lỗi thời, trái với quy luật để đấu tranh loại bỏ dần, tạo cho các nguyên tắc ngày càng phù hợp với quy luật khách quan và phù hợp với đối tượng quản lý.

3.3. MỘT SỐ MÔ HÌNH CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA

Cơ cấu tổ chức quản lý là một phạm trù của khoa học quản lý, thể hiện sự thống nhất của các cấp, các khâu quản lý. Do vậy, cơ cấu tổ chức quản lý có thể được biểu hiện là tổng hợp các bộ phận, các đơn vị và cá nhân khác nhau, có mối liên hệ và quan hệ phụ thuộc lẫn nhau, được chuyên môn hóa và có nhiệm vụ, quyền hạn nhất định được bố trí theo những cấp khác nhau và những khâu khác nhau nhằm thực hiện các chức năng quản lý đạt tới mục tiêu chung.

Cơ cấu tổ chức bền vững là cơ cấu tổ chức tồn tại trong một thời gian dài, gắn liền với giai đoạn chiến lược của tổ chức. Còn tổ chức tạm thời được hình thành nhằm triển khai các kế hoạch tác nghiệp của tổ chức, chẳng hạn như cơ cấu gắn với việc thực hiện các chương trình, dự án và kế hoạch tác nghiệp có mục tiêu mang tính độc lập.

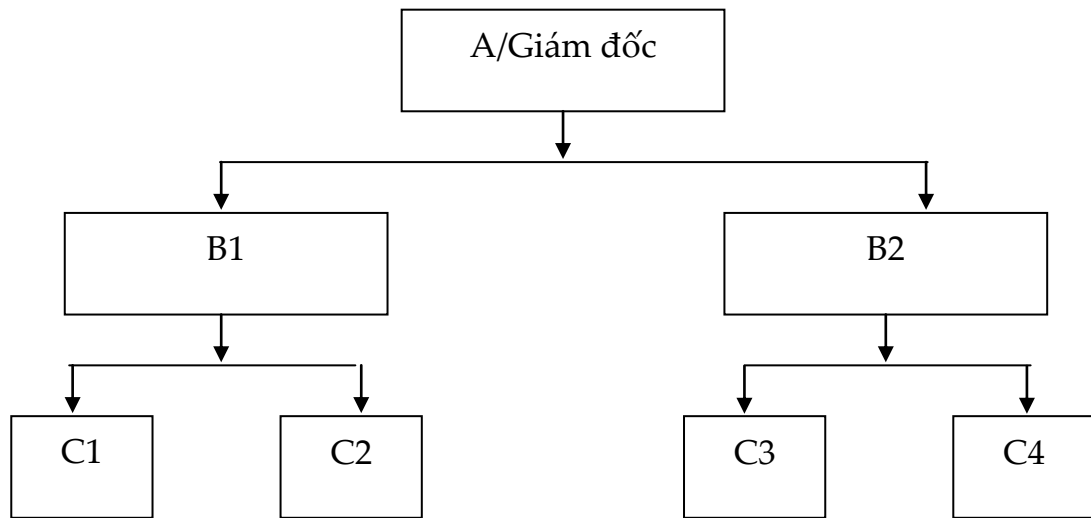
Mỗi một cơ cấu tổ chức quản lý đều có 2 mối quan hệ cơ bản đó là: Mối quan hệ ngang và mối quan hệ dọc.

Theo quan hệ ngang: Cơ cấu tổ chức quản lý chia thành các khâu quản lý khác nhau. Khâu quản lý là một cơ quan độc lập thực hiện một số chức năng hay một phần chức năng quản lý nhất định và chịu sự lãnh đạo của một cấp quản lý nhất định. Giữa các khâu là quan hệ hợp tác trong sự phân công lao động.

Theo quan hệ dọc: Cơ cấu tổ chức quản lý được chia thành các cấp quản lý. Cấp quản lý là một thể thống nhất các khâu quản lý ở cùng một bậc trong hệ thống cấp bậc quản lý. Ví dụ như: Cấp cao có Tổng giám đốc; Phó tổng giám đốc, Giám đốc...; Cấp trung có các Trưởng, phó phòng, quản đốc...; Cấp cơ sở từ tổ trưởng trở xuống.

Dựa trên những nghiên cứu và thực tế công tác quản lý thiết chế hiện nay có thể đưa ra 4 mô hình cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý đang vận dụng.

a) Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý theo trực tuyến



Hình 3.1. Cơ cấu bộ máy quản lý trực tuyến

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý theo trực tuyến là cơ cấu đơn giản nhất, phạm vi quản lý ở tầm vi mô một cơ quan, đơn vị cụ thể; ở mô hình này bao gồm trên là ban giám đốc dưới là các đơn vị chức năng, dưới đơn vị chức năng là các đơn vị thực hiện.

Toàn bộ sự lãnh đạo, chỉ đạo theo những trục đường thẳng, trực tiếp từ giám đốc xuống các đơn chức năng và các đơn vị thực hiện. Đối với mô hình này, người giám đốc thực hiện tất cả các chức năng quản lý, toàn quyền và chịu trách nhiệm hoàn toàn hiệu quả trong cơ quan đơn vị trước cấp trên và cấp dưới.

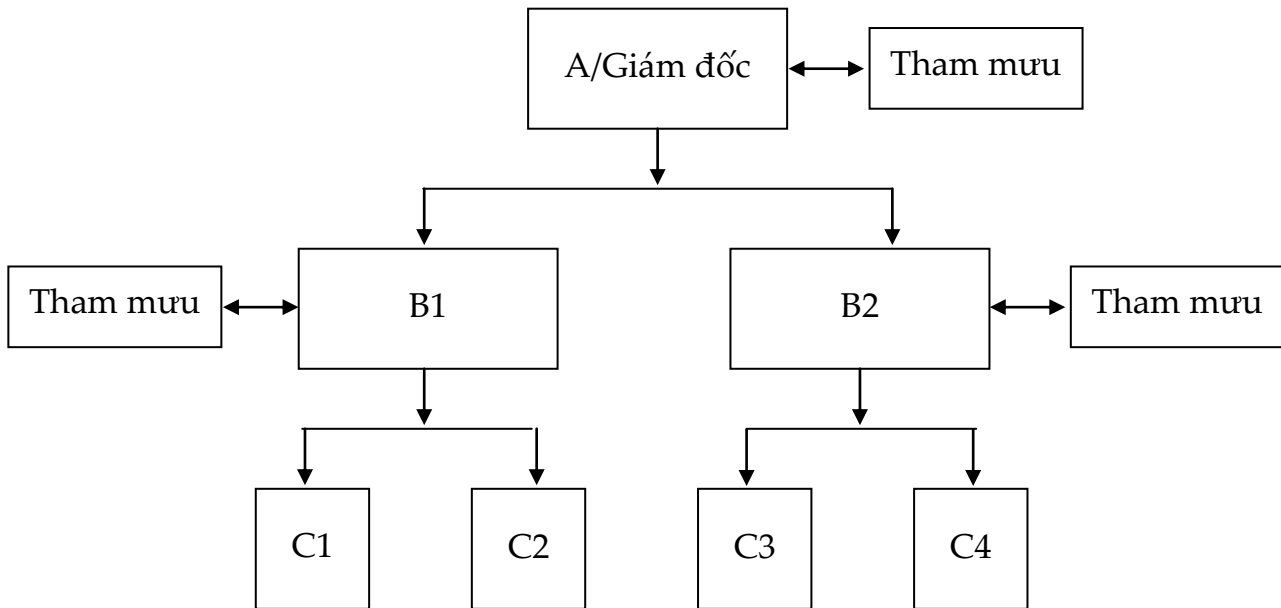
Vì vậy tiêu chuẩn yêu cầu người giám đốc phải có kiến thức toàn năng và năng lực quyết đoán, cơ chế quản lý thực thi chế độ thủ trưởng và xây dựng phương án chịu trách nhiệm trước cấp trên và cấp dưới. Đối với mô hình quản lý trực tuyến, có thể thấy được một số ưu điểm và hạn chế sau:

Ưu điểm: Thông tin, chỉ đạo công việc được truyền đi theo chiều dọc, đảm bảo nhanh chóng, chính xác, kịp thời. Cán bộ quản lý sát sao được toàn bộ nhân viên.

Hạn chế: Gây khó khăn cho người quản lý khi phải chỉ đạo tất cả các bộ phận chuyên môn. Đòi hỏi người quản lý phải có kiến thức, chuyên môn, kỹ năng toàn diện.

Mô hình này hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của các thiết chế văn hóa cấp quận, huyện, xã phường với quy mô vừa và nhỏ.

b) Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý theo trực tuyến - tham mưu



Hình 3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý trực tuyến – tham mưu

Trong quá phát triển, đối tượng quản lý, nhiệm vụ và mục tiêu quản lý cũng trở nên đa dạng và phức tạp. Người lãnh đạo, giám đốc không thể có kiến thức toàn năng để quản lí vận hành, có thể chuyển sang mô hình cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý theo trực tuyến - tham mưu, cơ cấu này ban giám đốc, các đơn vị chức năng; có thêm bộ phận tham mưu.

Bộ phận tham mưu có thể là một người, có thể là nhiều người nhưng phải là những chuyên gia giỏi đứng đầu các lĩnh vực chuyên môn có nhiệm vụ tư vấn, trợ lý, tham mưu và giúp việc cho lãnh đạo. Sự lãnh đạo, cơ chế quản lý vẫn thực hiện giống như cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý theo trực tuyến, riêng các cấp lãnh đạo phải chia, dành thời gian tra dồi làm việc với các bộ phận tham mưu.

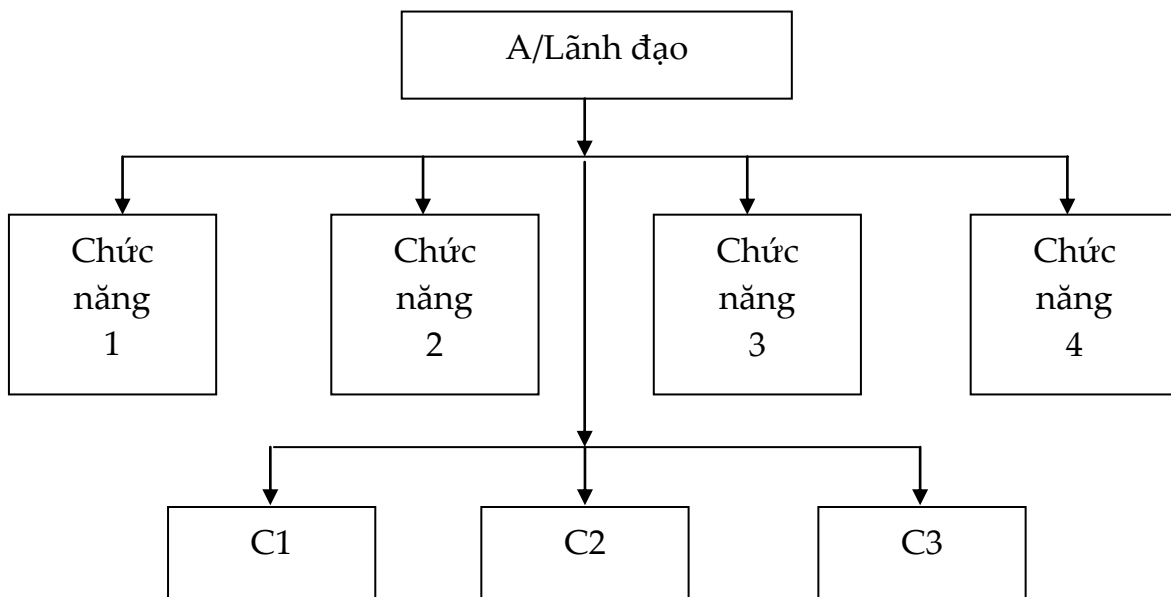
Đối với mô hình quản lý trực tuyến tham mưu, có thể thấy được một số ưu điểm và hạn chế sau:

Ưu điểm: Thông tin, chỉ đạo công việc được truyền đi theo chiều dọc, đảm bảo nhanh chóng, chính xác, kịp thời. Cán bộ quản lý sát sao được toàn bộ nhân viên. Bộ phận tham mưu hỗ trợ tích cực, hiệu quả về công việc cho tổ chức.

Hạn chế: Gây khó khăn cho người quản lý khi phải chỉ đạo tất cả các bộ phận chuyên môn. Đôi khi ý kiến chuyên gia và ý kiến ban giám đốc không đồng nhất, gây mâu thuẫn. Tốn kém một phần kinh phí chi trả cho chuyên gia.

Mô hình này được áp dụng phổ biến trong các lực lượng vũ trang và rất phù hợp với các đơn vị hoạt động kinh tế, các đơn vị sự nghiệp có thu như các thiết chế văn hóa, cấp tỉnh, thành phố và các quận ở nước hiện nay.

c) Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý theo chức năng



Hình 3.3. Cơ cấu bộ máy quản lý theo chức năng

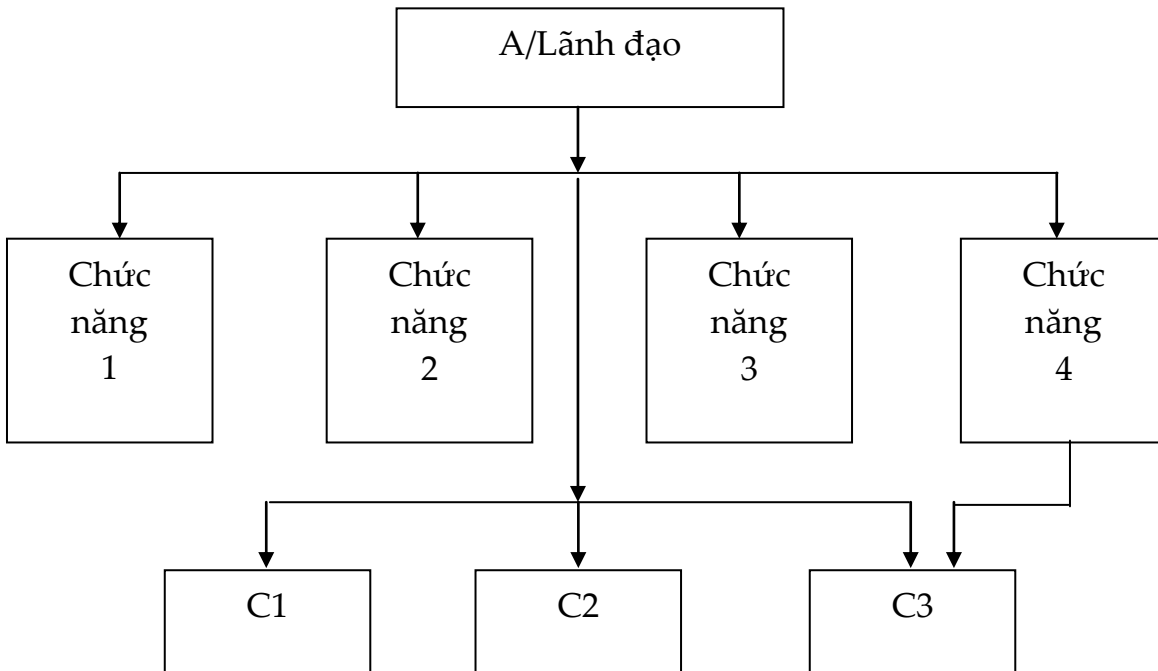
Khi khối lượng công việc, nhiệm vụ, công tác quản lý nhiều và ở phạm vi rộng lớn, người quản lý không thể trực tiếp làm việc với đối tượng quản lý thì các nhiệm vụ quản lý được chia cho các đơn vị riêng biệt theo chức năng mang tính chuyên môn hóa. Nghĩa là trong công tác quản lý, người lãnh đạo làm việc với các đơn vị thực hiện thông qua các đơn vị chức năng, mô hình này áp dụng ở tầm quản lý vĩ mô và trong quản lý xã hội.

Ưu điểm: Cơ cấu tổ chức này cũng đơn giản, rõ ràng, logic. Phát huy được tính chuyên môn hóa của các bộ phận, giảm sự trùng lặp trong hoạt động. Chú trọng đến tiêu chuẩn nghề nghiệp.

Hạn chế: Cơ cấu này thường dẫn đến mâu thuẫn giữa các đơn vị chức năng khi đề ra mục tiêu và phương thức hoạt động. Mâu thuẫn giữa các đơn vị

chức năng trong quá trình phối hợp làm việc. Chuyên môn hóa cao cũng có thể dẫn tới cách nhìn hạn hẹp ở các nhà quản lý.

d) Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý theo trực tuyến chức năng



Hình 3.4. Cơ cấu bộ máy quản lý trực tuyến - chức năng

Để khắc phục bớt hạn chế của mô hình cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý theo chức năng, phát huy tính linh hoạt, sự lãnh đạo chỉ đạo mang tính kịp thời, có thể chuyển sang cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý theo trực tuyến chức năng. Nghĩa là người lãnh đạo có thể trao quyền cho một số các đơn vị chức năng được phép lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp một số đơn vị thực hiện, cơ cấu này vẫn ở cấp độ quản lý tầm vĩ mô, quản lý xã hội và được áp dụng tương đối phổ biến ở nước ta hiện nay.

Nói chung, mô hình trên có nhiều ưu điểm và được sử dụng rộng rãi trong hầu hết các bộ máy quản lý nhà nước hiện nay. Tuy nhiên, cũng cần đánh giá cụ thể về ưu điểm và hạn chế của nó để khi áp dụng, các nhà quản lý sẽ nghiên cứu và tránh được những rủi ro phát sinh trong quá trình thực hiện.

Ưu điểm: Mô hình phát huy được toàn bộ ưu điểm của cơ cấu trực tuyến trong việc phân quyền để chỉ huy kịp thời, và chuyên sâu nghiệp vụ theo cơ cấu chức năng.

Hạn chế: Mô hình phát sinh nhiều ý kiến tham mưu, đề xuất khác nhau, không thống nhất giữa các bộ phận, có thể xung đột.

Trên đây là 4 mô hình cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, để quản lý các thiết chế văn hóa nên nghiên cứu cụ thể và hiểu được điểm mạnh, điểm yếu trong cơ cấu tổ chức để áp dụng vào công tác quản lý ở địa phương. Muốn quản lý tốt các thiết chế văn hóa thì việc kiện toàn và hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý là điều kiện tiên quyết. Vì vậy, một số yêu cầu đặt ra khi xây dựng cơ cấu tổ chức cần lưu ý:

- + Phải dựa trên và phụ thuộc tùy theo chức năng, nhiệm vụ, chuyên môn của cơ quan, đơn vị và của từng phòng, ban, bộ phận.

- + Định rõ số lượng biên chế của từng bộ phận, ban, phòng và cơ quan.

- + Xác định xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với mô hình nào áp dụng để có thể vận hành tốt các hoạt động.

Sự kiện toàn tổ chức, hoàn thiện bộ máy quản lý là nhân tố quyết định của hiệu lực quản lý ở các thiết chế văn hóa.

3.4. PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA

Phương pháp quản lý là cách thức mà chủ thể quản lý sử dụng để tác động có mục đích đến đối tượng quản lý nhằm thực hiện quyết định của mình.

Để tiến hành quản lý các hoạt động văn hóa, phương pháp quản lý đòi hỏi phải phù hợp với các chức năng, nhiệm vụ và nguyên tắc của từng thiết chế văn hóa, phù hợp với khả năng, trình độ và điều kiện của từng thiết chế văn hóa theo sự phân cấp trong hệ thống. Phương pháp quản lý cũng đòi hỏi sự vận dụng các quy luật khách quan của sự vận hành và phát triển văn hóa, trong mối liên hệ tác động qua lại giữa chủ thể quản lý và đối tượng quản lý. Mối quan hệ phức tạp đó có thể phân ra những phương pháp khác nhau tùy cơ chế tác động của quản lý vào đối tượng quản lý làm cho các hoạt động có tính tự giác, khoa học và hiệu quả cao, phương pháp quản lý các thiết chế văn hóa gồm:

3.4.1. Phương pháp hành chính

Phương pháp hành chính là cách thức tác động trực tiếp của chủ thể quản lý tới đối tượng quản lý bằng những quyết định dứt khoát.

Ăngghen viết: “Một bên là phải có quyền uy nhất định, không kể quyền uy đó được tạo lập bằng cách nào và một bên phải có sự phục tùng nhất định”.

Phương pháp hành chính là cần thiết đối với bất kỳ quá trình quản lý nào, không những nó có ý nghĩa độc lập mà còn là khâu liên hệ đến tiến hành các phương pháp khác. Phương pháp hành chính thể hiện ở các hình thức: văn bản, thể chế, điều lệ, quy định, chỉ thị, tiêu chuẩn... của chủ thể quản lý đến với đối tượng quản lý. Nội dung của phương pháp hành chính tác động tới đối tượng quản lý thường; theo 2 hướng chủ yếu:

- Tác động về mặt tổ chức: chủ thể quản lý ban hành quy định, điều lệ, chế độ, tiêu chuẩn... để thiết lập cơ cấu tổ chức và xác định các mối quan hệ trong đối tượng quản lý.

- Tác động theo hướng điều chỉnh các hoạt động: chủ thể quản lý ra mệnh lệnh, chỉ thị nhằm đưa các hoạt động đúng hướng, uốn nắn sai lệch.

Đặc điểm của phương pháp hành chính là sự tác động bắt buộc, trực tiếp, định rõ trách nhiệm với người chấp hành. Vì vậy, phương pháp hành chính yêu cầu rất chặt chẽ:

- Phải nắm vững yêu cầu của các quy luật khách quan chi phối sự phát triển của đối tượng quản lý.

- Phải nắm vững tình hình cụ thể và phải có những thông tin đầy đủ cho các quyết định quản lý trên cơ sở thực tiễn.

Phương pháp hành chính trong quản lý các thiết chế văn hóa thể hiện trên ba phương diện:

- Tăng cường hiệu lực quản lý hành chính pháp chế, trước hết là quyền lực quản lý của Giám đốc cơ quan, khi đã ký hợp đồng dưới nhiều hình thức với Nhà nước hoặc các tổ chức đoàn thể xã hội. Giám đốc phải có chương trình và kế hoạch hoạt động chương trình kế hoạch được bộ máy tham mưu soạn thảo, tập thể góp ý và thông qua. Sau đó mỗi mệnh lệnh của giám đốc có giá trị pháp lệnh. Muốn vậy, khi giao việc cho các phòng, ban, bộ phận và cá nhân, giám đốc phải tuân thủ các thủ tục hành chính rõ ràng rành mạch, có quyết định, có hợp đồng, làm cơ sở pháp lý để kiểm tra, nghiệm thu và bình xét thưởng phạt.

- Tập trung quyền hạn và trách nhiệm pháp lý cho giám đốc cơ quan, có toàn quyền quyết định và chủ động công việc. Tổ chức các hoạt động, các biện pháp hoạt động nghiệp vụ, tổ chức hoạt động kinh doanh dịch vụ đúng hướng, nhằm duy trì, phát triển sự nghiệp xây dựng đời sống văn hóa, đảm bảo đồng vốn, thu lãi tạo công ăn việc làm và thu nhập hợp lý, thỏa đáng minh bạch trong cơ quan.

- Đảm bảo nguyên tắc thống nhất thực hiện kế hoạch, triển khai tổ chức các hoạt động: hạch toán kinh tế, hợp đồng công việc. Giám đốc ký khế ước với Nhà nước và hội nghị công nhân viên chức, tất cả các thành viên ký hợp đồng với giám đốc về công việc và thỏa thuận mức lương, các chế độ bảo hiểm. Chế độ thưởng phạt, giám đốc phải căn cứ vào hiệu quả công việc được thực thi trong hợp đồng.

Để thực hiện được như vậy việc tăng cường vận dụng các văn bản, pháp quy luật lệ Nhà nước và địa phương trong thực tế phải rõ ràng chặt chẽ.

3.4.2. Phương pháp giáo dục

Phương pháp giáo dục là công thức tác động về lĩnh vực tinh thần đối với đối tượng quản lý, nhằm thuyết phục, động viên để hoạt động đạt tới những hiệu quả nhất định.

Đối tượng quản lý là những thành viên của một tổ chức, đại biểu cho lợi ích của xã hội. Vì vậy, phương pháp giáo dục của quản lý đòi hỏi phải xem xét tất cả các yếu tố như: chính trị, tư tưởng, tình cảm một cách tinh tế, đồng thời phải quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần, điều kiện, hoàn cảnh của mỗi thành viên, để lựa chọn các hình thức và biện pháp tác động, để đối tượng quản lý tự giác tham gia vào quá trình hoạt động, phát huy tính tích cực, tính chủ động và khả năng sáng tạo của họ. Phương pháp giáo dục yêu cầu, việc giáo dục chính trị tư tưởng phải gắn liền với nội dung, quyền lợi thiết thực để họ hiểu biết quản lý, hoạt động có tổ chức, có kỷ luật, xây dựng tính tự giác, nếp nghĩ, cách làm mới.

Phương pháp giáo dục đòi hỏi cũng phải chú ý tới yếu tố tâm lý và dư luận xã hội của các hoạt động thể hiện ở sự lựa chọn cơ cấu tổ chức, sự bổ nhiệm, đề bạt, chế độ thưởng phạt... Xây dựng, bồi dưỡng và tạo ra môi trường trong sạch, lành mạnh gây hứng thú trong hoạt động.

Chúng ta đều nhận thấy, chức năng cơ bản và đầu tiên của các thiết chế văn hóa là chức năng giáo dục, thông qua việc tổ chức các hoạt động, nhằm thu hút quần chúng nhân dân tham gia sinh hoạt nhằm nâng cao nhận thức, tuyên truyền cổ động giáo dục chính trị tư tưởng, xây dựng và hoàn thiện nhân cách văn hóa, đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí của nhân dân. Phương pháp giáo dục được thể hiện ngay trong các hình thức tổ chức và nội dung hoạt động. Sự bố trí đan kết nhiều loại hình, loại thể, nhiều hình thức nội dung, phương pháp, phương tiện, tạo ra sự phong phú đa dạng sinh động và hấp dẫn thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia hoạt động thực hiện nguyên lý giáo dục và tự giáo dục. Đó chính là biện pháp thực hiện phương pháp giáo dục trong quản lý của các thiết chế văn hóa.

3.4.3. Phương pháp kinh tế

Phương pháp kinh tế là phương pháp tác động dựa trên cơ sở dụng các đòn bẩy kinh tế tác động vào lợi ích cán bộ công nhân viên, làm cho họ quan tâm và có trách nhiệm về những kết quả, quyết định của mình trong quá trình công tác và tổ chức hoạt động. Hướng họ vào việc giải quyết các nhiệm vụ của kế hoạch một cách tích cực, linh hoạt, sáng tạo, mà không cần có sự tác động của cấp trên về mặt hành chính.

Nội dung của phương pháp kinh tế là sự tác động có mục đích đến lợi ích kinh tế, đến mức sống thu nhập của từng cán bộ công nhân viên, do vậy sự tác động của phương pháp kinh tế mang tính chất gián tiếp. Việc áp dụng phương pháp kinh tế trong quá trình quản lý văn hóa, quản lý hoạt động của các thiết chế văn hóa phải được vận dụng một cách khéo léo, phải xuất phát từ tính chất, đặc điểm của từng biện pháp, từng khâu công tác và phải đảm bảo trạng thái cân bằng, ổn định của định mức công tác, lượng hóa các chỉ tiêu của từng dạng hoạt động theo kế hoạch đã đề ra. Một trong những phương pháp kinh tế chủ yếu của quản lý là hạch toán kinh tế theo hiệu quả kinh tế và văn hóa.

Phương pháp kinh tế trong quản lý các thiết chế văn hóa được thể hiện trên hai phương diện:

- Đối với công chúng (khách hàng): tức là đối tượng phục vụ, mọi biện pháp kinh tế nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tạo ra được số đông người tham gia (người mua), để tiêu thụ hàng loạt các sản phẩm (các hoạt động). Rõ ràng cùng một hoạt động với hàng vạn người tham dự thì sẽ thu gấp

nhiều lần so với hàng ngàn người tham dự. Một hoạt động có thể quay vòng nhanh tốt hơn nhiều so với hoạt động chỉ diễn ra một lần là hết khách. Do vậy, phải tính sát, phải khảo sát, điều tra thăm dò sở thích, thị hiếu, phân tích nhu cầu thị trường để phân loại:

- + Loại tổ chức hoạt động cho số đông đối tượng tham gia.
- + Loại tổ chức hoạt động cho đối tượng chọn lọc.
- + Loại tổ chức hoạt động thường xuyên, liên tục quay vòng nhanh.
- + Loại tổ chức hoạt động mang tính đại chúng, phục vụ chính trị, giáo dục tư tưởng.

Có như vậy mới thu hút được công chúng, mang lại hiệu quả cả về kinh tế và văn hóa.

- Đối với nội bộ cơ quan: các biện pháp kinh tế trong quản lý lao động, xét đến cùng là lấy thu nhập đồng tiền làm thước đo giá trị sức lao động. Muốn vậy trước hết phải lượng hóa sức lao động thành vụ việc cụ thể, có hạch toán đầu vào, đầu ra, chi phí giá thành, công lao động... Mỗi thành viên ký hợp đồng với giám đốc về phần việc của mình và mức thu nhập theo định mức lao động, lấy đó làm cơ sở pháp lý, để nghiệm thu và bình xét thưởng phạt. Ví dụ định mức của một trưởng phòng:

- + Phần việc (a, b, c, d).
- + Thời gian cho từng việc (số giờ/số ngày, số tháng).
- + Chi phí lao động kỹ thuật (xây dựng kế hoạch, dự án, biên tập, dàn dựng, đạo diễn chương trình văn hóa nghệ thuật, thể thao).
- + Chi phí lao động phổ thông (lao động chân tay).
- + Chi phí đầu tư, tài chính, vật tư, nguyên liệu.
- + Thành phẩm cụ thể a, b, c, d.
- + Chất lượng thành phẩm, phân loại, đánh giá.

Bảng tổng hợp này là công khai, mọi người biết việc của nhau, tự giám sát và thi đua với nhau. Đã đến lúc nên xóa bỏ tình trạng chức vụ, cấp bậc được coi là lộc trời cho, như một thứ tước vị suốt đời. Khẩu hiệu "lao động là vinh quang" chỉ có ý nghĩa đích thực khi sức lao động thực sự là hàng hóa mà người

lao động được tự do ký hợp đồng thỏa thuận trên thị trường. Mọi thứ thu nhập đều phải xuất phát từ giá trị sức lao động. Nó được tôn trọng theo nghĩa trả đúng giá, không độc quyền ép giá và sa thải. Nó được bảo vệ bằng pháp luật và sự hỗ trợ bằng tiếng nói tập thể của hiệp hội những người lao động do họ đề ra và nuôi dưỡng. Chỉ khi đó thu nhập mới trở thành thước đo giá trị của mỗi người, chứ không phải là niềm vui vụng trộm của một nhóm người này và là sự uất hận của nhóm người kia.

3.4.4. Phương pháp tâm lý

Quản lý văn hóa, quản lý hoạt động văn hóa là một quá trình phức tạp, do đó cần có quan điểm tổng thể để kết hợp đúng đắn giữa các phương pháp quản lý. Bởi lẽ mỗi một phương pháp, bên cạnh những ưu điểm lại có những hạn chế nhất định, cho nên không đối lập và tách rời giữa các phương pháp. Trên thực tế, các phương pháp: hành chính, giáo dục, kinh tế, có mối quan hệ biện chứng và được tiến hành trên cơ sở phương pháp luận thống nhất, thể hiện sự vận dụng trong quá trình quản lý, đồng thời phải kết hợp, các yếu tố, các tri thức tâm lý học, khoa học xã hội và sử dụng tối đa hệ thống các công cụ trong quá trình quản lý, bởi quản lý là một khoa học song cũng là một nghệ thuật quản lý.

Phương pháp tâm lý tổng hợp trong quản lý các thiết chế văn hóa được biểu hiện trên hai phương diện:

Đối với công chúng, phải nắm vững tâm lý đối tượng phục vụ, tâm lý cử tọa. Có thể nói, họ đến sinh hoạt văn hóa trong thời gian rỗi nhằm thỏa mãn các nhu cầu tâm sinh lý. Nếu lấy mục đích là học tập, nâng cao tri thức thì họ đến trường, phục vụ nghỉ ngơi thuần túy thì họ đến công viên. Mục đích đến các thiết chế văn hóa của công chúng là muốn hoạt động giao tiếp văn hóa, nhằm thỏa mãn các nhu cầu đón nhận, trao đổi, và xử lý thông tin, nhu cầu tự thể hiện mình của mỗi người. Vì vậy, các thiết chế văn hóa phải luôn đặt câu hỏi: họ cần gì? Đáp ứng bằng cách nào? Như thế nào là phù hợp nhất. Tất cả các phương pháp, biện pháp tổ chức hoạt động về nội dung và hình thức, phải lấy tiêu chuẩn cái mới, cái đẹp làm mục đích. Một trong những phương pháp cơ bản trong nghệ thuật tổ chức quản lý là phải tạo mọi cơ hội để làm công chúng cảm thấy họ được tôn trọng. Điều này đòi hỏi ở hàng loạt các biện pháp tỉ mỉ. Từ nhân viên tiếp đón, người trông giữ các phương tiện giao thông, người

hướng dẫn, chủ tọa, từ cách nói, ăn mặc trang phục đến các hình thức tổ chức và nội dung hoạt động.

Trong nội bộ cơ quan, đối với người lao động nói chung, đặc biệt đối với người lao động trên lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, thì bao giờ danh dự cũng cao hơn đồng tiền. Lao động trên lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, đòi hỏi sự đánh giá phức tạp và tế nhị hơn nhiều. Người lao động sẵn sàng nhận tiền thù lao chưa thật tương xứng, nhưng sẽ vui lòng, nếu người lãnh đạo hiểu đúng và ghi nhận những sáng kiến, sáng tạo. những đóng góp cá nhân của họ. Vì vậy, hơn bất kỳ lĩnh vực nào khác, trong lao động văn hóa nghệ thuật đòi hỏi cao ở phương pháp tâm lý và tế nhị. Tôn trọng người khác, tôn trọng công việc và sức lao động của họ là một yêu cầu bắt buộc trong quan hệ công tác. Mỗi con người đều có mặt mạnh mặt yếu, mặt ưu mặt nhược điểm. Khai thác mặt mạnh luôn chú ý tới mặt ưu điểm là hạn chế mặt yếu mặt nhược điểm của họ. Con người dù ở cương vị nào cũng thích cần được khen ngợi động viên, nhưng phải biết khen đúng việc, đúng lúc, đúng hoàn cảnh. Phê bình cũng vậy, ngôn ngữ, thái độ, động cơ và mục đích phê bình phải trong sáng và nhân ái. Mặt khác không khí dân chủ trong cơ quan phải gắn liền với kỷ cương phép tắc, một cơ quan làm việc tốt phải biết phân biệt quan hệ tự do ngoài giờ làm việc và quan hệ chức năng trong giờ làm việc. Phải nghiêm túc trong quan hệ chức năng, trên dưới rõ ràng, chỉ thị mệnh lệnh phải phân minh, tác phong, ngôn ngữ giao tiếp phải đúng mực. Tất cả những điều đó sẽ tạo cho cơ quan không khí, tinh thần làm việc lành mạnh và tăng thêm hiệu suất công tác.

3.5. CÁC HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ THIẾT CHẾ VĂN HÓA TẠI CƠ SỞ

3.5.1. Quy trình quản lý thiết chế văn hóa

a) Bước 1. Xây dựng và phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm:

Căn cứ xây dựng kế hoạch: Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch công tác năm trước; yêu cầu phục vụ các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa-xã hội; các nguồn lực thực hiện phong trào và sự phát triển nhu cầu sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và vui chơi giải trí của các tầng lớp nhân dân.

* *Nội dung của kế hoạch bao gồm:*

1. Nêu rõ mục đích, yêu cầu.

2. Xây dựng các mục tiêu, trong đó có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể.

3. Đưa ra các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện:

- Nhiệm vụ:

+ Hoàn thiện xây mới, nâng cấp sửa chữa các thiết chế văn hóa, thể thao còn thiếu, chưa đủ diện tích hoặc bị hư hỏng xuống cấp;

+ Ban hành các văn bản hướng dẫn công tác tổ chức hoạt động tại các thiết chế văn hóa, thể thao;

+ Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ văn hóa, thể thao chuyên trách và không chuyên trách tại các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp;

+ Tăng cường công tác thanh kiểm tra hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao...

- Giải pháp:

+ Ban hành các cơ chế chính sách phù hợp để phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tại địa phương;

+ Đẩy mạnh công tác xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể thao;

+ Tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực văn hóa, thể thao;

+ Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về văn hóa, thể thao; phối hợp với Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa...

+ Nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động tại các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp...

4. Tổ chức thực hiện

5. Kinh phí thực hiện

** Phương thức xây dựng và phê duyệt kế hoạch:*

- Các Sở, Phòng, Ban văn hóa xây dựng dự thảo kế hoạch.

- Lấy ý kiến cán bộ, cộng tác viên, các ngành, đoàn thể, tổ chức có liên quan.

- Hoàn thiện dự thảo kế hoạch, trình Ủy ban nhân dân các cấp phê duyệt kèm theo dự toán kinh phí thực hiện.

b) Bước 2: Chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động

Xây dựng chương trình, kế hoạch chi tiết tổ chức thực hiện từng nội dung trong kế hoạch công tác được phê duyệt.

Biên soạn các tài liệu nghiệp vụ, thực hiện các nội dung kế hoạch hoạt động như:

- Tài liệu thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông.
- Kịch bản tổ chức các sự kiện, các hoạt động cụ thể.
- Chương trình biểu diễn văn nghệ quần chúng và thi đấu các môn thể thao.
- Chương trình học tập cộng đồng (theo nội dung, cấp học, phương thức học và đối tượng học).
- Chương trình tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ văn hóa, thể thao.
- Chương trình sinh hoạt các câu lạc bộ theo chủ đề.

c) Bước 3: Thực hiện chế độ báo cáo và kiểm tra

Báo cáo thống kê đầy đủ, cụ thể, chi tiết các số liệu về kết quả hoạt động.

Các Sở, phòng, ban văn hóa báo cáo tình hình hoạt động 6 tháng cho cấp quản lý.

Đơn vị quản lý thiết chế văn hóa hàng năm có các cuộc kiểm tra, làm việc, nghe báo cáo và kiến nghị của đơn vị thuộc cấp mình quản lý.

3.5.2. Các hoạt động cụ thể

3.5.2.1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Theo hệ thống ngành dọc, hoạt động quản lý thiết chế sẽ thực hiện chỉ đạo công việc theo 4 cấp từ Trung ương, xuống cấp tỉnh, cấp huyện, đến cấp xã. Bộ VH, TT & DL sẽ thực hiện quyền quản lý chung tất cả các hoạt động VH, TT & DL trong cả nước; Sở VH, TT & DL thực hiện quyền quản lý nhà nước đối với các thiết chế VH trực thuộc Sở (Bảo tàng, Thư viện, Nhà văn hóa, Trung tâm văn hóa, Nhà thi đấu...); Phòng VH, TT thực hiện quyền quản lý nhà nước đối với các thiết chế VH trực thuộc huyện (Thư viện, Nhà văn hóa, Trung tâm văn hóa, Sân bóng...); Ban Văn hóa xã sẽ thực hiện quyền quản lý nhà nước đối với các thiết chế VH trực thuộc xã (Nhà văn hóa, sân bóng, trung tâm văn hóa xã...).

Với hệ thống trên, bộ máy quản lý các thiết chế văn hóa các cấp sẽ thực hiện công tác chỉ đạo, tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật đồng

thời xây dựng, quản lý và tổ chức hoạt động của các thiết chế văn hóa tại cơ sở. Một số chủ trương, đường lối, văn bản, chỉ đạo cụ thể đối với hoạt động quản lý thiết chế thường sử dụng như :

Nghị quyết Trung ương 5 khóa 8 năm 1998 “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” [22]. Đây là một nghị quyết mẫu mực, đường coi như cẩm nang hoạt động của các cán bộ quản lý văn hóa. Và hiện nay nó vẫn còn nguyên giá trị và được đề cập sử dụng trong các hoạt động quản lý.

Tiếp nối hiệu quả, thành công của nghị quyết Trung ương 5 khóa 8 là Nghị quyết Trung ương 9 khóa 11 năm 2014 “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” [23]. Văn bản này cũng nhận được sự ủng hộ, đồng tình mạnh mẽ từ nhân dân vì Nghị quyết được xây dựng trên căn cứ vào tình hình thực tiễn của đất nước. Đó là việc Việt Nam đang trên con đường phát triển, hội nhập kinh tế ra thế giới vô cùng mạnh mẽ, nhưng yếu tố văn hóa vẫn luôn là bản sắc cốt lõi để Việt Nam tiến ra biển lớn, tạo nên thương hiệu, hình ảnh Việt Nam độc đáo, nhân văn, giá trị trong mắt bạn bè quốc tế.

Quyết định số 2164 ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030” [24]. Quyết định số 2563 ngày 03 tháng 8 năm 2015 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt “Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao ở nông thôn” [25]. Các quyết định trên cho thấy sự quan tâm mạnh mẽ của Thủ tướng chính phủ cho việc đầu tư phát triển văn hóa, đồng thời được chia thành các giai đoạn cụ thể, trọng tâm, trọng điểm.

Thông tư liên tịch 43 ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Bộ VHTTDL và Bộ Nội vụ về “Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc ủy ban nhân dân cấp huyện” [26]. Thông tư 01 ngày 26 tháng 02 năm 2010 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch về “Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của tổ chức sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương” [27]. Thông tư liên tịch 07 ngày 14 tháng 9 năm 2015 của

Bộ VHTTDL và Bộ Nội vụ về “Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh” [28].

Từ những văn bản của cấp trên, các đơn vị cơ sở sẽ cụ thể hóa thành các kế hoạch, quyết định, quy định, hướng dẫn ...để thực hiện. Ví dụ như: Ủy ban tỉnh sẽ ban hành văn bản yêu cầu các Sở VHTTDL, UBND các huyện, thị, xã, thành phố xây dựng Kế hoạch quản lý và tổ chức hoạt động, các thiết chế văn hóa, thể thao; Ủy ban nhân dân thành phố sẽ ban hành “Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm văn hóa”; Trung tâm văn hóa xây dựng kế hoạch hoạt động, các chương trình cụ thể trình Sở VHTTDL, phòng VHTT...

3.5.2.2. Quản lý về tài chính và cơ sở vật chất

Căn cứ các quyết định, chỉ thị, thông tư hướng dẫn... của các bộ, ban, ngành. Căn cứ các kế hoạch, quyết định, đề án... quản lý, phát triển văn hóa thì cán bộ lãnh đạo, cơ quan quản lý thiết chế văn hóa sẽ xây dựng các quy chế chi tiêu nội bộ, các kế hoạch, đề nghị, tiêu chí trang sắm và vận hành, bảo quản cơ sở vật chất của đơn vị.

Việc xây dựng một thiết chế văn hóa tại địa phương cần đảm bảo yêu cầu các tiêu chí về diện tích đất, quy mô, trang thiết bị, kinh phí hoạt động. Nếu tổ chức đề nghị xây dựng, sửa chữa, trang sắm nhưng không đáp ứng các yêu cầu cơ sở vật chất sẽ không đủ điều kiện, môi trường làm việc và không được cấp phép đưa vào hoạt động. Ví dụ như Thông tư số 11 ngày 22 tháng 12 năm 2011 của Bộ VHTTDL về việc “Quy định tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh”.

T T	TIÊU CHÍ	NỘI DUNG	TIÊU CHÍ CỤ THỂ THEO VÙNG	
			Đô thị, đồng bằng	Miền núi, hải đảo
1	Tên gọi	Tên gọi được áp dụng cho từng vùng, miền	- Trung tâm Văn hóa-Thể thao (có thể tách riêng Trung tâm Văn	- Trung tâm Văn hóa-Thể thao (có thể tách riêng Trung tâm Văn

			hóa; Trung tâm Thể dục thể thao)	hóa; Trung tâm Thể dục thể thao)
2	Tổng diện tích đất hiện đang sử dụng	2.1. Diện tích đất được quy hoạch (không kể diện tích của các công trình thể dục thể thao trong nhà và ngoài trời)	- Tối thiểu 5000m ²	- Tối thiểu 2500m ²
		2.2. Diện tích hoạt động trong nhà: - Văn phòng - Phục vụ hoạt động chuyên môn	- Tối thiểu 250m ² - Tối thiểu 1000m ²	- Tối thiểu 150m ² - Tối thiểu 600m ²
		2.3. Diện tích hoạt động ngoài trời	- Tối thiểu 3.300m ²	- Tối thiểu 1.750m ²
3	Quy mô xây dựng	3.1. Hội trường	- Tối thiểu 350 chỗ ngồi	- Tối thiểu 300 chỗ ngồi
		3.2. Phòng làm việc lãnh đạo: - Phòng Giám đốc - Phòng các Phó giám đốc	- Tối thiểu 10m ² - Tối thiểu 10m ²	- Tối thiểu 10m ² - Tối thiểu 10m ²
		3.3. Diện tích phòng làm việc của bộ phận chuyên môn - Hành chính-Tổng hợp - Văn hóa văn nghệ - Thể dục thể thao - Đội Tuyên truyền lưu động * Một số Trung tâm cấp	- Tối thiểu 20m ² - Tối thiểu 20m ² - Tối thiểu 20m ² - Tối thiểu 30m ² - Tối thiểu 60m ² - Tối thiểu 60m ² - Tối thiểu 20m ² - Tối thiểu 20m ²	- Tối thiểu 15m ² - Tối thiểu 15m ² - Tối thiểu 15m ² - Tối thiểu 25m ² - Tối thiểu 40m ² - Tối thiểu 40m ² - Tối thiểu 15m ² - Tối thiểu 20m ²



		<p>huyện chưa tách các tổ chức sự nghiệp riêng biệt có thể có các phòng làm việc của bộ phận chuyên môn như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phòng truyền thống - Phòng đọc, kho sách - Du lịch, nếp sống, gia đình - Kho chứa trang thiết bị 		
		<p>3.4. Công trình thể dục thể thao</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất hai trong các công trình: + Sân vận động + Bể bơi + Nhà tập luyện thể thao 	<ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất hai trong các công trình: + Sân vận động + Bể bơi + Nhà tập luyện thể thao
		<p>3.5. Công trình phụ trợ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sân khấu phục vụ tập luyện và biểu diễn nghệ thuật trong nhà - Khu triển lãm, biểu diễn ngoài trời - Khu dịch vụ, vui chơi giải trí, vườn hoa 	<ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu 12m x 8m - Tối thiểu 500m² - Tối thiểu 800m² 	<ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu 9m x 6m - Tối thiểu 400m² - Tối thiểu 500m²
4	Trang thiết bị	<p>4.1. Hội trường đa năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trang bị âm thanh, ánh sáng - Đạo cụ, trang phục 	<ul style="list-style-type: none"> - Có đủ, bàn ghế tối thiểu cho 350 chỗ ngồi - Đủ công suất phục vụ tối thiểu 	<ul style="list-style-type: none"> - Có đủ, bàn ghế tối thiểu cho 300 chỗ ngồi - Đủ công suất phục vụ tối thiểu

			350 người - Đáp ứng tốt yêu cầu tập luyện và biểu diễn	300 người - Đáp ứng nhu cầu tối thiểu cho tập luyện và biểu diễn
		4.2. Dụng cụ tập luyện và thi đấu thể dục thể thao	- Đảm bảo theo công trình thể dục thể thao	- Đảm bảo theo công trình thể dục thể thao
		4.3. Phương tiện vận chuyển	- Được trang bị xe ô tô chuyên dùng	- Được trang bị xe ô tô chuyên dùng
5	Kinh phí	Kinh phí chi theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp do UBND cấp huyện cấp từ ngân sách địa phương hàng năm cho sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch (thực hiện theo Điều 6 của Thông tư số <u>01/2010/TT-BVHTTDL</u> ngày 26/02/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	- Ngân sách nhà nước cấp bảo đảm cho các hoạt động theo kế hoạch được duyệt; thực hiện các nhiệm vụ đột xuất, đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị - Các nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, hoạt động nghiệp vụ, chuyên môn; hoạt động dịch vụ, tài trợ, vay tín dụng, vốn liên doanh, liên kết và các nguồn thu hợp pháp khác.	- Ngân sách nhà nước cấp bảo đảm cho các hoạt động theo kế hoạch được duyệt; thực hiện các nhiệm vụ đột xuất, đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị. - Các nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, hoạt động nghiệp vụ, chuyên môn; hoạt động dịch vụ, tài trợ, vay tín dụng, vốn liên doanh, liên kết và các nguồn thu hợp pháp khác.

Với các quy định của thông tư 11 thì tất cả những nội dung liên quan đến việc xây dựng, mua sắm trang thiết bị... đều phải căn cứ đúng theo tiêu chí cụ thể từng vùng miền. Vì vậy, người quản lý trước khi đưa ra kế hoạch cần phải nắm rõ các tiêu chí quy định của đơn vị cấp trên.

Hiện nay, kinh phí xây dựng các thiết chế văn hóa có thể được đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hóa và các nguồn thu khác. Thực tế, nguồn kinh phí cấp cho xây dựng các thiết chế văn hóa chỉ chiếm 20%, còn lại 80% là nguồn xã hội hóa và các nguồn thu khác. Bởi vậy, việc các thiết chế văn hóa tiến gần tới cơ chế chủ động thu chi, hoặc tự chủ, và có các hoạt động dịch vụ khác để tạo nguồn thu nhập chính đáng cho tổ chức, người lao động là điều hợp lý. Vì vậy, người quản lý cần nắm rõ các quy định về tài chính, đồng thời cũng nhạy bén, linh hoạt với những biến động của thị trường để thiết kế các hoạt động, chương trình, dịch vụ phù hợp, tạo nguồn thu cho cơ sở.

3.5.2.3. Quản lý hoạt động chuyên môn

Căn cứ chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên thì cán bộ quản lý tại các thiết chế văn hóa chủ động xây dựng các kế hoạch chuyên môn nghiệp vụ trình đơn vị quản lý phê duyệt (cấp Bộ, cấp Sở, cấp Huyện, Thị xã, Thành phố). Đồng thời cũng hướng dẫn các cơ quan chuyên môn tham mưu tổ chức, thực hiện các chương trình, kế hoạch về lĩnh vực văn hóa, thể thao, gia đình; thông tin tuyên truyền về bảo tồn di sản văn hóa, thực hiện nếp sống văn hóa trong việc cưới, việc tang, lễ hội trên địa bàn.

Chẳng hạn như đối với việc quản lý các thiết chế văn hóa trên địa bàn thành phố, khi xây dựng, tổ chức các kế hoạch hoạt động cần căn cứ theo quy trình đã trình phân tích ở trên: Bám sát sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Thành ủy, UBND tỉnh, Thành phố, các kế hoạch chuyên môn của Sở VH-TT-DL, hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn thành phố, hàng năm Phòng văn hóa thông tin huyện tham mưu giúp UBND huyện ban hành các kế hoạch tổ chức chào mừng những ngày lễ lớn của đất nước, thành phố và huyện; tổ chức thực hiện các hoạt động về lĩnh vực văn hóa, di tích, thực hiện nếp sống văn hóa, việc cưới, việc tang, lễ hội trên địa bàn huyện.

Một số hoạt động chuyên môn cụ thể mà công tác quản lý cần hướng tới là: Công tác tổ chức các hoạt động văn nghệ quần chúng; các hoạt động thể dục,

thể thao; công tác tổ chức hoạt động của Bảo tàng, Thư viện; công tác thông tin, tuyên truyền, cổ động trực quan...

** Đối với công tác tổ chức các hoạt động văn nghệ quần chúng:*

Ngoài ra, các Trung tâm Văn hóa Thể thao, Nhà văn hóa, Cung văn hóa hàng năm cũng mở các lớp năng khiếu về nghệ thuật cho các lứa tuổi khác nhau tạo nên sân chơi bổ ích cho các em, đồng thời cũng giúp phát hiện, phát triển các tài năng nghệ thuật, thể thao.

Nhiều địa phương, hoạt động văn nghệ quần chúng cũng phát triển mạnh với các đội văn nghệ hoặc các Câu lạc bộ nghệ thuật như: Chèo, ca trù, quan họ, trầu văn, đờn ca tài tử... Các câu lạc bộ này thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia và hỗ trợ rất hiệu quả trong công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

** Đối với các hoạt động thể dục thể thao:*

Năm 2007, Bộ Văn hóa thông tin đổi tên thành Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch nên hoạt động quản lý thiết chế văn hóa bao gồm cả các thiết chế văn hóa thể thao. Hàng năm, tại các thiết chế này thường tổ chức nhiều hoạt động thể dục thể thao trên địa bàn như: Đại hội thể dục thể thao cơ sở; hội khỏe phù đổng; các hội thi với nhiều bộ môn thi đấu; giải đấu giữa các cơ quan, ban ngành, đoàn thể... Ngoài ra, còn hình thành nhiều Câu lạc bộ thể thao, CLB thể dục dưỡng sinh cho người cao tuổi...

Với nhiều phong trào thể dục thể thao tại cơ sở đã góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần và sức khỏe cho người dân. Những hoạt động này trải dài trong mọi lứa tuổi, mọi không gian, vùng miền đã giúp người dân có cơ hội tham gia tập luyện, giải tỏa căng thẳng, mệt mỏi và hình thành một nếp sống văn hóa, khỏe mạnh, sống có ích cho xã hội.

** Công tác tổ chức hoạt động của Thư viện, Bảo tàng:*

Đối với thiết chế Thư viện, hàng năm cần phải thực hiện các hoạt động cụ thể như: Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển các loại hình thư viện; tổ chức lập phương án phát triển mạng lưới thư viện trong quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao và các quy hoạch khác có liên quan; xây dựng các cơ chế phối hợp giữa thư viện với cơ quan tổ chức để phát triển

thư viện và văn hóa đọc trên địa bàn; xây dựng các kế hoạch phục vụ bạn đọc, tuyên truyền lưu động, các hội nghị hội thảo...

Đối với thiết chế Bảo tàng, thực hiện sự chỉ đạo từ ngành dọc, công tác quản lý hướng tới việc xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan tới: Hoạt động nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản các hiện vật; hoạt động trưng bày, tuyên truyền, quảng bá các hiện vật tại bảo tàng; các chuyên đề, tọa đàm, hội thảo; phát triển các hoạt động dịch vụ; phát triển hoạt động bảo tàng gắn với du lịch...

** Công tác thông tin, tuyên truyền, cổ động trực quan:*

Xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân cũng từng bước được nâng cao. Bởi vậy, công tác xây dựng văn hóa cơ sở đang được đặc biệt quan tâm và chú trọng. Để cụ thể hóa các văn bản, chính sách, chủ trương, đường lối, pháp luật của Đảng và Nhà nước thì công tác tuyên truyền vô cùng cần thiết. Hoạt động thông tin, tuyên truyền đóng vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền đúng, đủ, thực hiện hiệu quả và phát huy tính tích cực, chủ động trong quá trình quản lý và triển khai các chính sách xây dựng văn hóa tới đông đảo quần chúng nhân dân.

Trong những năm vừa qua, công tác tuyên truyền, vận động luôn được các cấp ủy Đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội quan tâm và triển khai thực hiện thường xuyên trên cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Đặc biệt là trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm mục tiêu làm cho cán bộ, nhân dân hiểu rõ về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng đời sống văn hóa cơ sở.

Công tác tuyên truyền được đẩy mạnh bằng nhiều hình thức như: tuyên truyền thông qua các buổi giao lưu văn hóa, văn nghệ, họp tổ dân khu phố, sinh hoạt của các chi hội, tuyên truyền miệng, qua hệ thống truyền thanh truyền hình, internet, hệ thống panô, áp phích, hội thi tìm hiểu kiến thức pháp luật, qua khai thác, sử dụng tủ sách pháp luật cơ sở, các buổi tọa đàm, tuyên truyền lưu động... góp phần làm cho người dân nhận thức rõ vai trò, vị trí và tầm quan trọng của việc xây dựng đời sống văn hóa trong cộng đồng.

Có thể thấy rằng, công tác thông tin, tuyên truyền tại cơ sở với những hình thức truyền thống và hiện đại đã được kết hợp hài hòa để tạo nên hiệu quả tuyên truyền sâu rộng tới nhân dân.

3.5.2.4. Quản lý nguồn nhân lực

Quản lý nguồn nhân lực là cách thức tác động của chủ thể quản lý (cơ quan, tổ chức, người lãnh đạo...) lên đối tượng quản lý (nguồn nhân lực) sao cho đối tượng quản lý thực hiện có hiệu quả các mục tiêu đặt ra của chủ thể quản lý.

Quản lý nguồn nhân lực đóng vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý thiết chế bởi có con người thì bộ máy mới vận hành theo mục tiêu đề ra. Nguồn nhân lực làm việc trong các thiết chế văn hóa cũng khá đa dạng, phong phú về trình độ, chuyên môn, giới tính, quốc gia... bởi lĩnh vực văn hóa là một khái niệm rộng. Không những thế, nguồn nhân lực này vừa có đặc điểm chung giống nguồn nhân lực xã hội nhưng cũng có những đặc điểm riêng biệt khi làm việc trong lĩnh vực Văn hóa nghệ thuật.

Hiện nay, nguồn nhân lực làm việc tại các thiết chế văn hóa chính là các cán bộ chuyên trách về mảng văn hóa. Họ vừa là người trực tiếp quản lý và hướng dẫn hướng dẫn các hoạt động văn hóa thông tin tại cơ sở theo sự phân công, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và theo ngành dọc cấp trên là Bộ VH, TT & DL, Sở, Phòng, Trung tâm văn hóa. Những công việc mà các cán bộ văn hóa được giao nhiệm vụ như: Thông tin, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước; tình hình kinh tế-chính trị tại địa phương; xây dựng kế hoạch, chương trình, tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, các Câu lạc bộ, các điểm vui chơi giải trí tại địa phương; tuyên truyền, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa; tổ chức vận động các nguồn xã hội hóa để xây dựng, phát triển sự nghiệp văn hóa...

Công tác quản lý nguồn nhân lực tại các thiết chế đã có sự phân công công việc rõ ràng, có sự chỉ đạo sát sao tuy nhiên, thực tế kết quả các công việc ở một số tỉnh, địa phương, nguồn nhân lực còn yếu kém và thiếu nhiệt tình trong công việc. Nguyên nhân này là do trình độ chuyên môn của cán bộ văn hóa ở địa phương, đặc biệt là ở cấp huyện, xã còn thấp, kiêm nhiệm nhiều công việc hoặc có khi không đúng chuyên môn về văn hóa. Cơ hội học tập, nâng cao

trình độ chuyên môn cũng hạn chế. Hơn nữa, chế độ đãi ngộ, lương thưởng cũng thấp nên nhân viên không nhiệt tình với công việc, thường tranh thủ làm thêm các việc khác dẫn tới chất lượng không cao.

Đây là một thực tế nhìn thấy trong việc quản lý thiết chế văn hóa trong cả nước. Vì vậy, để có thể hạn chế được khó khăn này đòi hỏi người quản lý cần có tầm nhìn chiến lược, đưa ra những dự báo, hoạch định về nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu công việc, nhu cầu xã hội. Xây dựng các kế hoạch tuyển dụng, sử dụng, chính sách đãi ngộ hợp lý giúp giữ chân nguồn nhân lực tốt, giảm tải đội ngũ nhân sự hoạt động kém để từ đó tinh giản bộ máy hành chính, nhân sự ít nhưng chất, làm việc hiệu quả, năng suất. Và chắc chắn, điều kiện tiên quyết đối với đội ngũ nhân sự đáp ứng được tiêu chuẩn trên họ cần phải có kiến thức, kỹ năng, hiểu biết về văn hóa. Vì vậy, trong trích yếu kết luận 76 của Ban Bí thư đã nêu “ Cần nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Coi trọng hơn nữa công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, những người làm công tác văn hóa”. Để từ đó hướng tới những mục tiêu lớn hơn cũng thể hiện trong nội dung trích kết luận 76 của Ban Bí thư đó là “Đẩy mạnh xây dựng môi trường và đời sống văn hóa lành mạnh, gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Huy động nguồn lực của mọi tầng lớp xã hội đầu tư và tổ chức đời sống văn hóa, góp phần thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền, các tầng lớp trong xã hội:”.

Nếu các cán bộ quản lý và cán bộ văn hóa có thể thực hiện tốt những mục tiêu trên thì chúng ta càng thấy rõ được tầm quan trọng, vai trò tiên phong của họ trong công cuộc xây dựng phát triển đất nước, phát triển văn hóa, thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng miền, tầng lớp xã hội. Công cuộc xây dựng và phát triển đất nước đã trải qua rất nhiều thăng trầm của lịch sử nhưng vai trò, tầm quan trọng của người cán bộ văn hóa vẫn luôn có giá trị như lời dạy của Bác “Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy”.

3.5.2.5. Công tác thanh kiểm tra, thi đua, khen thưởng

Trong hoạt động quản lý các thiết chế văn hóa thì công tác thanh kiểm tra là hoạt động quan trọng, diễn ra thường xuyên. Hoạt động thanh kiểm tra cũng

được xây dựng kế hoạch cụ thể theo quý, theo năm và có quyết định thanh kiểm tra rõ ràng từng đơn vị chứ không phải hoạt động thời vụ.

Hàng năm, phòng văn hóa, sở văn hóa tham mưu cho UBND tỉnh, thành phố, các huyện thị thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành để đi kiểm tra, khảo sát kết quả, chất lượng các hoạt động tại cơ sở. Đoàn kiểm tra có thể theo dõi, đánh giá về các nội dung như: những hoạt động tổ chức đã thực hiện, hiện trạng sử dụng cơ sở vật chất, nguồn kinh phí sử dụng trong các hoạt động có hợp lý, số liệu báo cáo thống kê có chính xác hay không, việc triển khai văn bản chỉ đạo thực hiện như thế nào... Thông qua các đợt kiểm tra giúp tổ chức có thể nhận ra những điểm mạnh, điểm yếu, sai sót còn tồn tại trong đơn vị để tiếp tục phát huy ưu điểm hoặc sửa chữa, khắc phục kịp thời những hạn chế. Đồng thời, kết quả của hoạt động kiểm tra, đánh giá cũng là căn cứ chính xác, khách quan để đề xuất khen thưởng hàng năm.

Các sở, phòng, ban văn hóa sẽ là cơ quan thường trực giúp cho UBND đánh giá kết quả mọi hoạt động, phong trào hàng năm để đề xuất khen thưởng. Hình thức khen thưởng thường dành cho cá nhân hoặc tập thể đơn vị có thành tích xuất sắc hoặc khen thưởng đột xuất. Đây là những phần thưởng kịp thời, hiệu quả, động viên về tinh thần cho các các bộ văn hóa trong cả một quá trình công tác.

Hiện nay, công tác thanh kiểm tra, thi đua khen thưởng vẫn diễn ra theo kế hoạch hàng năm nhưng hầu hết các đơn vị văn hóa đều gặp một bài toán khó, đó là vấn đề cán bộ thanh tra văn hóa còn hạn chế về chuyên môn và chế tài xử phạt chưa đủ mạnh. Và công tác thi đua, khen thưởng vẫn còn tình trạng “bó đũa chọn cột cờ” nên tính khách quan, công bằng bị triệt tiêu dẫn tới không tạo được động lực thi đua, cố gắng của nhân viên trong công việc.

Và để giải quyết những khó khăn, tồn tại trên thì công tác thanh tra, thi đua, khen thưởng cần phải được phổ biến rộng rãi trong tổ chức để nhân viên hiểu được mục đích, ý nghĩa thiết thực của hoạt động. Đối với việc thanh kiểm tra, hoạt động này không phải là đối phó, làm cho xong hoặc sấm soi tìm khuyết điểm để báo công mà nó phải xuất phát từ mục đích giúp cho tổ chức, cá nhân hiểu được hạn chế, sửa chữa, thay đổi để hoàn thiện và phát triển. Có như vậy, hoạt động thanh kiểm tra mới được cá nhân, tổ chức hợp tác và vui vẻ thay đổi.

Đối với hoạt động thi đua, khen thưởng thì tổ chức cần phải có những chính sách khen thưởng phù hợp, đúng người, đúng việc, tránh tình trạng cào bằng hoặc khen thưởng theo cảm tính. Khen thưởng có thể bằng nhiều hình thức khác nhau như: Bằng khen, giấy khen, thưởng tiền mặt, thưởng bằng các chuyến tham quan du lịch... Người cán bộ quản lý có tâm, có tầm, có tài thì cần phải đưa ra được quyết định đúng đắn trong công tác này, không bị chi phối bởi cảm tính, có như vậy người được khen thưởng mới thấy trân trọng công sức, đóng góp của cá nhân cho tổ chức. Từ đó, các nhân viên trong tổ chức cũng sẽ thấy hài lòng và tâm phục người lãnh đạo.

Có thể thấy rằng, công tác quản lý các thiết chế văn hóa không hề đơn giản bởi nó được cấu thành từ rất nhiều yếu tố khác nhau. Vì vậy, để có thể làm tốt công tác này thì người cán bộ quản lý phải có trình độ, chuyên môn về văn hóa. Đồng thời cũng không ngừng nâng cao học hỏi về kiến thức, kỹ năng, công nghệ thì mới có thể xây dựng được các hoạt động phù hợp cho tổ chức, giúp quảng bá, phát triển tổ chức văn hóa ngày một phát triển, vươn tầm thế giới.

3.6. CÁC ĐƠN VỊ CHỨC NĂNG VÀ TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ TRONG TỪNG THIẾT CHẾ VĂN HÓA

3.6.1. Các phòng ban, bộ phận

Đây là các đơn vị chức năng mang tính chuyên môn hóa, có vai trò thực hiện chỉ thị, mệnh lệnh và các nhiệm vụ do ban giám đốc giao. Đồng thời phải chấp hành, thực hiện các công việc các nhiệm vụ trong kế hoạch. Triển khai, thảo luận và giải quyết những vấn đề, công việc cụ thể do đơn vị nhận, phân công công tác, phần việc cho từng cá nhân thực hiện. Quá trình triển khai thực hiện vừa nghiên cứu lý luận và thực tiễn của hoạt động, trao đổi, đúc kết kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và chất lượng công tác cho từng cán bộ nhân viên nhằm đảm bảo sự hài hòa và toàn diện thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của từng phòng, ban, bộ phận trong từng thiết chế văn hóa.

3.6.2. Tổ chức Đảng trong các thiết chế văn hóa

Tổ chức Đảng là hạt nhân lãnh đạo của các cơ quan đơn vị văn hóa. Chức năng của tổ chức Đảng là thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện và tuyệt đối ở từng thiết chế văn hóa. Lề lối làm việc của tổ chức Đảng là thông qua nghị quyết của cấp ủy, thông quan vai trò đầu tàu gương mẫu của từng đảng viên.

Thông qua chỉ thị của cấp trên, cấp ủy đề ra chủ trương nghị quyết, tổ chức và vận động đảng viên, quần chúng thực hiện.

Đảng lãnh đạo theo nguyên tắc: Đảng lãnh đạo, giám đốc quản lý, các đoàn thể phối hợp quản lý và thực hiện. Người chịu trách nhiệm quản lý về hành chính và chuyên môn là giám đốc, giám đốc chấp hành sự giám sát, lãnh đạo của Đảng.

3.6.3. Các tổ chức quần chúng trong từng thiết chế văn hóa

Trong từng thiết chế văn hóa các tổ chức quần chúng bao gồm: Công đoàn, đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh có nhiệm vụ:

Cùng với chính quyền tham gia tổ chức quản lý các hoạt động văn hóa, tổ chức và phát động các phong trào thi đua.

Cùng với chính quyền quan tâm cải thiện chăm lo đời sống sinh hoạt của từng cán bộ nhân viên trong từng thiết chế văn hóa.

Giám sát chính quyền trong việc thực hiện các chế độ, chính sách đãi ngộ đã ban hành. Đảm bảo lợi ích người lao động cho cán bộ công nhân viên.

Giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, khích lệ động viên nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần đoàn kết, phát huy tính tích cực, chủ động sáng kiến sáng tạo đẩy mạnh mọi hoạt động, của từng thiết chế văn hóa.

3.6.4. Cán bộ nhân viên trong từng thiết chế văn hóa

Hiểu biết luật công chức, nắm bắt chủ trương, đường lối xây dựng và phát triển văn hóa nghệ thuật, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước.

Có trình độ nghiệp vụ, chuyên môn cụ thể, phẩm chất, nhân cách văn hóa có tinh thần nhiệt tình, tâm huyết yêu nghề, ý thức tổ chức kỷ luật và trách nhiệm cao.

Có kiến thức về tâm lý học, xã hội học, văn hóa học, quản lý văn hóa - nghệ thuật, năng lực tổ chức và nghệ thuật sư phạm, giàu lòng nhân ái, linh hoạt, thích ứng nhanh, luôn chủ động, tích cực sáng tạo.

Có lối sống lành mạnh, khiêm tốn, hòa đồng gần gũi quần chúng nhân dân, lịch sự trong giao tiếp, tế nhị trong ứng xử, có sức cảm hóa, cuốn hút và thuyết phục, kiên định và quyết đoán trong công tác và hoạt động.

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1. Hãy trình bày khái niệm, chức năng của quản lý thiết chế văn hóa?

Câu 2. Hãy trình bày khái niệm, các nguyên tắc trong quản lý thiết chế văn hóa?

Câu 3. Phân tích cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến, mô hình trực tuyến - tham mưu, chức năng?

Câu 4. Trình bày các hoạt động quản lý tại cơ sở?

Câu 5. Phân tích quy trình quản lý các thiết chế văn hóa?

CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN

Câu 6. Khảo sát thiết chế Thư viện, Bảo tàng. Phân tích, đánh giá về thực trạng công tác quản lý tại thiết chế này?

Câu 7. Khảo sát thiết chế Nhà văn hóa – Trung tâm văn hóa. Phân tích, đánh giá về thực trạng công tác quản lý tại thiết chế này?

Câu 8. Khảo sát thiết chế Nhà hát, Rạp chiếu phim. Phân tích, đánh giá về thực trạng công tác quản lý tại thiết chế này?

Câu 9. Khảo sát thiết chế Quảng trường, công viên văn hóa. Phân tích, đánh giá về thực trạng công tác quản lý tại thiết chế này?

Câu 10. Khảo sát thiết chế Bưu điện văn hóa xã. Phân tích, đánh giá về thực trạng công tác quản lý tại thiết chế này?

Câu 11. Khảo sát thiết chế văn hóa. Phân tích, đánh giá về thực trạng công tác quản lý tại thiết chế này?

Câu 12. Khảo sát thiết chế văn hóa phục vụ thanh niên, thiếu niên và nhi đồng như: Cung Thiếu nhi, Nhà Thiếu nhi hoặc Trung tâm hoạt động Thanh Thiếu nhi. Phân tích, đánh giá về thực trạng công tác quản lý tại thiết chế này?

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHƯƠNG 3

[1] Nguyễn Quốc Chí, “Đại cương khoa học quản lý”, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015.

[2] Phan Văn Tú, “Đại cương khoa học quản lý”, Hà Nội: Nxb Lao động, 2017.

[3] Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, *Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 28/12/2010 về việc Quy định tiêu chí của Trung tâm văn hóa - Thể thao quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh*, 2010.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Tratu Soha, “Quản lý”, 2021. [Trực tuyến]. Địa chỉ: http://tratu.soha.vn/dict/vn_vn/Qu%E1%BA%A3n_1%C3%AD. [Truy cập ngày 14/5/2021].
- [2] Phan Văn Tú, “Đại cương về khoa học quản lý”. Hà Nội: Nxb Lao Động, 2017.
- [3] Lâm Quốc Tuấn, “Nâng cao văn hóa chính trị của cán bộ lãnh đạo quản lý ở nước ta hiện nay”. Hà Nội: Nxb Văn hóa Thông tin và Viện Văn hóa, 2006.
- [4] Trần Thùy Linh-Phạm Thúy Hằng, “Vai trò của các thiết chế văn hóa trong xã hội”, 2019. [Trực tuyến]. Địa chỉ: <http://vanhien.vn/news/vai-tro-cua-cac-thiet-che-van-hoa-trong-xa-hoi-73942>. [Truy cập ngày 25/5/2021].
- [5] Xuân Trung, “Quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng đến năm 2020: Đầu tư trọng điểm cho 2 Đại học Quốc gia”, 2013. [Trực tuyến]. Địa chỉ: <https://www.vnu.edu.vn/ttsk/?C1654/N14791/Quy-hoach-mang-luoi-cac-truong-dai-hoc,-cao-dang-den-nam-2020>. [Truy cập ngày 08/6/2021].
- [6] Viet Fun Travel, “Giới thiệu Nhà hát lớn Hà Nội”, 2021. [Trực tuyến]. Địa chỉ: <https://www.vietfuntravel.com.vn/blog/gioi-thieu-nha-tho-lon-o-hanoi.html>. [Truy cập ngày 02/6/2021].
- [7] Luật Thư viện năm 2019, Nxb Lao động, 2019.
- [8] Hoàng Ngân, “Đổi mới hoạt động thư viện trong thời kì mới: Như thế nào cho hợp thời”, 2018. [Trực tuyến]. Địa chỉ: <http://baovanhoa.vn/van-hoa/chinh-sach-quan-ly/artmid/568/articleid/13694/doi-moi-hoat-dong-thu-vien-trong-thoi-ki-moi-nhu-the-nao-cho-hop-thoi>. [Truy cập ngày 06/4/2021].
- [9] Phan Thanh Tá, “Tập bài giảng Quản lý các thiết chế văn hóa”, trường Đại học Văn hóa Hà Nội. 2014.
- [10] N.B.N, “Lịch sử Bảo tàng và ý nghĩa ngày Quốc tế Bảo tàng”, 2015. [Trực tuyến]. Địa chỉ: <http://baotang.thanhhoa.gov.vn/portal/Pages/2015-5-13/Lich-su-Bao-tang-va-y-nghia-ngay-Quoc-te-Bao-tang-5frc3v.aspx>. [Truy cập ngày 29/5/2021].

[11] Phạm Thị Mai Thúy, “Bảo tàng và hoạt động giáo dục bảo tàng”, 2020. [Trực tuyến]. Địa chỉ: <http://baotanglichsu.vn/vi/Articles/3099/71423/bao-tang-va-hoat-djong-giao-duc-bao-tang-phan-1.html#>. [Truy cập ngày 26/7/2020].

[12] Bùi Thị Tuyết Khanh, “*Từ điển Tiếng Việt*”. Hà Nội: Nxb Thống kê, 2004.

[13] Nguyễn Thị Huệ (chủ biên), “*Cơ sở Bảo tàng học*”. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia, 2008.

[14] Gary Edson và David Dean, “*Cẩm nang Bảo tàng*”, Hà Nội, 2001.

[15] Văn phòng Quốc hội, *Luật Di sản văn hóa 2013 ban hành ngày 23/7/2013*.

[16] Quỳnh Trang, “Bảo tàng tư nhân nhìn từ hai phía”, 2015. [Trực tuyến]. Địa chỉ: <https://thoibaonganhang.vn/bao-tang-tu-nhan-nhin-tu-hai-phia-42500.html>. [Truy cập ngày 3/6/2021].

[17] Tổng công ty Bưu điện Việt Nam, “Tổng quan về Tổng công ty Bưu điện Việt Nam”. [Trực tuyến]. Địa chỉ: <http://www.vnpost.vn/vi-vn/chuyen-trang/gioi-thieu>. [Truy cập ngày 02/6/2021].

[18] Tổng công ty Bưu điện Việt Nam, “Nam Định phát triển đa dạng sản phẩm dịch vụ tại Bưu điện Văn hóa xã”, 2019. [Trực tuyến]. Địa chỉ: <http://www.vnpost.vn/vi-vn/bai-viet/chi-tiet/id/91472/key/nam-dinh-phat-trien-da-dang-san-pham-dich-vu-tai-buu-dien-van-hoa-xa>. [Truy cập ngày 01/6/2021].

[19] 24 hình/s, “Lịch sử điện ảnh Việt Nam”, 2017. [Trực tuyến]. Địa chỉ: <https://24hinh.vn/threads/lich-su-dien-anh-viet-nam.2152/>. [Truy cập ngày 03/6/2021].

[20] Vũ Quỳnh, “Thị trường phát hành phim Việt Nam và nguy cơ thua ngay trên sân nhà”, 2019. [Trực tuyến]. Địa chỉ: <https://nhandan.com.vn/binh-luan-phe-phan/thi-truong-phat-hanh-phim-viet-nam-va-nguy-co-thua-ngay-tren-san-nha-359934>. [Truy cập ngày 20/7/2020].

[21] Nha Trang Today, “Vinpearl Land Nha Trang - Thương hiệu Việt đẳng cấp Quốc tế”, 2021. [Trực tuyến]. Địa chỉ: <https://nhatrangtoday.vn/vinpearl-land-nha-trang-post71>. [Truy cập 05/6/2021].

[22] Ban Chấp hành Trung ương, *Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998 về Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, 1998.

[23] Ban Chấp hành Trung ương, *Nghị Quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 về Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, 2014.

[24] Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 về Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030*, 2013.

[25] Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, *Quyết định số 2563/QĐ-BVHTTDL ngày 03/8/2015 về Phê duyệt đề án “Nâng cao hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao ở nông thôn”*, 2015.

[26] Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch - Bộ Nội vụ, *Thông tư liên tịch số 43/2008/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 06/6/2008 về Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện*, 2008.

[27] Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, *Thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26/02/2010 về Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của tổ chức sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*, 2010.

[28] Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, *Thông tư số 07/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 14/9/2015 về Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh*, 2015.

2. Đặt tên theo tên danh nhân, theo tên địa phương nơi đặt trụ sở bảo tàng, theo tên đơn vị chủ quản hoặc theo tên chủ sở hữu bảo tàng;
3. Tên của bảo tàng không được trùng với tên bảo tàng đã được cơ quan có thẩm quyền thành lập hoặc cấp giấy phép hoạt động;
4. Tên của bảo tàng không được ghép với các cụm từ “Việt Nam”, “Quốc gia”, trừ những bảo tàng do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

Điều 3. Tổ chức của bảo tàng

1. Tổ chức bộ máy của bảo tàng do người có thẩm quyền thành lập quyết định, phù hợp với quyền hạn và chức năng, nhiệm vụ, nội dung hoạt động của bảo tàng, gồm: Lãnh đạo bảo tàng, các phòng hoặc tổ chức năng, các đơn vị trực thuộc.
2. Giám đốc bảo tàng có trách nhiệm tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức, viên chức, người lao động để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu hoạt động bảo tàng.
3. Bảo tàng được tham gia là thành viên của tổ chức nghề nghiệp quốc tế có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Hội đồng khoa học của bảo tàng

1. Hội đồng khoa học của bảo tàng do Giám đốc bảo tàng quyết định thành lập theo thẩm quyền, là tổ chức tư vấn cho Giám đốc bảo tàng về phương hướng phát triển ngắn hạn, dài hạn và những vấn đề khoa học liên quan; thẩm định giá trị khoa học, giá trị kinh tế của tài liệu, hiện vật có liên quan đến hoạt động của bảo tàng.
2. Hội đồng khoa học của bảo tàng gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký và các Ủy viên là các nhà khoa học ở trong và ngoài nước có uy tín về các lĩnh vực khoa học, nghiệp vụ liên quan đến nội dung hoạt động của bảo tàng.
3. Kinh phí hoạt động của Hội đồng khoa học của bảo tàng thuộc kinh phí hoạt động của bảo tàng.

Điều 5. Hoạt động nghiên cứu khoa học

1. Hoạt động nghiên cứu khoa học của bảo tàng được thực hiện thường xuyên thông qua việc triển khai đề tài khoa học các cấp, các chương trình, dự án, đề án khác theo kế hoạch ngắn hạn, dài hạn.

Hoạt động nghiên cứu khoa học phải gắn kết và nâng cao chất lượng hoạt động của bảo tàng để phục vụ công chúng và góp phần phát triển lý luận bảo tàng học.

2. Bảo tàng được liên kết với các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước để triển khai các chương trình, kế hoạch nghiên cứu khoa học liên quan đến hoạt động bảo tàng theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Hoạt động sưu tầm, tư liệu hóa tài liệu, hiện vật và di sản văn hóa phi vật thể

1. Bảo tàng được sưu tầm, tư liệu hóa tài liệu, hiện vật và di sản văn hóa phi vật thể ở trong và ngoài nước phù hợp với phạm vi, đối tượng, nội dung hoạt động của bảo tàng.

2. Bảo tàng tổ chức việc sưu tầm, tư liệu hóa tài liệu, hiện vật và di sản văn hóa phi vật thể thông qua các phương thức sau đây:

a) Khảo sát điền dã sưu tầm, tư liệu hóa tài liệu, hiện vật và di sản văn hóa phi vật thể;

b) Khai quật khảo cổ;

c) Tiếp nhận tài liệu, hiện vật do tổ chức, cá nhân chuyển giao, hiến tặng;

d) Mua, trao đổi tài liệu, hiện vật với tổ chức, cá nhân.

Việc sưu tầm, tư liệu hóa tài liệu, hiện vật và di sản văn hóa phi vật thể phải tuân theo các quy định của pháp luật hiện hành và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

3. Tài liệu, hiện vật của bảo tàng được chuyển giao, thanh lý, hủy trong các trường hợp sau:

a) Không phù hợp với phạm vi, đối tượng và nội dung hoạt động của bảo tàng;

b) Bị hư hỏng không còn khả năng phục hồi;

c) Được xác định gây hại cho con người và môi trường;

d) Được xác định không chính xác về lịch sử, văn hóa, khoa học;

đ) Được xác định không phù hợp chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp;

e) Được xác định nguồn gốc bất hợp pháp.

Căn cứ ý kiến tư vấn của Hội đồng khoa học của bảo tàng và quy định pháp luật có liên quan, Giám đốc bảo tàng ngoài công lập quyết định việc chuyển giao, thanh lý, hủy tài liệu, hiện vật; Giám đốc bảo tàng công lập đề nghị người đứng đầu cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp của bảo tàng quyết định việc chuyển giao, thanh lý, hủy tài liệu, hiện vật.

Điều 7. Hoạt động kiểm kê

1. Bảo tàng tổ chức kiểm kê tài liệu, hiện vật theo Quy chế kiểm kê hiện vật bảo tàng được Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin ban hành kèm theo Quyết định số 70/2006/QĐ-BVHTT ngày 15 tháng 9 năm 2006.

2. Hồ sơ kiểm kê tài liệu, hiện vật được lập, quản lý ổn định, lâu dài; được lưu trữ bằng văn bản và lưu trữ bằng công nghệ thông tin.

Điều 8. Hoạt động bảo quản

1. Hoạt động bảo quản tài liệu, hiện vật bao gồm:

- a) Sắp xếp tài liệu, hiện vật và tổ chức kho để bảo quản;
- b) Lập hồ sơ về hiện trạng tài liệu, hiện vật và môi trường bảo quản;
- c) Tổ chức việc bảo quản phòng ngừa, bảo quản trị liệu, phòng chống tai họa, rủi ro cho tài liệu, hiện vật.

2. Việc bảo quản phải được thực hiện với mọi tài liệu, hiện vật khi trưng bày, khi lưu giữ trong kho và khi đưa ra ngoài bảo tàng.

3. Việc bảo quản tài liệu, hiện vật phải tuân thủ quy trình, nguyên tắc, kỹ thuật bảo quản và phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng có liên quan đến tài liệu, hiện vật.

Điều 9. Hoạt động trưng bày tài liệu, hiện vật và giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể

1. Hoạt động trưng bày tài liệu, hiện vật và giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể của bảo tàng bao gồm:

- a) Trưng bày dài hạn, ngắn hạn tại bảo tàng;
- b) Trưng bày, triển lãm lưu động ở trong và ngoài nước;
- c) Tổ chức giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể.

2. Trưng bày tài liệu, hiện vật và giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể của bảo tàng phải bảo đảm:

- a) Phù hợp với phạm vi, đối tượng, nội dung hoạt động của bảo tàng;
- b) Chú trọng trưng bày tài liệu, hiện vật gốc;
- c) Việc giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể phải gắn với tài liệu, hiện vật, nội dung trưng bày của bảo tàng, góp phần bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể;
- d) Thuyết minh trưng bày cung cấp đầy đủ, rõ ràng, chính xác thông tin về tài liệu, hiện vật và phù hợp với đối tượng khách tham quan;
- đ) Bản phục dựng, bản sao tài liệu, hiện vật phải chính xác, khoa học và được ghi chú rõ ràng;
- e) Thuận lợi cho việc tham quan và giữ gìn an ninh, an toàn cho tài liệu, hiện vật, khách tham quan;
- g) Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Điều 10. Hoạt động giáo dục

1. Hoạt động giáo dục của bảo tàng bao gồm:
 - a) Hướng dẫn tham quan;
 - b) Tổ chức chương trình giáo dục;
 - c) Tổ chức hội thảo, tọa đàm khoa học, nói chuyện chuyên đề;
 - d) Xuất bản ấn phẩm liên quan đến hoạt động giáo dục của bảo tàng.
2. Chương trình giáo dục của bảo tàng phải phù hợp với nội dung hoạt động và đối tượng công chúng của bảo tàng.
3. Chương trình giáo dục của bảo tàng nhằm tạo cơ hội và khuyến khích các hình thức học tập và hưởng thụ văn hóa của công chúng.

Điều 11. Hoạt động truyền thông

1. Hoạt động truyền thông của bảo tàng bao gồm:
 - a) Giới thiệu nội dung và hoạt động của bảo tàng trên phương tiện thông tin đại chúng;

b) Tổ chức chương trình quảng bá, phát triển công chúng và xã hội hóa hoạt động của bảo tàng;

c) Tổ chức lấy ý kiến đánh giá của công chúng về hoạt động của bảo tàng;

d) Xây dựng mạng lưới tổ chức, cá nhân có liên quan để phát triển hoạt động của bảo tàng ở trong và ngoài nước.

2. Hoạt động truyền thông của bảo tàng phải phù hợp với phạm vi, đối tượng, nội dung hoạt động của bảo tàng và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 12. Hoạt động dịch vụ

1. Hoạt động dịch vụ của bảo tàng bao gồm:

a) Tổ chức dịch vụ ăn, uống, nghỉ ngơi, giải trí và dịch vụ khác;

b) Tổ chức phát triển sản phẩm lưu niệm, xuất bản ấn phẩm của bảo tàng;

c) Tổ chức các sự kiện văn hóa, giáo dục, thể thao và du lịch;

d) Cung cấp thông tin, tư liệu;

đ) Tư vấn kỹ thuật, nghiệp vụ bảo tàng;

e) Giám định, thẩm định di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia;

g) Bảo quản, phục hồi, làm bản sao tài liệu, hiện vật;

h) Hợp tác khai quật khảo cổ;

i) Hợp tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về bảo tàng.

2. Hoạt động dịch vụ của bảo tàng phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của bảo tàng và quy định của pháp luật có liên quan nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, tham quan, hưởng thụ văn hóa của công chúng hoặc đơn đặt hàng của tổ chức, cá nhân.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2011.

2. Bãi bỏ các văn bản sau đây:

a) Quyết định số 132/1998/QĐ-BVHTT ngày 06 tháng 02 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của các Bảo tàng;

b) Quyết định số 09/2004/QĐ-BVHTT ngày 24 tháng 02 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của bảo tàng tư nhân.

3. Cục Di sản văn hóa chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Cục Di sản văn hóa) để xem xét, bổ sung, sửa đổi./.

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Hoàng Tuấn Anh

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO
VÀ DU LỊCH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01/2010/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2010

THÔNG TƯ

BAN HÀNH QUY CHẾ VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC SỰ NGHIỆP HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 185/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 43/2008/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Quy chế của tổ chức sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế về tổ chức và hoạt động của tổ chức sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2010. Bãi bỏ Quyết định số 49/2005/QĐ-BVHTT ngày 13 tháng 9 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa-Thông tin ban hành Quy chế mẫu về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa-Thông tin cấp huyện.

Điều 3. Cục trưởng Cục Văn hóa cơ sở, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh,



thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cục Kiểm tra Văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- UBND cấp huyện;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Lưu: VT, VHCS (02), AT.1000.

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Hoàng Tuấn Anh

QUY CHẾ**VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC SỰ NGHIỆP HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**

(Ban hành theo Thông tư số 01 /2010/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 02 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của tổ chức sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là tổ chức sự nghiệp).

2. Quy chế này áp dụng đối với Trung tâm Văn hóa, Trung tâm Thể dục-Thể thao, Trung tâm Văn hóa-Thể thao quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Quy chế này không áp dụng đối với thư viện và các tổ chức sự nghiệp khác hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 2. Tên gọi, vị trí và chức năng**1. Tên gọi:**

Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định thành lập tổ chức sự nghiệp có tên gọi như sau:

Trung tâm.....+ tên quận, huyện, thị xã, thành phố.

2. Vị trí:

Tổ chức sự nghiệp có tư cách pháp nhân, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

3. Chức năng:

a) Phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa-xã hội của địa phương;

b) Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác văn hóa, thể thao và du lịch ở cơ sở;

c) Tổ chức, cung ứng dịch vụ công; đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, du lịch; nhu cầu tiếp nhận thông tin, nâng cao dân trí, nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của nhân dân trên địa bàn.

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Căn cứ chương trình phát triển kinh tế-xã hội hàng năm của địa phương để xây dựng kế hoạch hoạt động trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và tổ chức thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt;

2. Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tuyên truyền cổ động, đọc sách báo, giải trí, chiếu phim, câu lạc bộ, nhóm sở thích, lớp năng khiếu nghệ thuật;

3. Tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao; hướng dẫn kỹ thuật, phương pháp và điều kiện tập luyện cho các tổ chức và cá nhân;

4. Tổ chức các cuộc liên hoan, hội thi, hội diễn, thi đấu và hướng dẫn phong trào văn hóa-văn nghệ, thể dục-thể thao ở cơ sở;

5. Phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu văn hóa-văn nghệ, thể dục-thể thao;

6. Sưu tầm, bảo tồn và hướng dẫn các loại hình nghệ thuật dân gian, các môn thể thao truyền thống;

7. Tổ chức các hoạt động tác nghiệp chuyên môn, các hoạt động dịch vụ văn hóa, thể thao và các hoạt động dịch vụ khác đáp ứng nhu cầu của nhân dân địa phương đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của tổ chức sự nghiệp;

8. Hợp tác, giao lưu, trao đổi chuyên môn nghiệp vụ và các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch với các đơn vị, tổ chức trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

9. Quản lý công chức, viên chức, tài chính và tài sản theo quy định của pháp luật;

10. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo tổ chức sự nghiệp gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc

a) Giám đốc: Là người đứng đầu tổ chức sự nghiệp; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về nhân sự, tài sản và toàn bộ hoạt động của tổ chức sự nghiệp;

b) Phó Giám đốc: Giúp Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về nhiệm vụ được phân công; khi vắng mặt, Giám đốc có thể ủy quyền cho một trong các Phó Giám đốc điều hành và giải quyết công việc của tổ chức sự nghiệp;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện bổ nhiệm và miễn nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc tổ chức sự nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Các tổ chuyên môn, nghiệp vụ

a) Tổ hành chính-tổng hợp:

Thực hiện nhiệm vụ về hành chính-quản trị, tổng hợp; xây dựng kế hoạch, tài chính, kế toán; khai thác, tổ chức các dịch vụ văn hóa, thể thao và du lịch theo chức năng, nhiệm vụ trên cơ sở phát huy hiệu quả năng lực cán bộ, cộng tác viên và cơ sở vật chất của tổ chức sự nghiệp.

b) Tổ văn hóa-văn nghệ:

Thực hiện nhiệm vụ tổ chức các hoạt động văn hóa-văn nghệ, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về văn hóa-văn nghệ cho cơ sở.

c) Tổ thể dục-thể thao:

Thực hiện nhiệm vụ tổ chức các hoạt động tập luyện, thi đấu thể dục-thể thao, hướng dẫn phong trào thể dục-thể thao cho cơ sở.

d) Đội tuyên truyền lưu động:

Thực hiện nhiệm vụ tổ chức các hoạt động tại chỗ và lưu động về tuyên truyền cổ động, triển lãm; phục vụ các nhiệm vụ chính trị đột xuất, cấp bách, các phong trào, cuộc vận động lớn tại địa phương.

3. Biên chế:

a) Biên chế của tổ chức sự nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định theo định mức biên chế sự nghiệp, căn cứ chức danh và tiêu chuẩn ngạch viên chức chuyên môn;

b) Căn cứ nhiệm vụ và nhu cầu cụ thể, Giám đốc tổ chức sự nghiệp báo cáo với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để được ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật;

c) Căn cứ điều kiện, đặc thù, nhu cầu cụ thể của địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định về khung tổ chức bộ máy và nhân sự của tổ chức sự nghiệp.

Điều 5. Cơ sở vật chất

1. Tổ chức sự nghiệp được quy hoạch xây dựng ở khu vực trung tâm, đông dân cư, thuận lợi giao thông; khi xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa cần đảm bảo có những yêu cầu về cơ sở vật chất như sau:

a) Trụ sở làm việc;

b) Hội trường đa năng;

c) Khu hoạt động chức năng phù hợp với các tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên môn, nghiệp vụ;

d) Khu dịch vụ, vui chơi giải trí;

đ) Phương tiện chuyên dùng.

2. Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương và quy mô tổ chức của tổ chức sự nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện quyết định việc đầu tư cơ sở vật chất theo các quy chuẩn chuyên môn và theo thẩm quyền.

Điều 6. Kinh phí hoạt động

1. Kinh phí hoạt động của tổ chức sự nghiệp được huy động, bao gồm:

a) Từ Ngân sách nhà nước cấp đảm bảo cho các hoạt động theo kế hoạch được duyệt; thực hiện các nhiệm vụ đột xuất; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị;

b) Các nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp:

- Hoạt động nghiệp vụ, chuyên môn,

- Hoạt động dịch vụ, tài trợ, vay tín dụng, vốn liên doanh, liên kết và các nguồn thu hợp pháp khác.

2. Nội dung chi:

a) Chi đảm bảo thực hiện chức năng, nhiệm vụ;

b) Chi phục vụ các hoạt động dịch vụ, liên kết;

c) Chi đảm bảo phát triển sự nghiệp, góp phần nâng cao đời sống của cán bộ, viên chức, người lao động trong tổ chức sự nghiệp theo quy định và theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

3. Cơ chế tài chính:

Tổ chức sự nghiệp thực hiện theo cơ chế tài chính theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan tài chính chuyên ngành.

Điều 7. Quan hệ công tác

1. Tổ chức sự nghiệp chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Phòng Văn hóa và Thông tin tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý nhà nước đối với tổ chức sự nghiệp.

3. Tổ chức sự nghiệp chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh.

4. Tổ chức sự nghiệp hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở.

5. Hoạt động của các đoàn thể, tổ chức xã hội trong tổ chức sự nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật và điều lệ của các đoàn thể, tổ chức xã hội đó.

6. Tổ chức sự nghiệp quan hệ với các đối tác trong việc thực hiện dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Quy chế này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện những quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của tổ chức sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhân:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cục Kiểm tra Văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- UBND cấp huyện;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Lưu: VT, VHCS (02), AT.1000.

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Hoàng Tuấn Anh